



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
(Ngày 29/6/2018)

TT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
I	Đón tiếp Đại biểu	
1	7h30-7h55	- Đón tiếp đại biểu, cổ đông; xác nhận tham dự, phát tài liệu, phiếu biểu quyết cho cổ đông.
II	Khai mạc Đại hội	
2	8h00-8h30	- Chào cờ, khai mạc và giới thiệu đại biểu - Thông qua Nội quy Đại hội
3	8h30-8h40	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông
4	8h40-8h55	- Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch - Giới thiệu và thông qua Ban thư ký - Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu
III	Chương trình đại hội	
5	08h55-9h05	- Thông qua nội dung chính của chương trình Đại hội
6	9h05 – 11h15	- Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2018; - Tờ trình công tác nhân sự của Công ty; - Tờ trình bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty; - Tờ trình điều chỉnh, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty; - Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017; - Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán; - Báo cáo thù lao HĐQT/BKS năm 2017 và Tờ trình Kế hoạch thù lao HĐQT/BKS năm 2018; - Báo cáo hoạt động của tiểu ban Nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng; - Báo cáo về việc giải quyết chế độ hưu trước tuổi cho người lao động; - Báo cáo tiến độ thực hiện phương án vay trả khoản vay cầu cảng số 4, 5 bến Cảng Chùa Vẽ và phân chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị; - Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018; - Báo cáo của Ban kiểm soát; - Các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
7	11h15-12h00	- Thảo luận các nội dung Đại hội. - Biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình
8	12h00-12h25	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
9	12h30	- Chào cờ, bế mạc Đại hội



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản “Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)” được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu/phải trả về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh 39 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 đã được điều chỉnh lại. Ý kiến ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-180-KT-HN



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.085.080.943.795	1.880.382.673.696
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	283.689.798.159	520.069.355.892
Tiền	111		183.689.798.159	354.069.355.892
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	166.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.350.500.000.000	1.007.981.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	1.350.500.000.000	1.007.981.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		362.604.792.314	298.334.866.511
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	239.791.355.195	271.162.397.741
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	116.964.964.718	26.775.752.709
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	31.561.032.572	22.715.713.375
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(25.712.560.171)	(22.318.997.314)
Hàng tồn kho	140	11	41.924.584.941	34.882.332.735
Hàng tồn kho	141		41.924.584.941	34.882.332.735
Tài sản ngắn hạn khác	150		46.361.768.381	19.115.118.558
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15(a)	16.370.409.530	16.085.209.414
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	18(a)	26.449.827.257	2.657.689.536
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	18(b)	3.541.531.594	372.219.608

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.151.201.629.672	3.248.272.186.226
Các khoản phải thu dài hạn	210		320.986.000	561.681.000
Phải thu dài hạn khác	216		320.986.000	561.681.000
Tài sản cố định	220		2.757.442.452.964	2.866.811.353.256
Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.754.651.575.543	2.865.425.911.731
Nguyên giá	222		6.762.852.394.015	6.468.835.929.197
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.008.200.818.472)	(3.603.410.017.466)
Tài sản cố định vô hình	227	13	2.790.877.421	1.385.441.525
Nguyên giá	228		36.632.249.838	34.507.825.838
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(33.841.372.417)	(33.122.384.313)
Tài sản dở dang dài hạn	240		46.663.006.357	60.571.946.452
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	46.663.006.357	60.571.946.452
Đầu tư tài chính dài hạn	250		254.703.777.851	247.231.501.058
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	6(b)	237.929.772.863	230.497.496.070
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6(c)	17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	6(c)	(981.131.012)	(1.021.131.012)
Tài sản dài hạn khác	260		92.071.406.500	73.095.704.460
Chi phí trả trước dài hạn	261	15(b)	65.626.018.324	55.620.208.276
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	26.445.388.176	17.475.496.184
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		5.236.282.573.467	5.128.654.859.922

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.228.734.872.093	1.308.867.211.635
Nợ ngắn hạn	310		498.608.587.782	532.536.252.269
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	52.813.228.988	60.854.194.373
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.022.069.602	4.968.612.358
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18(c)	31.506.874.219	75.559.084.292
Phải trả người lao động	314		116.226.950.214	136.934.846.236
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	132.576.176.131	95.557.004.331
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	464.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	19.265.787.566	30.088.255.478
Vay dài hạn đến hạn trả	320	21(a)	56.158.685.439	65.307.186.147
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	42.562.500.000	41.060.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	43.476.315.623	21.743.069.054
Nợ dài hạn	330		730.126.284.311	776.330.959.366
Vay dài hạn	338	21(b)	725.015.885.896	762.991.416.922
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	5.110.398.415	3.602.244.444
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	-	9.737.298.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		4.007.547.701.374	3.819.787.648.287
Vốn chủ sở hữu	410	24	4.007.547.701.374	3.819.787.648.287
Vốn cổ phần	411	25	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		72.599.527.038	72.599.527.038
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(613.301.691.109)	(613.301.691.109)
Quỹ đầu tư phát triển	418	27	269.015.348.989	156.122.712.580
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		531.124.970.411	492.034.247.315
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		182.293.891.386	161.946.044.914
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		348.831.079.025	330.088.202.401
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		478.509.546.045	442.732.852.463
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		5.236.282.573.467	5.128.654.859.922

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	2.068.935.989.867	2.401.885.380.184
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1.350.009.103.782	1.511.042.414.180
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		718.926.886.085	890.842.966.004
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	90.739.845.322	79.097.159.273
Chi phí tài chính	22	31	66.487.799.379	75.462.401.544
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		44.672.760.922	52.479.199.297
Phần lãi trong công ty liên kết	24		14.697.872.969	11.457.591.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	209.895.528.929	213.878.024.890
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		547.981.276.068	692.057.289.879
Thu nhập khác	31	33	14.638.919.698	4.465.064.562
Chi phí khác	32		1.803.156.437	1.978.998.171
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		12.835.763.261	2.486.066.391
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		560.817.039.329	694.543.356.270
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	85.993.732.115	111.119.144.368
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	35	(7.461.738.021)	(15.133.251.740)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		482.285.045.235	598.557.463.642

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		482.285.045.235	598.557.463.642
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		348.831.079.025	460.872.202.401
Cổ đông không kiểm soát	62		133.453.966.210	137.685.261.241
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.066,89	1.409,57

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởngNguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		560.817.039.329	694.543.356.270
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		416.560.565.661	421.664.231.056
Các khoản dự phòng	03		(4.881.235.143)	4.311.712.827
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		18.341.710.814	14.444.735.559
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(101.931.231.804)	(82.568.766.634)
Chi phí lãi vay	06		44.672.760.922	52.479.199.297
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		933.579.609.779	1.104.874.468.375
Biến động các khoản phải thu	09		(12.477.241.477)	16.997.081.493
Biến động hàng tồn kho	10		(7.042.252.206)	5.412.191.765
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(39.949.268.087)	(13.723.365.667)
Biến động chi phí trả trước	12		(10.268.600.164)	8.665.736.912
			863.842.247.845	1.122.226.112.878
Tiền lãi vay đã trả	14		(7.527.771.351)	(9.463.486.108)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(132.003.543.006)	(104.645.824.483)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16		111.940.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(58.419.577.895)	(154.469.277.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		666.003.295.593	853.647.525.050

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(373.734.874.545)	(204.395.607.900)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		7.106.938.342	55.354.530
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(1.789.240.000.000)	(2.482.672.000.000)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		1.446.721.000.000	2.814.758.450.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(11.596.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	5.114.639.588
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		93.710.231.325	78.045.464.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(615.436.704.878)	199.310.300.568
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		-	110.000.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.203.805.602)	(176.837.863.556)
Tiền trả cổ tức	36		(220.618.449.700)	(513.609.853.299)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(286.822.255.302)	(580.447.716.855)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(236.255.664.587)	472.510.108.763
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	5	520.069.355.892	42.454.875.739
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(123.893.146)	5.104.371.390
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	283.689.798.159	520.069.355.892

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**NỘI QUY
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

Nội quy này quy định về các nguyên tắc chung trong tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Đại hội).

Đại biểu tham dự Đại hội cổ đông có trách nhiệm thực hiện theo các quy định này.

A. BAN TỔ CHỨC

1. Đại hội được tổ chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, do Hội đồng quản trị đương nhiệm điều hành theo nội dung đã thông báo và được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua.

2. Hội đồng quản trị tiến hành Đại hội khi có đủ số cổ đông đại diện ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Ban tổ chức giới thiệu thành viên dự kiến của Đoàn chủ tịch để Đại hội chấp thuận.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa phiên họp, chịu trách nhiệm điều hành Đại hội.

5. Ban Thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu do Chủ tọa Đại hội giới thiệu và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

6. Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thành lập theo Quyết định số 414/QĐ-CHP ngày 28 tháng 2 năm 2018 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

B. CỔ ĐÔNG DỰ ĐẠI HỘI

1. Cổ đông đến dự Đại hội phải xác nhận với Ban tổ chức về số cổ phần sở hữu hoặc đại diện uỷ quyền. Mỗi cổ phần tương ứng với 01 quyền biểu quyết, mỗi cổ đông dự họp có một phiếu biểu quyết và một bộ tài liệu.

2. Dùng phiếu biểu quyết để biểu quyết từng nội dung theo yêu cầu của Chủ tọa.

3. Thê lệ biểu quyết: Đại hội sẽ lấy biểu quyết của cổ đông với các tiêu chí như: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

4. Cổ đông muốn phát biểu ý kiến của mình phải giơ phiếu xác nhận cổ phần dự họp và được Chủ tọa đồng ý. Ý kiến phát biểu đúng nội dung chương trình nghị sự của Đại hội, ngắn gọn và rõ ràng nội dung cần nói. Mỗi ý kiến phát biểu không quá 05 phút.

5. Cổ đông dự họp phải nghiêm túc giữ gìn trật tự, văn minh khi bước vào hội trường. Trong cuộc họp tắt máy điện thoại di động hoặc để chế độ rung. Không ăn quà, hút thuốc trong hội trường để ảnh hưởng đến người khác.

C. CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Ban Thư ký có trách nhiệm ghi lại đầy đủ toàn bộ nội dung chương trình và ý kiến của các cổ đông vào Biên bản Đại hội.

2. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội

- Các nội dung làm việc của Đại hội trong ngày họp được thông qua khi có ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hợp pháp có mặt tại Đại hội.

- Nội dung thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hợp pháp có mặt tại Đại hội.

- Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ được thông qua theo các nguyên tắc quy định tại Quy chế Biểu quyết thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

- Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

3. Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

4. Quá trình diễn ra Đại hội, Ban tổ chức có quyền mời ra khỏi cuộc họp những cổ đông gây rối, mất trật tự, không tuân thủ Nội quy và coi như cổ đông đó tự bỏ quyền biểu quyết của mình.

Trên đây là Nội quy làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, đề nghị đại biểu đến dự Đại hội thực hiện để Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Phùng Xuân Hà



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ
HOẠCH NĂM 2018**

PHẦN A

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 cuộc họp thông qua những nội dung quan trọng để chỉ đạo, triển khai các công tác đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty thông qua, gồm:

STT	Số văn bản	Ngày	Nội dung chính
1	Số 01/NQ-CHP	16/01/2017	<ul style="list-style-type: none">- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2016- Kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I/2017- Kế hoạch đào tạo năm 2017- Chủ trương khắc phục khẩn cấp hệ thống MIS- Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin kết nối DGPS tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ- Kiện toàn nhân sự Ban quản lý dự án Công nghệ thông tin của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng- Kiểm điểm thực hiện dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin quản lý, khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ- Phân cấp, phân quyền cho các công ty TNHH một thành viên và Chi nhánh- Chủ trương di chuyển cần trục giàn RTG từ Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ sang Chi nhánh Cảng Tân Vũ- Công tác cán bộ
2	Số 20/NQ-CHP	13/03/2017	<ul style="list-style-type: none">- Chủ trương nghiên cứu thuê phần mềm quản lý khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ- Nghiên cứu phương án hợp tác khai thác tại khu vực Bến Gót
3	Số 32/NQ-CHP	18/4/2017	<ul style="list-style-type: none">- Các nội dung chuẩn bị cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2017- Kết quả sản xuất kinh doanh quý I/2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II/2017

			<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu - Phương án Nạo vét mở rộng vũng quay tàu Chùa Vẽ
4	Số 61/NQ-CHP	19/6/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2017 - Phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 - Phương án hỗ trợ người lao động về hưu trước tuổi - Phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức và lao động; Tình hình sử dụng lao động 06 tháng đầu năm và đề xuất kế hoạch sử dụng lao động 06 tháng cuối năm tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng - Việc đền bù và di dời Cảng Hoàng Diệu - Phê duyệt dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi) đầu tư xây dựng công trình “Cải tạo cầu 3,4 – Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp đặt cầu quay
5	Số 82/NQ-CHP	03/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Về các dự án Công nghệ thông tin - Về việc hoàn thành các hạng mục phụ trợ của tòa nhà điều hành Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Công tác phối hợp và kết nối dữ liệu Hải quan - Đề án sắp xếp lại mô hình tổ chức Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng - Vấn đề nhân sự - Việc phát triển bến neo/chuyên tải hàng ngoài container tại khu vực Hải Phòng - Việc phân phối lợi nhuận năm 2016
6	Số 83/NQ-CHP	11/8/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Về việc đánh giá tổng thể hệ thống công nghệ thông tin của toàn Công ty - Về Đề án khai thác các điểm neo, bến phao chuyên tải của Cảng Hải Phòng tại khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh - Về các nội dung liên quan đến vấn đề nhân sự của Công ty
7	97/NQ-CHP	11/10/2017	<ul style="list-style-type: none"> - Về kết quả sản xuất kinh doanh quý 3/2017, 9 tháng đầu năm 2017; kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4/2017 và dự kiến thực hiện cả năm 2017 của Công ty - Về phương án sử dụng bãi và phương tiện thiết bị tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Về phương án đổi mới phương thức sản xuất tại các

			điểm neo - Về việc thoái vốn của Cảng Hải Phòng tại Công ty cổ phần Vinalines Đông Bắc - Về phương án thành lập Trung tâm điều hành sản xuất tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ
8	1054/NQ-CHP	20/11/2017	- Về kết quả sản xuất kinh doanh tháng 10/2017, kế hoạch sản xuất kinh doanh tháng 11/2017 - Về việc thay đổi tài sản, vốn chủ sở hữu khi thực hiện di dời 03 cầu 9,10,11 tại Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu - Về phương án sử dụng bãi tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ - Về việc phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình “Cải tạo cầu 3,4 - Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp đặt cầu quay” - Về việc cho thuê phương tiện thiết bị - Về Quy chế hỗ trợ người lao động nghỉ hưu trước tuổi tại Công ty

II. Tổng kết công tác ban hành Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2017

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành 114 Nghị quyết và 124 Quyết định để triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo công tác quản trị, sản xuất kinh doanh theo đúng thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

II. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017

STT	Nội dung	Kết quả
1	Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017	Trình bày tại Phần B của Báo cáo
2	Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2017	Nhận ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam làm đơn vị kiểm toán BCTC 2017

III. Hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2017

3.1 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thường xuyên thông báo các Nghị quyết và nội dung các cuộc họp Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng giám đốc, yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo định kỳ và đột xuất các kết quả đạt được cũng như các khó khăn đang gặp phải.

Theo quy định của Công ty và đề nghị của Ban điều hành, Hội đồng quản trị tham gia các buổi họp của Ban điều hành để nắm bắt thông tin, trao đổi trực tiếp và cùng tháo gỡ khó khăn trong hoạt động điều hành sản xuất của Công ty.

Thực hiện quy định tại Điều lệ Công ty, ngoài các cuộc họp tập trung, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện xin ý kiến các thành viên bằng văn bản để nhanh chóng thảo luận và đưa ra các quyết định chỉ đạo đối với Ban điều hành Công ty. Các văn bản xin ý kiến và tài liệu liên quan được lưu giữ tại Công ty làm cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị.

3.2 Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1.	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch	27/06/2014	9/9	100%	
2.	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên	27/06/2014	9/9	100%	
3.	Ông Trương Văn Thái	Thành viên	27/06/2014	9/9	100%	
4.	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên	27/06/2014	9/9	100%	
5.	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên	27/06/2014	9/9	100%	
6.	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên	27/06/2014	8/9	89%	Đi công tác
7.	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên	12/11/2015	9/9	100%	

Trong năm 2017, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm thành viên theo quy định tại Điều lệ và các quy chế nội bộ của Công ty trong việc tham gia các buổi họp thường kỳ, bất thường và tham gia ý kiến khi có yêu cầu. Các ý kiến tham gia, đề xuất của các thành viên Hội đồng quản trị được lưu giữ bằng văn bản là cơ sở pháp lý cho công tác kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty.

IV. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại kỳ họp thường niên năm 2017, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị (360.000.000 đồng) và trích thưởng cho các thành viên từ nguồn Quỹ thưởng viên chức quản lý doanh nghiệp (654.122.000 đồng).

Tổng quỹ lương thực chi (áp dụng cho Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách, Trưởng ban kiểm soát chuyên trách – 09 thành viên) là 8,77 tỷ đồng.

V. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc Công ty và những người điều hành của Công ty

Hội đồng quản trị Công ty đã giao nhiệm vụ và thường xuyên giám sát hoạt động điều hành Công ty của Tổng Giám đốc với một số nội dung như:

- Các hoạt động sản xuất kinh doanh, khai thác, mở rộng thị trường tiếp tục được duy trì, các dự án đầu tư cấp thiết được ưu tiên triển khai trước để đảm bảo sản xuất kinh doanh, các dự án đầu tư tiềm năng trong tương lai được nghiên cứu, thảo luận và tham vấn ý kiến chuyên môn để đảm bảo đầu tư hiệu quả trên cơ sở cơ cấu lại nguồn vốn.
- Giám sát chặt chẽ quy trình đầu tư các dự án, đảm bảo việc đầu tư được thực hiện theo đúng định hướng phát triển của Công ty và quy định của pháp luật.
- Chỉ đạo Tổng giám đốc thực hiện phân công lại công tác điều hành trong Ban điều hành Công ty.
- Kiểm soát chặt chẽ các nguồn thu, chi; có biện pháp tiết kiệm, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh; đầu tư theo hướng hiện đại hóa các thiết bị, tạo sự phát triển ổn định lâu dài, mở rộng các dịch vụ để tăng lực khai thác cảng và nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Chỉ đạo mở rộng các dịch vụ để tăng năng lực cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng; đổi mới công nghệ xếp dỡ, tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp;
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc nghiên cứu, xây dựng và thực hiện tái cơ cấu khối phòng nghiệp vụ trên văn phòng quản lý theo hướng tinh giảm đầu mối. Sau khi thực hiện, số lượng phòng nghiệp vụ đã giảm xuống còn 06 phòng và 01 Trung tâm Công nghệ thông tin.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc nghiên cứu và triển khai phương án thuê phần mềm quản lý khai thác container áp dụng tại chi nhánh Cảng Tân Vũ, đồng thời tiếp tục nghiên cứu đề xuất phương án cải tạo tổng thể hệ thống công nghệ thông tin toàn Công ty.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc nhanh chóng triển khai các kế hoạch hợp tác với khách hàng trong việc khai thác các dịch vụ hậu cầu logistics nhằm tăng cường mối liên kết giữa Công ty với khách hàng, đồng thời tạo thêm nguồn thu tài chính cho Công ty.
- Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định.
- Giao Tổng Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2018 làm cơ sở trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

PHẦN B

KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2017

1. Đặc điểm tình hình

Năm 2017 tiếp tục là năm khó khăn đối với các doanh nghiệp vận tải biển và các doanh nghiệp khai thác cảng.

Thị trường vận tải: Năm 2017 vẫn tiếp tục khó khăn do dư thừa lượng lớn tải trọng, giá cước vận tải cạnh tranh mạnh. Do vậy, các hãng tàu khai thác tại khu vực Hải Phòng tiếp tục thực hiện chính sách năm 2016 là cắt giảm chi phí khai thác tàu, giảm số chuyến khai thác và sáp nhập một số hãng tàu để cùng khai thác. Đối với hãng tàu nội địa trong năm 2017 tiếp tục khó khăn, tình trạng một số hãng phải giảm số chuyến, giảm số cảng khai thác của năm 2016 vẫn không có nhiều biến chuyển tích cực trong năm 2017. Việc thị trường vận tải biển khó khăn đã tác động lớn hoạt động sản xuất kinh doanh của các cảng biển trong khu vực nói chung và Cảng Hải Phòng nói riêng.

Thị trường hàng hóa tại khu vực Hải Phòng: Trong năm 2017, hàng hóa thông qua cảng biển khu vực Hải Phòng không tăng trưởng, sản lượng bằng 99% so với cùng kỳ năm 2016, trong đó: hàng container tăng 10%, nhưng hàng ngoài container sụt giảm mạnh (giảm 18%) so với cùng kỳ năm 2016. Chính sách giá sàn chính thức được thực hiện trong năm 2017 đã buộc các doanh nghiệp phải tăng cường giảm giá, giảm tỷ lệ chiết khấu cho khách hàng khiến cho mặt hàng container vốn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu khai thác cũng sụt giảm lợi nhuận đáng kể. Đồng thời, do nguồn hàng sụt giảm dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các cảng trong cùng khu vực, đặc biệt là với mặt hàng ngoài container khi một số cảng trước đây chuyên khai thác tàu container nay chuyển sang khai thác hàng bách hóa tổng hợp. Ngoài ra, do chịu ảnh hưởng của việc Thành phố thu phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, một số chủ hàng đã thực hiện việc xếp dỡ đi thẳng tại vùng nước Hạ Long- Quảng Ninh, không chuyển tải về các cầu khu vực Hải Phòng nhằm tiết giảm chi phí, sản lượng hàng thông quan Hải Phòng chuyển tải tại Quảng Ninh giảm trên 45% so với cùng kỳ năm 2016.

Một số yếu tố khác ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Cảng:

Đối với hàng container: Mặt hàng này chủ yếu chịu sự tác động của chính sách nhà nước trong một số lĩnh vực như giảm phí thu cầu bến, giá sàn hàng container từ 01/07/2017, tăng chi phí điện, nước, chi phí về môi trường, kiểm định,... tăng thuế đất,...v.v.. ảnh hưởng đến kết quả SXKD của Cảng.

Đối với hàng ngoài container: Cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ – Nguyễn Bình Khiêm khởi công vào đầu quý 2 và đến cuối quý 4 năm 2017 mới hoàn thành, đã ảnh hưởng tăng cự ly vận chuyển hàng từ Cảng Hoàng Diệu, Cảng Chùa Vẽ về kho bãi chứa hàng, bãi depot của một số chủ hàng, nên chủ hàng thay đổi, lựa chọn cảng phù hợp cự ly vận chuyển để tiết giảm chi phí, cảng muốn giữ khách hàng phải có chính sách hỗ trợ khách hàng, do đó doanh thu của cảng bị ảnh hưởng giảm với một số mặt hàng, đặc biệt các mặt hàng gỗ cây, thạch cao...

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1. Thực hiện sản lượng, doanh thu, lợi nhuận:

a. Sản lượng:

Tổng sản lượng thực hiện của Cảng Hải Phòng: 23,89 triệu tấn đạt 88,6% kế hoạch năm 2017 (26,982 triệu tấn) và bằng 90,8% so với thực hiện năm 2016 (26,33 triệu tấn). Trong đó: Hàng container: Thực hiện 1.110.000 TEU tăng 2,2% so với năm 2016 (1.086.000 TEU).

+ Sản lượng thực hiện của chi nhánh Cảng Chùa Vẽ: 2.832.000 tấn, bằng 74,9% so với thực hiện năm 2016 và đạt 66,8% kế hoạch năm 2017. Trong đó, sản lượng hàng container đạt 149.500 TEU, bằng 73,8% năm 2016 và đạt 73,8% kế hoạch năm 2017

+ Sản lượng thực hiện của chi nhánh Cảng Tân Vũ: 15.237.000 tấn, tăng 12,7% so với thực hiện năm 2016 và đạt 105,1% kế hoạch năm 2017. Trong đó, sản lượng hàng container đạt 960.000 TEU, tăng 8,6% so với thực hiện năm 2016 và đạt 98% kế hoạch năm 2017.

+ Sản lượng thực hiện của Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu: 5.268.000 tấn, bằng 64,4% so với thực hiện năm 2016 và đạt 71,4% kế hoạch năm 2017.

b. Doanh thu:

Cảng Hải Phòng thực hiện 1.595,4 tỷ đồng đạt 85,1% kế hoạch (1.875 tỷ đồng) và bằng 82,6% so với thực hiện năm 2016 (1.932,27 tỷ đồng), trong đó doanh thu từ khai thác Cảng thực hiện 1.443,86 tỷ đồng, bằng 83,3% so với thực hiện năm 2016 (1.734,28 tỷ đồng).

c. Lợi nhuận:

Lợi nhuận trước thuế toàn Cảng Hải Phòng: 330,68 tỷ đồng đạt 69,9% kế hoạch năm 2017 (473,0 tỷ đồng), bằng 64,5% so với thực hiện năm 2016 (512,63 tỷ đồng).

Lợi nhuận năm 2017 của Cảng Hải Phòng giảm so với cùng kỳ năm 2016 và kế hoạch năm 2017 là do các yếu tố tác động giảm doanh thu và một số chi phí phát sinh trong kỳ thực hiện kế hoạch đã ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD của Cảng Hải Phòng, cụ thể :

+ Sản lượng hàng ngoài container của khu vực Hải Phòng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2016 (bằng 82%, trong đó riêng hàng tại khu vực chuyển tải bằng 48% cùng kỳ) và chịu tác động của việc thành phố Hải Phòng xây các cầu bắc qua sông Cấm, thu phí cơ sở hạ tầng, xây cầu vượt tại ngã ba Đình Vũ – Chùa Vẽ.

+ Hàng container tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2016, nhưng do cạnh tranh mạnh nên giá cước giảm so với cùng kỳ năm 2016. Mặt khác, do hàng tạm nhập tái xuất giảm mạnh, đặc biệt hàng container lạnh, chủ hàng hạn chế lưu kho bãi, thời gian lưu ít đã ảnh hưởng giảm nguồn thu lưu bãi từ container lạnh (giảm 25,2% so với cùng kỳ năm 2016).

+ Từ 01/01/2017, Cảng áp dụng thực hiện theo biểu khung giá Nhà nước quy định về giá dịch vụ cầu bến, phao neo giảm so với năm 2016, do đó doanh thu cầu bến giảm 35% so với cùng kỳ đã ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận của Công ty

+ Một số chi phí phát sinh tăng: Đơn giá nhiên liệu tăng 22%, đơn giá tiền nước tăng 50% so với năm 2016.

+ Chi phí chi trả cho lao động chấm dứt hợp đồng lao động : 8,1 tỷ đồng

+ Chênh lệch tỷ giá giữa thực hiện và kế hoạch năm 2017: 11,4 tỷ đồng.

+ Ngoài ra còn có chi phí phục vụ di chuyển phương tiện để đáp ứng kịp thời yêu cầu tổ chức khai thác tại Chi nhánh cảng Tân Vũ và một số hạng mục bất thường khác.

2.2. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư

a. Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư năm 2017:

Trong năm 2017, Cảng Hải Phòng tiếp tục đầu tư trọng điểm vào khu vực Chi nhánh Cảng Tân Vũ về cả cơ sở hạ tầng và thiết bị kỹ thuật nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

Cảng Hải Phòng đã triển khai thuê phần mềm quản lý, khai thác container. Dự án thuê phần mềm kết hợp với hệ thống DGPS đã khắc phục dứt điểm không còn tình trạng dừng hệ thống, đáp ứng các yêu cầu về quản lý, khai thác container, giải quyết nhanh các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thời gian chờ đầu tư hệ thống CNTT quản lý, khai thác container tổng thể tại Cảng Tân Vũ, tổ chức điều hành tập trung theo mô hình Trung tâm điều hành sản xuất, đảm bảo cung cấp dữ liệu theo thời gian thực cho các hãng tàu và phục vụ việc kết nối dữ liệu Hải quan đảm bảo nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo lợi thế cạnh tranh của Cảng Hải Phòng.

Bên cạnh đó, Cảng Hải Phòng vẫn tiếp tục theo sát dự án đầu tư tại khu vực cảng quốc tế Lạch Huyện, phần đầu khởi công xây dựng trong quý IV năm 2018.

Khối lượng thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2017 thực hiện 406,567 tỷ đồng đạt 85,44% kế hoạch năm 2017 (475,834 tỷ đồng). Trong đó đầu tư cơ sở hạ tầng thực hiện 47,313 tỷ đồng đạt 39,93% kế hoạch năm; đầu tư mua sắm thiết bị thực hiện 350,182 tỷ đồng (vượt 21,12% kế hoạch năm); đầu tư CNTT thực hiện 9,072 tỷ đồng đạt 21,1 % kế hoạch năm.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Dự án đầu tư	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện Năm 2017	% So sánh TH/KH 2017
- Đầu tư cơ sở hạ tầng	124,750	47,313	39,93
- Đầu tư mua sắm thiết bị	289,100	350,182	121,128
- Công nghệ thông tin	42,984	9,072	21,106
- Các dự án đầu tư mở rộng cảng	19,000	0	0
Tổng cộng	475,834	406,567	85,44

(Chi tiết thực hiện các dự án đầu tư theo Biểu số 02)

b. Đánh giá thực hiện dự án:

- Tổng giá trị thực hiện các dự án đầu tư mua sắm thiết bị trong năm 2017 vượt 21,12% kế hoạch năm là do tiến độ giải ngân được đẩy nhanh để sớm đưa thiết bị vào khai thác nhằm tăng năng suất xếp dỡ, đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

- Các dự án hoàn thành xong đã kịp thời đưa vào khai thác và đạt hiệu quả cao.

- Một số công trình đầu tư nhỏ tại các chi nhánh được giãn tiến độ do chưa cấp thiết

2.3. Thực hiện các công việc trọng tâm khác:

a. Công tác kinh doanh tiếp thị

- Phối hợp tốt giữa các cơ quan quản lý nhà nước: Hoa Tiêu, Cảng Vụ,... bố trí điều động tàu hợp lý, ra vào an toàn. Tổ chức khai thác tàu hiệu quả, đảm bảo thời gian giải phóng tàu đúng theo lịch khai thác tàu.

- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, tổ chức thực hiện tốt chính sách chăm sóc khách hàng nâng cao mối quan hệ mật thiết, giữ vững khách hàng.

- Theo dõi sát tình hình biến động của thị trường và chủ động trước tình hình thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt do một số cảng mới ra đời để có những chính sách điều chỉnh hợp lý kịp thời trong sản xuất kinh doanh, đồng thời không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ và xây dựng thương hiệu để giữ vững và mở rộng thị phần.

- Xây dựng cơ chế chính sách với khách hàng mới năm 2017, phân cấp cho các công ty TNHH MTV và giao khoán cho các chi nhánh.

- Thực hiện theo khung giá sàn của Bộ GTVT từ ngày 01/7/2017 giá xếp dỡ hàng container, tuy nhiên để giữ được các hãng tàu gắn bó với Cảng, Cảng Hải Phòng đã có cơ chế hỗ trợ khách hàng ở các dịch vụ GTGT.

- Phối hợp với cơ quan hải quan thực hiện giám sát hải quan đối với hàng container qua khu vực cảng. Tiếp tục phối hợp với Hải Quan trong công tác kết nối dữ liệu cũng như tạo điều kiện để lực lượng công chức Hải quan làm thủ tục, Hải quan giám sát hàng hóa về làm việc tại văn phòng Chi nhánh Cảng Tân Vũ.

- Kết hợp cùng công ty tư vấn chuyển đổi hệ thống quản lý chất lượng, môi trường sang phiên bản mới ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015. Đánh giá nội bộ hệ thống ISO 9001 và 14001 phiên bản mới tại Văn phòng Cảng, chi nhánh Cảng Chùa Vẽ và chi nhánh Cảng Tân Vũ. Khắc phục phòng ngừa sau đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng và môi trường tại Văn phòng Công ty, chi nhánh cảng Chùa Vẽ, Tân Vũ.

b. Công tác khai thác

- Công tác khai thác điều động bố trí tàu, tổ chức điều hành khoa học hợp lý, đảm bảo năng suất giải phóng tàu, thực hiện giải phóng tàu đúng kế hoạch, không để xảy ra tình trạng tàu chờ cầu, các tàu container ra vào đúng lịch. Phân cấp cho các chi nhánh chủ động tiếp thị hàng, chủ động bố trí cầu bến theo nhu cầu thực tế sản xuất của đơn vị, chủ động bố trí tàu lai phục vụ tàu ra vào các chi nhánh.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát thực hiện nội quy an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, tận dụng khai thác tối đa cầu bến, đảm bảo năng suất lao động

c. Công tác quản trị

- Tiếp tục tập trung đổi mới công tác quản trị, phương pháp điều hành, tập trung rà soát lại các khoản chi phí hợp lý, kiểm tra và giám sát việc khoán chi phí trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm chi phí, kinh doanh có hiệu quả.

- Thực hiện công tác tái sắp xếp, thu giảm đầu mối tại văn phòng quản lý. Sau khi thực hiện, hiện nay khối quản lý của Công ty còn 6 phòng và 01 Trung tâm Công nghệ thông tin.

- Năng suất lao động tăng (năm 2017 tăng 4,8% so với thực hiện năm 2016) trên cơ sở áp dụng công nghệ tin học vào điều hành sản xuất và sử dụng lao động hợp lý.

- Sắp xếp lại công tác nhân sự phù hợp với nhu cầu và tình hình thực tế của Cảng Hải Phòng và các doanh nghiệp có vốn góp. Công ty đã thay đổi Người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp sau:

- + CTCP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ
- + CTCP Đầu tư và Thương mại Hàng hải
- + CTCP HGH Logistics

- + CTCP Logistics Cảng Sài Gòn
- + Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu

d. Công tác kỹ thuật, an toàn và thực hành tiết kiệm

- Công tác chuyên môn kỹ thuật, thực hành tiết kiệm được đổi mới và được quan tâm, đôn đốc thực hiện nghiêm túc. Xây dựng, triển khai áp dụng quy định về quản lý, sử dụng phương tiện thiết bị, công cụ xếp dỡ, bổ sung quy trình công nghệ xếp dỡ container. Xây dựng định mức công việc khối thợ kỹ thuật. Làm tốt công tác quản lý về điện thoại, văn phòng phẩm, sử dụng nước sinh hoạt tiết kiệm.

- Công tác an toàn lao động được quan tâm và chú trọng: Đã triển khai các mặt công tác huấn luyện về BHLĐ, PCCC, trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động, kiểm tra việc chấp hành nội quy lao động, tổng vệ sinh trong toàn công ty. Thu gom chất thải nguy hại tại các chi nhánh cảng và Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu. Cấp phát quần áo đồng phục cho khối nhân viên giao nhận, kho hàng và may bổ sung đồng phục văn phòng cho khối gián tiếp Công ty. Cải thiện điều kiện sinh hoạt như nước uống, nước tắm phục vụ công nhân. Thực hiện tốt chế độ chính sách về bảo hiểm lao động.

- Công tác phòng chống bão lụt được quan tâm và nghiêm túc triển khai thực hiện. Cảng đã kiện toàn ban chỉ huy phòng chống bão lụt của cảng. Phân công cụ thể và xây dựng phương án chi tiết phòng chống bão lụt và tìm kiếm cứu nạn. Thông báo và triển khai kịp thời công tác phòng chống bão lụt trong toàn Công ty khi có hiện tượng bất thường về thời tiết bão, lốc, mưa lớn,... tại khu vực Cảng Hải Phòng quản lý.

e. Thu nhập và việc làm

Tổng số lao động bình quân do Cảng Hải Phòng quản lý tính đến ngày 31/12/2017 là 3.195 lao động (giảm 177 lao động so với năm 2016 – 3372 lao động)

Năm 2017, tiền lương bình quân của CBCNV toàn Công ty đạt 11,05 triệu đồng/người/tháng bằng 94,8% so với cùng kỳ năm 2016 (12,77 triệu đồng/người/tháng).

Việc làm và thu nhập giảm đã tác động đến tư tưởng của CBCNV, lượng lớn so với những năm trước CBCNV xin chấm dứt hợp đồng, hiện tại số CNV đã giải quyết và có đơn là 125 người (trong đó có một số CNV có tay nghề kỹ thuật cao), số CBCNV xin nghỉ hưu trước tuổi là 66 người, Cảng đã phát sinh chi phí thực hiện chi trả theo quy định của nhà nước.

Số lượng người lao động chấm dứt hợp đồng cao hơn so với những năm trước do Cảng Hải Phòng đang thực hiện tái cơ cấu lực lượng lao động. Đối với chế độ chính sách của người lao động chấm dứt hợp đồng, Cảng Hải Phòng, ngoài các hạng mục bắt buộc theo quy định của pháp luật, công ty đã có sự quan tâm hỗ trợ thêm, tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động thực hiện các thủ tục cần thiết.

f. Chi trả cổ tức: Căn cứ vào kết quả SXKD của Cảng Hải Phòng năm 2017, Cảng Hải Phòng đề xuất mức chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông tối đa là **6% Vốn điều lệ.**

II. Đánh giá chung

Trong năm 2017, Cảng Hải Phòng gặp nhiều khó khăn nhất trong các năm trở lại đây, nhiều yếu tố tác động: thị trường khu vực có mức tăng trưởng thấp, đặc biệt là hàng ngoài container giảm mạnh, xây cầu vượt ngã 3 Chùa Vẽ - Đình Vũ, chính sách nhà nước về thu phí, giá sàn,... thay đổi, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc

Thành phố thu hồi 03 cầu để xây cầu Hoàng Văn Thụ, trong khi Đề án di dời Cảng Hoàng Diệu và phát triển cảng tại khu vực cửa ngõ Lạch Huyện chưa được phê duyệt đã tác động ảnh hưởng tới tư tưởng và tâm lý muốn gắn bó với doanh nghiệp của CBCNV, ảnh hưởng tới việc việc làm và thu nhập của người lao động, đặc biệt tại 2 khu vực thực hiện dịch vụ làm hàng ngoài container là Chùa Vẽ và Hoàng Diệu.

PHẦN C

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

I. Đặc điểm tình hình

Năm 2018 vẫn là một năm tiếp tục khó khăn đối với ngành hàng hải, các hãng tàu vận tải biển trong nước và khu vực vẫn trong tình trạng dư thừa trọng tải, dẫn đến cạnh tranh về giá cước vận tải, tiếp tục ép các cảng giảm giá cước dịch vụ. Cảng Hải Phòng tiếp tục gặp khó khăn do tình trạng cạnh tranh giữa các cảng diễn ra gay gắt, nhất là đối với mặt hàng container, một số cảng container mới được xây dựng tại khu vực Đình Vũ đã hoàn thành và đưa vào khai thác dẫn đến tình trạng cung lớn hơn cầu,. Giá cả nhiên liệu, vật liệu, giá nước,... liên tục tăng, đặc biệt là thuê đất do chính sách của nhà nước tăng 60% từ 01/07/2017 sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của Cảng Hải Phòng.

Mức tăng trưởng của hàng ngoài container: chịu ảnh hưởng tác động của chính sách nhà nước, trong năm 2018 dự báo Trung Quốc có mức tăng trưởng xuất khẩu thép cao hơn năm 2017, tuy nhiên Nhà nước tiếp tục bảo trợ cho ngành sản xuất thép trong nước, nên hạn chế nhập khẩu sắt thép từ các thị trường nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, trong khi tỷ trọng hàng nhập khẩu sắt thép của khu vực Quảng Ninh và Hải Phòng luôn chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng hàng ngoài container. Hàng thức ăn gia súc mức tăng thấp, do chịu ảnh hưởng của khó khăn trong ngành chăn nuôi.

Khai thác tại vùng nước tiếp tục khó khăn, nhiều công ty tư nhân cùng tham gia dịch vụ xếp dỡ tại vùng nước đã đi vào hoạt động ổn định. Do cạnh tranh mạnh, giá cước tại khu vực đã xuống rất thấp. Cảng Hải Phòng với chi phí cố định cao giá thành lớn, đây vẫn là thách thức rất lớn để giữ vững ổn định thị phần vùng nước. Chủ hàng duy trì phương thức chuyên tải vùng nước, sà lan đi thẳng nên tỷ trọng sà lan vào cầu giảm mạnh tác động đến hiệu quả doanh thu khai thác.

Dự kiến đầu năm 2018, Cầu Bạch Đằng sẽ tiến hành hợp long, trong thời gian 03 tháng sẽ ảnh hưởng đến các cảng trong khu vực phía thượng lưu cầu Bạch Đằng, ảnh hưởng trực tiếp đến khai thác cho Cảng Hoàng Diệu, Chùa Vẽ do không tiếp nhận được các tàu lớn.

Quý I/2018 Cảng Nam Đình Vũ hoàn thành đi vào hoạt động khai thác và dự kiến quý II/2018, 02 cầu cảng container của liên doanh Tân Cảng Sài Gòn và các đối tác MOL, Wanhai, Itochu Corp., tại Lạch Huyện sẽ hoàn thành đưa vào khai thác sẽ dẫn đến việc cạnh tranh chia sẻ thị phần hàng container với các cảng container tại khu vực Hải Phòng. Do vậy sản lượng hàng container tại Cảng Hải Phòng sẽ bị giảm do bị chia sẻ thị phần.

Hiện nay luồng Bạch Đằng vào Cảng Tân Vũ giảm chỉ còn -6,4m. Vì vậy sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến việc đưa tàu lớn vào các cảng khu vực Hải Phòng. Một số hãng tàu có tàu to như Wanhai, Maersk Lines, HyunDai,... nếu không đáp ứng được độ sâu luồng, nguy

ơ một số hãng tàu sử dụng tàu lớn khả năng sẽ chuyển ra Cảng Lạch Huyện khai thác khi 02 bến khởi động hoàn thành đưa vào khai thác sẽ ảnh hưởng rất lớn đến thị phần container của Cảng Hải Phòng.

Cầu vượt tại ngã ba Chùa Vẽ - Đình Vũ – Nguyễn Bình Khiêm đã hoàn thành vào cuối năm 2017, tạo điều kiện cho Cảng Chùa Vẽ thu hút một lượng khách hàng trở lại, tuy nhiên khả năng tăng trưởng sẽ không cao do bị hạn chế cỡ tàu lớn ra vào cầu.

II. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

1.1 Sản lượng hàng hoá thông qua:

Cảng Hải Phòng phấn đấu thực hiện 26,649 triệu tấn, tăng 11,5% so với thực hiện năm 2017 (23,89 triệu tấn). Trong đó, mặt hàng container được đạt mục tiêu thực hiện 1.270.000 TEU, tăng 14,4% so với thực hiện năm 2017 (1.110.000 TEU).

1.2 Doanh thu:

Cảng Hải Phòng phấn đấu đạt doanh thu 1.759,0 tỷ đồng, tăng 10,3% so với thực hiện năm 2017 (1.595,4 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu từ hoạt động khai thác cảng phấn đấu đạt 1.603,15 tỷ đồng – tăng 11% so với thực hiện năm 2017 (1.443,86 tỷ đồng)

1.3 Lợi nhuận trước thuế:

Cảng Hải Phòng phấn đấu lợi nhuận trước thuế đạt 363,4 tỷ đồng, tăng 9,9% so với thực hiện năm 2017 (330,68 tỷ đồng)

1.4 Kế hoạch đầu tư

Đơn vị tính : Triệu đồng

TT	Dự án đầu tư	Kế hoạch 2018
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	115,915
2	Đầu tư phương tiện thiết bị	207,442
3	Đầu tư công nghệ thông tin	81,268
4	Các Dự án mở rộng Cảng	445,631
Tổng cộng		850,256

(Số liệu chi tiết tại Biểu số 02)

* Trong năm 2018, Cảng Hải Phòng tập trung hoàn thiện các dự án đang triển khai thực hiện trong năm 2017 để đáp ứng yêu cầu kịp thời phục vụ sản xuất và một số công việc trọng điểm đầu tư trong năm 2018, như sau:

- Đầu tư cơ sở hạ tầng:

+ Dự án bãi chứa hàng hậu phương bến 5,6 Chi nhánh Cảng Tân Vũ: Thi công hoàn thành bãi hậu phương cầu 5,6; Kho hàng CFS tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ.

+ Dự án đầu tư xây dựng bến số 3,4 cảng cửa ngõ Lạch Huyện, Hợp tác đầu tư cảng bến phà Đình Vũ – Cát Bà.

- Đầu tư phương tiện thiết bị: Dự án đầu tư 02 cần trục giàn QC 40T, đầu tư 08 RTG (tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ), ô tô vận chuyển ngọam, xe xúc, đường giao thông tại các Chi nhánh, Công ty trực thuộc Cảng.

- Đầu tư công nghệ thông tin: Thực hiện một số dự án phục vụ quản lý khai thác container tại chi nhánh Cảng Tân Vũ.

- Nghiên cứu hợp tác thuê cảng tại khu vực Đình Vũ từ 15-20 năm.

1.5 Một số chỉ tiêu khác:

- Dự kiến cổ tức năm 2018: tối thiểu 6% vốn điều lệ
- Thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp có vốn góp của Cảng Hải Phòng nhưng tỷ lệ nắm giữ quyền chi phối không cao hoặc kinh doanh không hiệu quả.

II. Phương hướng thực hiện

Năm 2018, tình hình SXKD của Cảng Hải Phòng còn gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên để tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tăng cường tích lũy để phục vụ công tác đầu tư phát triển cảng, Cảng Hải Phòng tiếp tục đổi mới và triển khai một số giải pháp chủ yếu cụ thể như sau:

1. Công tác khai thác kinh doanh:

- Tập trung vào công tác nghiên cứu thị trường, theo dõi sát sao, nắm bắt đánh giá thị trường khu vực để đề ra các giải pháp cạnh tranh và giữ vững và tăng thị phần. Xây dựng cơ chế giá cả linh hoạt phù hợp với thị trường. Xây dựng các giải pháp chăm sóc và tạo thuận lợi cho khách hàng, giữ ổn định khách hàng, và phát triển khách hàng mới.

- Xây dựng cơ chế giá cả linh hoạt phù hợp với thị trường và tạo điều kiện cho các nâng cao tính chủ động trong điều kiện thị trường cạnh tranh.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng các yêu cầu khách hàng.

- Tập trung vào công tác nghiên cứu thị trường, theo dõi sát sao, nắm bắt đánh giá thị trường khu vực để đề ra các giải pháp cạnh tranh và giữ vững và tăng thị phần. Xây dựng cơ chế giá cả linh hoạt phù hợp với thị trường. Xây dựng các giải pháp chăm sóc và tạo thuận lợi cho khách hàng, giữ ổn định khách hàng, và phát triển khách hàng mới.

- Tại khu vực Cảng Hoàng Diệu: đẩy mạnh công tác khách hàng, hợp tác khai thác khu vực bến phà Đình Vũ.

- Tại khu vực Cảng Chùa Vẽ: Tích cực làm việc với cơ quan quản lý để đẩy mạnh tiến độ phê duyệt phương án trả nợ khoản vay ODA để giảm chi phí; Xử lý vũng quay tàu để thu hút tàu có trọng tải lớn vào khai thác; Cơ cấu lại lao động; Cân đối lại phương tiện thiết bị, điều chuyển/bổ sung thiết bị phù hợp thu hút khách hàng, tăng hiệu quả khai thác.

2. Công tác đầu tư, sửa chữa:

Tập trung sửa chữa những phương tiện thiết bị hạn chế thuê ngoài để giảm chi phí. Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời tháo gỡ những khó khăn, cùng với nhà thầu đảm bảo đúng tiến độ đã đề ra. Tập trung thực hiện dự án Cảng Đình Vũ, hoàn thành đưa vào khai thác kho bãi chứa hàng hậu phương và tiếp tục triển khai hoàn thành dự án đầu tư phương tiện thiết bị tuyến tiền phương (02 QC) để xếp dỡ tàu có chiều ngang đến 14 hàng container, thêm các thiết bị đầu trong RTG và hoàn thiện hệ thống CNTT tại khu vực Chi nhánh Cảng Tân Vũ. Đầu tư cải tạo bến số 3,4 Cảng Chùa Vẽ để lắp đặt cần cầu quay, mở rộng vũng quay tàu Chùa Vẽ vào thời điểm phù hợp. Tìm kiếm cơ hội đầu tư tại khu vực Đình Vũ.

Phát huy các nguồn lực đẩy mạnh thực hiện các bước chuẩn bị, thủ tục pháp lý để có thể khởi công xây dựng 02 cầu cảng tại khu vực Lạch Huyện đáp ứng việc di dời Cảng Hoàng Diệu. Việc đầu tư phát triển Cảng Hải Phòng tại khu vực Lạch Huyện là mục tiêu

hướng tới để Cảng Hải Phòng giữ vững được vai trò là cảng chủ lực của khu vực phía Bắc.

3. Công tác quản trị:

Tiếp tục thực hiện thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp lại tổ chức theo hướng tinh giản bộ máy gián tiếp tại Chi nhánh, Công ty TNHH một thành viên.

Đặc biệt tập trung các giải pháp để từng bước nâng cao hiệu quả SXKD của khu vực Chùa Vẽ thông qua việc chuyển đổi công năng Cảng Chùa Vẽ, cơ cấu lại nguồn nhân lực, nguồn tài chính để trả nợ nhanh vốn cầu 4,5 Chùa Vẽ.

Cân đối lao động, sử dụng lao động hợp lý tiến tới thực hiện khoán quỹ lương cho các đơn vị, các phòng ban trong toàn công ty. Xây dựng quy chế thực hiện chi phí tiền lương gắn kết quả doanh thu và lợi nhuận đạt được.

Thực hiện thoái vốn tại một số doanh nghiệp có vốn góp hoạt động không hiệu quả.

4. Năng suất lao động và thực hành tiết kiệm:

Tổ chức sản xuất hợp lý để tăng năng suất lao động; Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm trên tất cả các lĩnh vực; Thực hiện nghiêm túc các quy trình công nghệ xếp dỡ, quy tắc an toàn lao động. Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hiện trường.

5. Hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước và các doanh nghiệp:

Tăng cường hợp tác với các cơ quan quản lý Nhà nước để hỗ trợ Cảng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng cảng và đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với Công ty CP Vận tải và Lai dắt Cảng Hải Phòng; Công ty CP Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ. Thực hiện hợp tác giữa Cảng Hải Phòng với các đơn vị thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam. Mở rộng các dịch vụ Logistics.

Hợp tác với các doanh nghiệp vận tải thuộc Tổng Công ty để tăng sản lượng hàng hóa container thông qua Cảng Hải Phòng theo hướng hài hòa lợi ích đối với các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty và doanh nghiệp không thuộc Tổng Công ty.

Kính thưa các quý vị cổ đông, các vị khách quý!

Năm 2018 với việc đề ra các mục tiêu kế hoạch để phấn đấu rất cao. Cảng Hải Phòng sẽ phát huy truyền thống đoàn kết – kiên cường – sáng tạo, tiếp tục triển khai các giải pháp đồng bộ, quyết liệt trong quản lý, sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển để đạt được những bước phát triển mới, khẳng định thương hiệu của Cảng Hải Phòng trong hệ thống cảng biển khu vực phía Bắc, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, đời sống của người lao động và đóng góp vào sự phát triển kinh tế của thành phố, đất nước. Với định hướng đó, toàn bộ CBCNV Cảng Hải Phòng sẽ tập trung phấn đấu hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2018 được Đại Hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Tký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU SXKD NĂM 2017, KẾ HOẠCH NĂM 2018

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017		SO SÁNH TH 2017 VỚI		KẾ HOẠCH NĂM 2018	
				Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH 2016 (%)	KH 2017 (%)	KẾ HOẠCH	SS VỚI TH 2017 (%)
I	SẢN LƯỢNG								
1	Sản lượng hàng thông qua	1000T	26.327	26.982	23.894	90,8	88,6	26.649	111,5
	- Xuất khẩu	"	6.066	6.300	6.190	102,0	98,3	6.080	98,2
	- Nhập khẩu	"	13.929	14.252	11.768	84,5	82,6	13.815	117,4
	- Nội địa	"	6.332	6.430	5.936	93,7	92,3	6.754	113,8
	* S/Lượng BG, BD, Lan Hạ	"	795	680	517	65,0	76,0	549	106,2
2	T/đó các mặt hàng chủ yếu:								
	- Container	1000Teu	1.086,0	1.180,0	1.110,2	102,2	94,1	1.270	114,4
		1000 Tấn	16.384	17.200	17.385	106,1	101,1	19.180	110,3
	- Máy móc, thiết bị	1000T	185	170	199	107,6	117,1	200	100,5
	- Sắt thép	"	5.429	5.500	3.093	57,0	56,2	3.300	106,7
	- Phân bón	"	171	230	78	45,6	33,9	120	153,8
	- Thức ăn gia súc	"	1.066	900	793	74,4	88,1	1.045	131,8
	- Gỗ các loại	"	751	500	573	76,3	114,6	650	113,4
	- Clinker, apatit, quặng các loại...	"	1.176	970	852	72,4	87,8	900	105,6
II	CHỈ TIÊU LD-TL								
1	Lao động bình quân	Người	3.872	3.800	3.450	89,1	90,8	3.220	93,3
2	Tổng quỹ lương (gồm cả thuế ngoài)	Tr.đồng	536.669	519.300	436.707	81,4	84,1	451.800	103,5
3	Tiền lương B/q 1 CBCNV	Trđ/ng.tháng	12,77	12,57	11,05	86,5	87,9	12,47	112,8
4	Năng suất lao động	1000d/ng	514	544	452	87,9	83,1	531	117,5
III	CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH								
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	1.932.269	1.875.000	1.595.395	82,6	85,1	1.759.000	110,3
a	Doanh thu d/vụ KT Cảng	"	1.734.275	1.795.000	1.443.861	83,3	80,4	1.603.150	111,0
	T/đó: -Thu bốc xếp,giao nhận	"	1.281.682	1.321.000	1.105.660	86,3	83,7	1.226.835	111,0
	- Thu lưu kho bãi	"	250.787	279.000	186.267	74,3	66,8	199.255	107,0
	<i>Trong đó thu lưu cont' lạnh</i>	"	<i>171.897</i>		<i>128.640</i>	74,8			
	- Thu buộc cơi dây	"	2.277	2.600	1.392	61,1	53,5	1.750	125,7
	- Thu cân hàng	"	9.312	9.200	6.105	65,6	66,4	6.125	100,3
	- Thu cầu bến	"	77.368	82.900	50.355	65,1	60,7	56.220	111,6
	- Thu dịch vụ khác	"	112.849	100.300	94.082	83,4	93,8	112.965	120,1
b	Doanh thu HĐ tài chính	"	194.130	79.000	136.647	70,4	173,0	98.850	72,3
	- Chênh lệch tỷ giá	"	4.216	1.100	1.304	30,9	118,5	500	38,3
	- Lãi tiền gửi ngân hàng	"	35.089	15.000	41.698	118,8	278,0	26.500	63,6
	- Lãi cổ tức	"	154.812	62.800	93.632	60,5	149,1	71.850	76,7
	- Thu khác	"	13	100	13	100,0	13,0		-
c	Thu nhập khác	"	3.864	1.000	14.887			57.000	382,9
	- Thu đào tạo	"			23				
	- Thu bán phế liệu	"	1.565		206				
	- Thu bán tài sản thanh lý	"			317				
	- Thu tiền điện cho thuê	"	1.209		1.386				
	- Thu khác	"	1.090	1.000	12.955			57.000	440,0
2	Tổng chi phí	Tr.đ	1.419.640	1.402.000	1.264.715	89,1	90,2	1.395.600	110,3

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện năm 2016	NĂM 2017		SO SÁNH TH 2017 VỚI		KẾ HOẠCH NĂM 2018	
				Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	TH 2016 (%)	KH 2017 (%)	KẾ HOẠCH	SS VỚI TH 2017 (%)
a	Chi phí d/vụ KT Cảng	Tr.đ	1.334.975	1.337.000	1.192.279	89,3	89,2	1.310.050	109,9
	- Tiền lương	"	516.419	498.000	423.278	82,0	85,0	475.000	112,2
	- Bảo hiểm XH, YT, TN	"	61.770	63.200	58.297	94,4	92,2	58.265	99,9
	- Nhiên liệu	"	40.232	45.500	38.170	94,9	83,9	41.800	109,5
	- Vật liệu	"	62.512	55.800	54.354	86,9	97,4	57.250	105,3
	- Chi phí sửa chữa	"	37.305	78.200	29.192	78,3	37,3	67.727	232,0
	- Điện	"	37.624	42.700	32.102	85,3	75,2	37.090	115,5
	- Nước	"	2.199	2.000	2.768	125,9	138,4	3.012	108,8
	- Khấu hao cơ bản	"	337.149	335.000	331.718	98,4	99,0	346.366	104,4
	- Chi phí khác	"	239.765	216.600	222.400	92,8	102,7	223.540	100,5
b	Chi hoạt động tài chính	Tr.đ	82.776	65.000	71.907	86,9	110,6	71.350	99,2
	- Chênh lệch tỷ giá	"	19.456	10.000	21.477			23.500	109,4
	- Lãi vay ODA	"	49.704	45.000	43.170	86,9	95,9	42.700	98,9
	- Dự phòng giảm giá đầu tư	"	12.727		7.260	57,0		4.950	68,2
	- Chi khác	"	889	10.000		-	-	200	
c	Chi phí khác		1.889	-	529	28,0		14.200	2.684,3
	- Chi khác		1.889		529	28,0		14.200	2.684,3
3	Tổng lợi nhuận	Tr.đ	512.628	473.000	330.680	64,5	69,9	363.400	109,9

BÁO CÁO THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D)		475.834	406.567		406.567	850.256	202.939	647.317
PHẦN I- DỰ ÁN ĐẦU TƯ CHIỀU SÂU			413.850	398.929	0	398.929	323.357	0	323.357
A	Đầu tư mua sắm thiết bị		289.100	350.182		350.182	207.442		207.442
	<i>Dự án chuyển tiếp từ năm 2016</i>		205.700	221.048		221.048			
1	Dự án đầu tư 02 cần trục giàn QC phục vụ xếp dỡ tại cầu 5 - CN Cảng Tân Vũ (Gói thầu mua sắm 02 cần trục giàn QC)	270.000	203.700	221.048		221.048			
2	Dự án lắp đặt hệ thống camera giám sát cho 18 cần trục RTG (RTG17-rtg34)	2.000	2.000						
	<i>Dự án khởi công mới năm 2017</i>		83.400	129.134		129.134	132.282		132.282
I	Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ		6.400	1.992		1.992			
1	Gầu ngoạm 9-12m ³ 4 dây	2.400	2.400	1.300		1.300			
2	Gầu ngoạm thủy lực 12m ³	4.000	4.000						
3	Gia công chế tạo 02 phễu rót hàng rời	692		692		692			
II	Chi nhánh Cảng Tân Vũ		77.000	127.142		127.142	132.282		132.282
1	Cần trục giàn bánh lốp RTG 40T	528.250	17.000						
2	Cần trục QC 40T	270.000	27.000	111.077		111.077	132.282		132.282
3	Ô tô vận chuyển	32.000	16.000	8.552		8.552			
4	Dự án đầu tư hệ thống cân tại CN Chùa Vẽ và Tân Vũ để kiểm soát tải trọng container trước khi xếp hàng xuống tàu theo quy định của Phụ lục công ước SOLAS có hiệu lực từ 01/07/2016	8.000	8.000						
5	Dự án đầu tư lắp đặt hệ thống DGPS cho các xe nâng hàng reachstacker và các cần trục RTG tại CN cảng Tân Vũ	4.000	4.000	3.926		3.926			
6	Dự án đầu tư nhỏ	5.000	5.000	3.587		3.587			

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
6.1	Dự án đầu tư mua sắm xe ô tô 5 chỗ ngồi phục vụ sản xuất kinh doanh	2.068		2.089		2.089			
6.2	Dự án đầu tư hệ thống cấp điện cho cần trục QC 9,10 và QC 3,4 tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	2.462		992		992			
	Lắp đặt hệ thống cấp nguồn cho QC 9, QC 10 CN Cảng Tân Vũ	992		992		992			
6.3	Đầu tư thiết bị kết nối xử lý tín hiệu DGPS trên cần trục giàn RTG và xe nâng container reachstacker tại CN Cảng Tân Vũ	506		506		506			
6.4	Các dự án đầu tư khác	1.434							
	Dự án khởi công mới năm 2018	384.400					75.160		75.160
I	Các Công ty TNHH MTV	10.250					10.250		10.250
1	Ô tô vận chuyển	4.050					4.050		4.050
2	Gầu ngoạm hàng rời 9-12m3	4.000					4.000		4.000
3	Xe xúc gạt bánh xích (thay thế xe bị rơi hỏng)	1.600					1.600		1.600
4	Trạm cấp nhiên liệu bồn chứa 15m3	600					600		600
II	Các Chi nhánh Công ty	364.150					54.910		54.910
1	Ô tô vận chuyển	16.200					16.200		16.200
2	Hệ thống cấp điện nguồn cho cần trục giàn QC 11, 12	650					650		650
3	Dự án đầu tư bổ sung các cần trục giàn RTG tại chi nhánh Cảng Tân Vũ	343.600					34.360		34.360
4	Dự án đầu khung cầu phụ trợ cho cần trục giàn QC tại chi nhánh Cảng Tân Vũ	3.000					3.000		3.000
5	Dự án lắp đặt hệ thống DGPS cho xe nâng container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	700					700		700
III	Các dự án đầu tư nhỏ	10.000					10.000		10.000
B	Cơ sở hạ tầng		124.750	47.313		47.313	115.915		115.915
	Các dự án thực hiện năm 2017	645.583	124.750	47.313		47.313	92.085		92.085

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
1	Đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ - GDIII	277.315	3.800	3.780		3.780	4.327		4.327
	Gói thầu 5C - Đường bãi, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước sau cầu 7	31.108		3.661		3.661			
	Gói 5B - Hệ thống cấp điện sau bến số 7 Cảng Đình Vũ	5.842	3.800				4.168		4.168
	- Lắp đặt 08 cột đèn 12m			120		120			
	Gói 4B - Tư vấn lập hồ sơ yêu cầu, đánh giá hồ sơ đề xuất gói thầu 5B	26					14		14
	Gói 6B - Tư vấn giám sát thi công xây lắp gói thầu 5B	145					145		145
2	Đầu tư xây dựng bãi chứa hàng hậu phương bến 5, 6 - CN Cảng Tân Vũ	134.609	75.400	39.715		39.715	56.989		56.989
	Gói số 7: Xây dựng bãi hậu phương cầu 5, 6 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ	55.659	33.000	22.179		22.179	21.000		21.000
	Gói số 8: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 7	79		98		98			
	Gói số 9: Giám sát thi công xây dựng bãi hậu phương cầu 5, 6 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ	1.062		142		142	285		285
	Gói số 10: Nhà điều hành thủ tục và Nhà xe - Chi nhánh Cảng Tân Vũ	49.793	17.000	16.195		16.195	6.500		6.500
	Gói số 11: Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu số 10	105		46		46			
	Gói số 12: Giám sát thi công "Nhà điều hành thủ tục và Nhà xe - Chi nhánh Cảng Tân Vũ"	927	150	251		251	157		157
	Gói 15: Xây lắp hệ thống cấp điện từ trạm cắt đến Nhà văn phòng điều hành, thủ tục và nhà xe	2.874	1.800						
	Gói 19: Kho hàng CFS - CN Cảng Tân Vũ	30.274	21.450				26.650		26.650
	Gói 20 - Lập HSMT và đánh giá HSDT Kho hàng CFS	104					57		57
	Gói 21 - Giám sát thi công xây dựng kho hàng CFS	881					881		881

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
	<i>Hệ thống điện chiếu sáng bãi hậu phương sau cầu 5, 6 giáp tuyến hàng rào B40</i>	1.200					1.140		1.140
	<i>Hệ thống cấp điện ngoài nhà</i>	2.323	2.000	647		647	319		319
	<i>Chi phí khác</i>			156		156			
	<i>- Phí lập hồ sơ PCCC Kho CFS</i>			55		55			
	<i>- Phí lập hồ sơ bảo vệ môi trường Kho CFS</i>			25		25			
	<i>- Khảo sát, lập TKBVTC, DT xây lắp hệ thống cấp điện từ trạm cắt đến Nhà văn phòng điều hành, thủ tục và nhà xe</i>			65		65			
	<i>- Thẩm tra TKBVTC, DT xây lắp hệ thống cấp điện từ trạm cắt đến Nhà văn phòng điều hành, thủ tục và nhà xe</i>			7		7			
	<i>- Thẩm hệ thống cấp điện ngoài nhà</i>			5		5			
3	Hệ thống điện chiếu sáng bãi hậu phương cầu 2 CN Cảng Tân Vũ	1.108	900	900		900			
4	Hệ thống cấp điện tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	104.685		128		128	200		200
	<i>Hệ thống cấp điện cho cần trục giàn RTG trên bãi hậu phương sau cầu 1, 2 Chi nhánh Cảng Tân Vũ (giai đoạn III của dự án).</i>						200		200
	<i>Kiểm toán các gói thầu</i>			128		128			
5	Các công trình đầu tư nhỏ năm 2017	5.000	5.000	2.187		2.187			
	<i>Cấp nguồn cho nhà điều hành 6 tầng chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	876		876		876			
	<i>Lắp đặt cột điện 7.4 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	425		424		424			
	<i>Các Dự án đầu tư nhỏ thuộc Văn phòng công ty (Điều hòa, tổng đài điện thoại 3 số</i>	887		887		887			
	<i>Các công trình đầu tư khác</i>	2.812							
6	Cải tạo cầu 3, 4 - Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp đặt cần cầu quay	21.378	10.000				11.268		11.268
	<i>Các gói thầu tư vấn</i>	459					200		200
	<i>Gói 1: Thi công cải tạo cầu 3 và hệ thống điện - Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp cần cầu quay</i>	10.693					10.693		10.693
	<i>Gói 2: Thi công cải tạo cầu 4 và hệ thống điện - Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp cần cầu quay</i>	8.284							

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
	<i>Gói 3: Giám sát thi công cải tạo cầu 3 và hệ thống điện Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp cần cầu quay</i>	293					293		293
	<i>Gói 4: Giám sát thi công cải tạo cầu 4 và hệ thống điện Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ để phục vụ lắp cần cầu quay</i>	237							
	<i>Gói 5: Kiểm định thử tải chất lượng công trình cải tạo cầu 3 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ</i>	82					82		82
	<i>Gói 6: Kiểm định thử tải chất lượng công trình cải tạo cầu 4 Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ</i>	82							
	<i>Gói 7: Tư vấn kiểm toán quyết toán dự án hoàn thành</i>	285							
7	Đầu tư xây dựng công trình Cải tạo và kéo dài bến phụ Chùa Vẽ về phía thượng lưu	96.838	25.000				1.000		1.000
8	Cải tạo công 1 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ	4.000	4.000						
9	Thực hiện giải ngân các công trình đã hoàn thành thi công	1.201.853		603		603	18.301		18.301
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ - GĐII (phần xây dựng)</i>	751.983		11		11	8.878		8.878
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng Cảng Đình Vũ - GĐIII</i>	277.315					6.427		6.427
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng đường RTG trên bãi tiền phương sau bến số 5 XNXD Tân Cảng</i>	14.453					194		194
	<i>Dự án Đầu tư hệ thống cấp điện tại XNXD Tân Cảng (nay là Chi nhánh Cảng Tân Vũ)</i>	104.685		0			651		651
	<i>Dự án Đầu tư xây dựng đường RTG trên bãi tiền phương sau bến XNXD Tân Cảng</i>	27.588		21		21	468		468
	<i>Dự án Đường RTG (giai đoạn II) Chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	13.825		190		190	176		176
	<i>Dự án Bãi hậu phương giáp cổng số 2 và nhà đội cơ giới chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	12.004		323		323	181		181
	<i>Bãi rửa container và hệ thống xử lý nước thải Chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	1.414		30		30			
	<i>Xây dựng hàng rào lưới B40 giai đoạn 2 - Chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	982		12		12			
	<i>Xây dựng các công trình phụ trợ phục vụ khai thác tàu RORO tại Chi nhánh cảng Tân Vũ</i>	998		16		16			

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
	<i>Các gói thầu tư vấn</i>						1.325		1.325
10	Dự án thuộc về Trung tâm điện lực	650	650						
	Dự án khởi công mới năm 2018	1.619.683					23.830		23.830
1	Xây dựng đường RTG và gổ kê container trên bãi hậu phương cầu 2 Chi nhánh Cảng Tân Vũ	25.000					500		500
2	Xây dựng đường RTG tại bãi chứa container lạnh sau cầu 3, 4 Chi nhánh Cảng Tân Vũ	4.000							
3	Bãi đội cơ giới mở rộng	1.000					1.000		1.000
4	Đường ô tô công 3- Chi nhánh Cảng Tân Vũ	2.000					2.000		2.000
5	Các dự án đầu tư nhỏ	10.000					10.000		10.000
6	Các dự án nghiên cứu hợp tác đầu tư tại Đình Vũ	10.000					10.000		10.000
7	Công ty TNHH một thành viên Cảng Hoàng Diệu	330					330		330
	<i>Các công trình đầu tư nhỏ</i>	330					330		330
C	Đầu tư công nghệ thông tin		42.984	9.072		9.072	81.268		81.268
	Dự án trong năm 2017		42.984	9.072		9.072	79.368		79.368
1	Dự án đầu tư hệ thống công nghệ thông tin quản lý khai thác container tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	61.383	25.000	90		90	49.106		49.106
2	Dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin kết nối DGPS tại chi nhánh Cảng Tân Vũ	9.949		23		23	173		173
3	Dự án đầu tư thiết bị, công cụ kết nối dữ liệu Hải quan (hàng container Cảng Chùa Vẽ, Cảng Tân Vũ)	600	344	551		551			
4	Dự án cải tạo nâng cấp tổng thể hạ tầng và phần mềm quản trị và điều hành Cảng Hải Phòng (Tên dự án cũ: Dự án xây dựng hệ thống thông tin tích hợp quản trị và điều hành Cảng Hải Phòng)	39.270	10.000				27.489		27.489
5	Dự án trang bị cặp máy chủ song sinh, tủ đĩa lưu trữ và phần mềm bản quyền	4.000	4.000	3.965		3.965			

TT	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	KH Năm 2017	Thực hiện năm 2017			Kế hoạch năm 2018		
				Tổng	Vốn vay T/mại	Vốn tự có	Tổng	Vốn vay T.mại	Vốn tự có
6	Trang bị phần mềm bản quyền cho máy vi tính	2.500	1.500				2.000		2.000
7	Nâng cấp mạng LAN tại Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ	600	600				600		600
8	Nâng cấp phần mềm trao đổi dữ liệu điện tử EDI	800	800						
9	Lắp đặt đường truyền dự phòng tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ	540	540	480		480			
10	Dự án Bổ sung chức năng phần mềm kết nối dữ liệu Hải quan	470	200	188		188			
11	Lắp đặt hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	580		601		601			
12	Dự án lắp đặt hạ tầng mạng và thiết bị mạng cho tòa nhà văn phòng điều hành chi nhánh cảng Tân Vũ	2.996		2.877		2.877			
13	Lắp đặt thang máng cáp công nghệ thông tin cho tòa nhà văn phòng điều hành, thủ tục nhà xe Chi nhánh Cảng Tân Vũ	300		297		297			
	Các dự án khởi công năm 2018						1.900		1.900
1	Trang bị phần mềm hóa đơn điện tử và thanh toán online	700					700		700
2	Các công trình đầu tư nhỏ	1.200					1.200		1.200
	<i>Lắp đặt bổ sung thiết bị thu phát sóng vô tuyến phục vụ phần mềm điều hành sản xuất tại Chi nhánh Cảng Tân Vũ</i>	500					500		500
	<i>Trang bị bổ sung thiết bị kết nối dữ liệu hải quan</i>	500					500		500
	<i>Trang bị phần mềm bảo mật, an ninh mạng</i>	200					200		200
D	Các dự án đầu tư mở rộng	7.311.315	19.000				445.631	202.939	242.692
1	Dự án đầu tư xây dựng 02 bến tàu tại Lạch Huyện	6.946.315	19.000				368.981	202.939	166.042
2	Cảng Bến phà Đình Vũ - Cát Bà	365.000					76.650		76.650



TỜ TRÌNH

(Về việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Bộ Luật lao động số 10/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (gọi tắt là Cảng Hải Phòng);

Căn cứ Quyết định số 121/QĐ-HHVN ngày 30/3/2018 của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc ông Trương Văn Thái - Người đại diện phần vốn nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/6/2018.

Theo điểm d Khoản 1 Điều 8 tại Quyết định số 599/QĐ-HHVN ngày 30/12/2016 của Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam, ông Trương Văn Thái - Người đại diện phần vốn được nghỉ hưu theo quy định sẽ thôi làm Người đại diện phần vốn của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam tại Cảng Hải Phòng.

Căn cứ điểm f khoản 4 Điều 28 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Hải Phòng về việc thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm khi không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó, theo đó ông Trương Văn Thái không là thành viên Hội đồng quản trị Cảng Hải Phòng kể từ ngày 01/06/2018.

Ngày 31/5/2018, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1306/TB-CHP báo cáo các cơ quan quản lý, đơn vị liên quan về nội dung này.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Trương Văn Thái kể từ ngày 01/06/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKý Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

Số: 03.2018/TTr-CHP

TỜ TRÌNH

(Bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ nhu cầu sản xuất kinh doanh Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Trong thời gian qua, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) đã nhận được một số đề nghị xin thuê phương tiện thiết bị lâu dài từ một số doanh nghiệp khác. Vì vậy, Hội đồng quản trị Công ty xin đề xuất bổ sung 02 ngành nghề kinh doanh sau:

1. Cho thuê xe có động cơ – 7710
2. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác – 7730

(Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ)

Các ngành nghề kinh doanh đã đăng ký tại thời điểm Công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được giữ nguyên.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận việc Công ty sẽ đăng ký bổ sung hai ngành nghề kinh doanh nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty tiến hành các thủ tục đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh, công bố thông tin trên cơ sở quy định pháp luật hiện hành.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS
- Lưu: Tky Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà**



Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

**QUY CHẾ
BIỂU QUYẾT THÔNG QUA
Việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng để biểu quyết thông qua việc sửa đổi, ban hành lại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Điều lệ và Quy chế quản trị).

2. Cổ đông, người được ủy quyền dự họp có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 2. Thủ tục trình bày và cách thức phát biểu ý kiến

1. Để thuận tiện cho cổ đông theo dõi các điều, khoản, mục được điều chỉnh bổ sung trong Điều lệ và Quy chế quản trị sẽ được trình bày theo thứ tự và có đối chiếu giữa quy định cũ và quy định mới, có ghi chú lý do điều chỉnh, bổ sung tại phần Phụ lục các nội dung điều chỉnh, bổ sung đính kèm Tờ trình.

2. Khi cổ đông cho ý kiến về các nội dung điều chỉnh, bổ sung cần ghi phiếu biểu quyết. Khi Đoàn chủ tịch đồng ý mới tiến hành phát biểu ý kiến của mình. Khi phát biểu cần nêu rõ điều, khoản, mục để Đại hội thuận tiện theo dõi.

Điều 3. Cách thức biểu quyết thông qua các nội dung điều chỉnh, bổ sung của Điều lệ

1. Đoàn Chủ tịch tiếp nhận ý kiến đóng góp của cổ đông, giải thích và thảo luận nội dung các vấn đề liên quan để đi đến thống nhất.

2. Trường hợp sau khi đã thảo luận mà Đại hội vẫn chưa thống nhất được thì Đoàn chủ tịch vẫn sẽ lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội.

3. Các nội dung điều chỉnh, bổ sung trong Điều lệ và Quy chế quản trị được thông qua khi có số biểu quyết từ 51% trở lên trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội.

4. Đoàn chủ tịch sẽ tiến hành lấy biểu quyết các Điều, khoản, mục mà cổ đông có tham gia ý kiến đóng góp chỉnh sửa, bổ sung trước. Theo đó, mỗi lần biểu quyết sẽ phải nêu rõ tên và số điều, khoản, mục và lý do để cổ đông thuận tiện theo dõi.

5. Tất cả những điều, khoản, mục còn lại mà cổ đông không có ý kiến tham gia đóng góp chỉnh sửa, bổ sung sẽ được Đoàn chủ tịch xin biểu quyết thông qua 1 lần duy nhất.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Quy chế

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua tại cuộc họp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

Số: 05.2018/TTr-CHP

TỜ TRÌNH

***(Điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ thực tiễn quản lý tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty),

Hội đồng quản trị Công ty trên cơ sở tham chiếu, áp dụng Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017, đã xây dựng Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với các nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và mục tiêu quản trị của Công ty (*Dự thảo Điều lệ và Phụ lục các nội dung điều chỉnh, bổ sung đính kèm Tờ trình*).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, ban hành lại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu: Tky Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

STT	Điều khoản	Nội dung đã ban hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Phần mở đầu	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (dưới đây gọi là “Công ty”), được cổ phần hóa theo Quyết định số 118/QĐ-HHVN ngày 08/4/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cảng Hải Phòng thành công ty cổ phần và Quyết định số 288/QĐ-HHVN ngày 13/6/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam về việc điều chỉnh cơ cấu cổ phần phát hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo</p>	<p>Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.</p> <p>Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ngày 29 tháng 6 năm 2018.</p>	<p>Cảng Hải Phòng đã chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần được 4 năm.</p>

		quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tổ chức vào ngày 14 tháng 4 năm 2016		
2	Điểm a khoản 1 Điều 1	“Vốn điều lệ” là số vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	“Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu
3	Khoản 1 Điều 1	Chưa quy định	“Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu
4	Điểm d khoản 1 Điều 1	“Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	“Người quản lý” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu và khoản 18 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 2014
5	Khái niệm người điều hành doanh nghiệp	Chưa quy định	“Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	Áp dụng Điều 1 Điều lệ mẫu Thuật ngữ này sẽ thay cho thuật ngữ cán bộ quản lý
6	Khoản 2 Điều 2 Hình thức hoạt động	Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.	Tách thành một điều riêng biệt về Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty 1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh	Quy định chi tiết và cụ thể hơn về tư cách pháp nhân của công ty

doanh theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào Công ty.

3. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác; quản lý, chỉ đạo, chi phối các doanh nghiệp khác theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Công ty có:

a. Con dấu riêng; được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước, các ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c. Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

7	Điều 3 Người đại diện pháp luật	Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.	Áp dụng Điều 3 Điều lệ mẫu
8	Khoản 1 Điều 4 Lĩnh vực kinh doanh	18 lĩnh vực cụ thể	Bổ sung thêm hai ngành nghề: -Cho thuê xe có động cơ (7710) -Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (7730) Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ	Bổ sung thêm 2 ngành nghề kinh doanh do trong thời gian qua, Cảng Hải Phòng đã nhận được một số đề nghị xin thuê phương tiện thiết bị lâu dài từ một số doanh nghiệp khác. Vì vậy, Cảng Hải Phòng đề xuất việc bổ sung 02 ngành nghề kinh doanh này.
9	Khoản 2 Điều 4 Mục tiêu hoạt động	Tách thành một điều riêng biệt và bổ sung thêm mục tiêu số 3. 1. Phát triển Công ty thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu trong cả nước; 2. Kinh doanh có lãi, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư tại Công ty. 3. Không ngừng cải thiện đời sống,	a. Trở thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực phía Bắc và trong cả nước; b. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty và các tổ chức khác có cổ phần, vốn góp của Công ty; c. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả	Ngoài mục tiêu về kinh tế, công ty còn muốn đảm bảo các mục tiêu về xã hội.

		<p>điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.</p> <p>4. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.</p>	<p>sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.</p>	
10	Điều 5 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	<p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty là ở cả trong và ngoài nước.</p>	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.</p>	Điều chỉnh cách diễn đạt
11	Quản lý nhà nước	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung này	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty
12	Điều 6 Vốn điều lệ và cổ phần	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng (<i>Ba nghìn hai trăm sáu chín tỷ sáu trăm triệu đồng</i>). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 326.960.000 (<i>Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn</i>) cổ phần. Mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000</p>	<p>Tách nội dung này thành các điều riêng biệt là:</p> <p>Điều 11: Vốn điều lệ</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng (<i>Ba nghìn hai trăm sáu chín tỷ sáu trăm triệu đồng</i>).</p> <p>2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng</p>	<p>1. Điều chỉnh lại cách trình bày nội dung</p> <p>2. Cơ sở để xây dựng nội dung về tăng, giảm vốn điều lệ là mục A, B phần I Thông tư 19/2003/TT-BTC ngày</p>

		<p>đồng.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 15 và Điều 16 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do</p>	<p>đồng Việt Nam (VND).</p> <p>3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.</p> <p>Điều 12: Tăng, giảm vốn điều lệ</p> <p>1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật.</p> <p>Công ty phải bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.</p> <p>2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:</p> <p>a. Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức;</p> <p>b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần (nếu có);</p> <p>c. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Công ty:</p> <p>a. Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều</p>	<p>20/3/2003 hướng dẫn điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ và quản lý cổ phiếu quỹ trong công ty cổ phần</p> <p>3. Cơ sở để xây dựng nội dung về cổ phần và chào bán cổ phần là Điều 110, Điều 111, Điều 122, Điều 124 và Điều 125 Luật Doanh nghiệp</p>
--	--	---	--	--

		<p>chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>chính giảm; và</p> <p>b. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).</p> <p>Điều 13. Cổ phần</p> <p>1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (<i>Bằng chữ: mười nghìn đồng</i>). Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.</p> <p>2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 326.960.000 cổ phần (<i>Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi ngàn cổ phần</i>).</p> <p>3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được cơ quan nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.</p> <p>5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p>	
--	--	--	--	--

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị vốn điều lệ, các quỹ không chia), trừ những trường hợp sau đây:

a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;

b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

c. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó nếu được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương

ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây (trừ khi các văn bản pháp luật có liên quan quy định khác):

a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Đồng thời Công ty sẽ đăng báo việc tăng vốn trên 03 (ba) số báo liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo.

b. Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do

Công ty phát hành.

c. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của Công ty) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông

			<p>của Công ty, Công ty phải phát hành và trao chứng nhận cổ phiếu cho người mua. Tuy nhiên, Công ty có thể bán cổ phần mà không trao chứng nhận cổ phiếu (trường hợp Công ty không phát hành chứng nhận cổ phiếu hoặc cổ đông đề nghị Công ty lưu giữ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.</p> <p>5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.</p> <p>6. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>	
13	Điều 7 Chứng nhận cổ phiếu	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có). Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị</p>	<p>1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;</p> <p>b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng</p>	Áp dụng Điều 7 Điều lệ mẫu

		<p>chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>5. Sổ đăng ký cổ đông:</p> <p>a. Công ty lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>b. Sổ đăng ký cổ đông được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Các cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.</p>	<p>mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;</p> <p>e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;</p> <p>f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;</p> <p>g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;</p> <p>h. Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng; Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy định tại Điều lệ này; và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành);</p> <p>3. Công ty có thể trực tiếp hoặc</p>	
--	--	---	--	--

			<p>gián tiếp, quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xoá, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Công ty cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p> <p>4. Cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc của Hội đồng quản trị.</p>	
14	Điều 8 Chứng chỉ chứng khoán khác	Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty và dấu của Công ty (nếu có).	Bỏ nội dung này	Đối với nội dung này, công ty sẽ thực hiện theo quy định của luật chuyên ngành có liên quan.
15	Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	<p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch Upcom sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Nội dung này được tách thành các điều riêng biệt sau đây:</p> <p>Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các</p>	Điều 121 và Điều 126 Luật Doanh nghiệp 2014

		<p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và không hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán. Cổ phần thuộc sở hữu công đoàn không được chuyển nhượng.</p> <p>3. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.</p> <p>4. Trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác (phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp), tất cả các cổ phần chuyển nhượng đều có thể thực hiện thông qua việc chuyển nhượng bằng văn bản theo cách thông thường, hoặc theo bất kỳ phương thức nào mà Hội đồng quản trị có thể chấp nhận. Cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch phải được chuyển nhượng thông qua Sở giao dịch chứng khoán phù hợp với các quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký.</p> <p>5. Trong trường hợp cổ đông là cá</p>	<p>quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.</p> <p>3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.</p> <p>Điều 18. Thừa kế cổ phần</p> <p>1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp</p>	
--	--	--	---	--

		<p>nhân chết, người (hoặc những người) thừa kế hoặc người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.</p> <p>6. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.</p> <p>7. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của Công ty.</p> <p>8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty khi các thông tin của người nhận cổ phần được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông.</p>	<p>pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý tương ứng.</p> <p>Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại; c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp; d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước hoặc số giấy chứng 	
--	--	---	--	--

minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc theo quy định của VSD (khi Công ty lưu ký cổ phần tại VSD). Trường hợp cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho Công ty để điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông. Nếu Công ty không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được Công ty gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc theo thông báo của VSD.

4. Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần trở lên của Công ty phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

16	Điều 10. Thu hồi cổ phần	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn đối với số cổ phần đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán</p>	<p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Việc xác định lãi suất chậm thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thông báo thanh toán tiền mua cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, khoản 5 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng</p>	Áp dụng Điều 10 Điều lệ mẫu
----	--------------------------	--	--	-----------------------------

		<p>đủ theo quy định tại Điều 112 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 1,5 lần lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	<p>quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Công ty quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.</p> <p>5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.</p>	
17	Điểm b khoản 1 Điều 11. Mua lại cổ phần	<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá khác được tính theo nguyên tắc quy định của Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu</p>	<p>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức</p>	Điều chỉnh theo khoản 2 Điều 129 Luật Doanh nghiệp 2014

		cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.	
18	Khoản 1 Điều 12. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại	Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại Điều 11 Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.	Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định (nếu có); trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.	Bổ sung do nhu cầu quản trị của Công ty
19	Điều 13. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức	Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 11 Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và tất cả các thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	Bổ nội dung này	Nội dung này đã được quy định tại Điều 133 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ không làm rõ thêm nội dung này nên sẽ không nhắc lại quy định của luật.

20	Khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau	Sử dụng thuật ngữ Người nắm giữ cổ phần phổ thông	Sử dụng thuật ngữ Cổ đông phổ thông	Áp dụng khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu
21	Điểm c và g khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 9 của Điều lệ này. g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	- Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông . - Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	Áp dụng Điều 12 Điều lệ mẫu
22	Khoản 1 Điều 15 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	Chưa quy định	Bổ sung thêm các điểm sau: - Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động	Áp dụng Điều 12 Điều lệ mẫu, Điều 4 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và nhu cầu quản trị của công ty

			<p>của Công ty;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; - Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình; - Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật; 	
23	Khoản 4 Điều 15 Quyền của cổ đông	Quyền của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.	Làm rõ hơn nội dung đã quy định
24	Điều 16 Nghĩa vụ của cổ đông	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. 2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. 3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định. 4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Công ty quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần. 2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; 4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua: <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; 	Áp dụng Điều 13 Điều lệ mẫu

		<p>đăng ký mua cổ phần.</p> <p>5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.</p> <p>6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.</p>	<p>b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;</p> <p>6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật;</p> <p>7. Không được sử dụng cổ phần, chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại Công ty;</p> <p>8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;</p> <p>9. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.</p> <p>10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <p>a. Vi phạm pháp luật;</p> <p>b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể</p>	
--	--	---	--	--

			<p>xảy ra đối với Công ty.</p> <p>11. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
25	Điểm c Khoản 3 Điều 17 HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp	Khi số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần hai (1/2) so với số quy định tại Điều lệ này;	Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này;	Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu
26	Điểm a khoản 4 Điều 24 Thời hạn triệu tập ĐHCĐ bất thường	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;	Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;	Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu
27	Điều 18 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Tiêu đề: Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	Tiêu đề: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Áp dụng Điều 15 Điều lệ mẫu
28	Khoản 1 Điều 18 Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	<p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển Công ty;</p> <p>b. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>u. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;</p> <p>v. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>w. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p> <p>x. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường</p>	Áp dụng Điều 15 Điều lệ mẫu

	<p>Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>e. Thông qua Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>f. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>g. Thông qua mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;</p> <p>h. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>i. Quyết định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>k. Quyết định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>l. Thông qua Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>m. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;</p> <p>n. Lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;</p>	<p>niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;</p> <p>e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p>	
--	---	---	--

		<p>o. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>p. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>q. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>r. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>s. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty.</p> <p>t. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.</p>	<p>gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;</p> <p>l. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;</p> <p>n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
29	Điều 19 Các đại diện được ủy quyền	Tiêu đề: Các đại diện được ủy quyền	Tiêu đề: Các đại diện theo ủy quyền	Áp dụng Điều 16 Điều lệ mẫu
30	Khoản 2 Điều 19 Các đại diện được ủy quyền	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có	Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây: a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải	Áp dụng khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu

		<p>chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p>có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p>	
31	Khoản 4 Điều 19 Các đại diện được ủy quyền	Cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền cử tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền; từ trên 10% đến 30% được cử tối đa 05 (năm) người đại diện; từ trên 30% đến 50% được cử tối đa 07 (bảy) người đại diện; từ trên 50% trở lên được cử tối đa bằng số thành viên Hội đồng quản trị. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Công ty trong thời hạn sớm nhất.	Bổ nội dung này	Theo nhu cầu quản trị của công ty
32	Thay đổi các quyền	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung này	Áp dụng Điều 17 Điều lệ mẫu

33	Khoản 2 Điều 20 Triệu tập ĐHĐCĐ	<p>Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</p> <p>e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu</p>	<p>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	Áp dụng Điều 18 Điều lệ mẫu
----	---------------------------------------	--	--	-----------------------------

	<p>thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;</p> <p>f. Xác định thời gian và địa điểm họp;</p> <p>g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (“website”) của Công ty. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; phiếu biểu quyết; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu trên địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</p>		
--	---	--	--

34	Khoản 2 và khoản 3 Điều 21 Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	<p>2.Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.3.Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	<p>2.Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>3.Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</p>	Áp dụng Điều 19 Điều lệ Công ty
35	Quyền dự họp ĐHĐCĐ	Chưa quy định	<p>Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ</p>	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty

			<p>đồng. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia với tư cách cá nhân mình.</p> <p>2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người dự họp theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp.</p> <p>4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>	
36	Khoản 1 Điều 22	1. Trước hoặc vào ngày tổ chức Đại hội	Trước khi khai mạc cuộc họp , Công ty	Áp dụng Điều 20 Điều

	Thê thức tiến hành họp	đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Thời gian thực hiện việc đăng ký do Hội đồng quản trị quyết định.	phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	lệ mẫu
37	Khoản 2 Điều 22 Thê thức tiến hành họp	Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	Số thành viên của ban kiểm phiếu tối thiểu 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của Công ty
38	Khoản 5 Điều 22 Thê thức tiến hành họp	Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục xử lý các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông.	Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Áp dụng khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu
39	Khoản 8 Điều 22 Thê thức tiến hành họp	Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây: a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; c. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và	Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.	Áp dụng khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu

		<p>hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p>		
40	Điều 22 Thể thức tiến hành họp	Chưa quy định	<p>Bổ sung thêm hai khoản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự. - Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể: <ul style="list-style-type: none"> a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”); b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội; <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	Áp dụng khoản 6 và 10 Điều 20 Điều lệ mẫu
41	Điều 23 Hình thức thông qua nghị quyết	<p>Điều 23. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua</p>	<p>Ghép thành một điều: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	Áp dụng Điều 21 Điều lệ mẫu

	<p>của ĐHĐCĐ Điều 24 Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ</p>	<p>các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Định hướng phát triển Công ty;</p> <p>c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>g. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p> <p>Điều 24. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	<p>3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí</p>	
--	---	---	--	--

	<p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;</p> <p>e. Tổ chức lại, giải thể hoạt động Công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng</p>	<p>quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.</p> <p>5. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p><i>Riêng nội dung về tỷ lệ số phiếu cần có để thông qua nội dung xin ý kiến bằng văn bản sẽ đưa sang điều khoản riêng biệt</i></p>	
--	---	---	--

		<p>cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24h) giờ, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>		
42	Khoản 2 Điều 25 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Quy trình, thủ tục xin ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được nêu rõ tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Bỏ nội dung này	Nội dung được quy định trong Điều lệ Công ty

43	Khoản 3 Điều 25 Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.	Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Áp dụng khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu
44	Điều 27 Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc , cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Áp dụng Điều 24 Điều lệ mẫu
45	Điều 28 Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT	Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế	Luật Doanh nghiệp không còn dùng thuật ngữ nhiệm kỳ của HĐQT.
46	Điều 28 Thành phần của HĐQT	Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	Đối với công ty niêm yết bắt buộc phải áp dụng quy định này (Khoản 5 Điều 13 Nghị định 71/2017/NĐ-CP)

47	Khoản 2 Điều 28 Thành phần của HĐQT	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.</p>	<p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	Áp dụng khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu
48	Khoản 4 Điều 28 Thành phần của HĐQT	<p>Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 8 Điều này; Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị; Có đơn từ chức; Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng 	<p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; Có đơn từ chức; Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có 	Áp dụng khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu

		<p>quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>g. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.</p>	<p>những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.</p>	
49	Khoản 5 Điều 28 Thành phần của HĐQT	<p>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận,</p>	Bổ nội dung này	<p>1. Thông tư 121/2012/TT-BTC trước đây đã quy định nội dung này. Tuy nhiên, thông tư này đã hết hiệu lực và được thay thế bằng Nghị định 71/2017/NĐ-CP.</p> <p>2. Cảng hải Phòng đã xin ý kiến UBCKNN về nội dung và được hướng dẫn tại văn bản 8670/UBCK-GSĐC ngày 28/12/2017 là việc</p>

		mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra họp Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.		bầu thành viên HĐQT phải thực hiện tại Đại hội cổ đông
50	Điểm d Khoản 8 Điều 28 Thành viên của HĐQT	Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: Trường hợp Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.	Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý. Bổ sung thêm tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập như sau: a. Là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm một trong các lĩnh vực: tài chính, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh; b. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó; c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;

e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị

			<p>có liên quan.</p> <p>Bổ sung điều kiện cho thành viên HĐQT như sau:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.</p>	
51	Công bố thông tin ứng viên HĐQT	Chưa quy định	<p>Bổ sung thêm nội dung này</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; 	Áp dụng khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu

			<p>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</p> <p>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</p> <p>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</p> <p>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</p> <p>i. Các thông tin khác (nếu có).</p>	
52	Điều 29	Tiêu đề: Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Tiêu đề: Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT	Áp dụng Điều 27 Điều lệ mẫu
53	Khoản 1 Điều 29 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền thuộc của Đại hội đồng cổ đông.	Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Áp dụng khoản 1 Điều 27 Điều lệ mẫu
54	Khoản 2 Điều 29 Quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và</p>	<p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng quý/sáu (06) tháng/năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm,</p>	Áp dụng khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu

	<p>trái phiếu của Công ty;</p> <p>e. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường, và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty, trừ các hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc. Việc bãi nhiệm nêu trên</p>	<p>miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.</p> <p>d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>e. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận để Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;</p> <p>f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài</p>	
--	--	--	--

	<p>không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);</p> <p>j. Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương và quyền lợi khác đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;</p> <p>k. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>l. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>m. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>n. Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>k. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;</p> <p>l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;</p> <p>n. Xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p>	
--	--	--	--

		<p>q. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong quá trình kinh doanh;</p> <p>r. Xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>s. Thông qua báo cáo tháng, quý, sáu tháng, năm trước khi công bố thông tin theo quy định;</p> <p>t. Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p> <p>u. Quyết định việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>v. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>w. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;</p> <p>x. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>o. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;</p> <p>q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty;</p> <p>r. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;</p> <p>s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;</p> <p>u. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;</p> <p>v. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>w. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;</p> <p>x. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ</p>	
--	--	--	---	--

phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ba tỷ (03) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế

			<p>hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;</p> <p>j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh, quản trị hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>	
55	Khoản 1 Điều 30 Chủ tịch HĐQT	Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.	Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.	Do nhu cầu quản trị của Công ty, hai chức danh này cần phải độc lập
56	Khoản 2 Điều 30	a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt	a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt	Bổ sung do nhu cầu

	<p>Chủ tịch HĐQT</p>	<p>động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</p> <p>g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các</p>	<p>quản trị của công ty</p>
--	----------------------	--	--	-----------------------------

			<p>công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;</p> <p>i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>j. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Công ty với Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p> <p>k. Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;</p> <p>l. Trình Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;</p> <p>m. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
57	Khoản 3 Điều 30 Chủ tịch HĐQT	Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng	Bỏ nội dung này	Nội dung này đã được quy định tại khoản 4 Điều 152, Điều lệ công ty không có giải thích gì thêm

		quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.		
58	Khoản 4 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: <ul style="list-style-type: none"> a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác; b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị; c. Ban kiểm soát. 	Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận: <ul style="list-style-type: none"> d. Ban kiểm soát; e. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác; f. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; g. Các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành. 	Khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu
59	Khoản 7 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó.	Áp dụng khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu
60	Khoản 9 và 10 Điều 31 Các cuộc họp	9. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy	Khoản 9 điều chỉnh như sau: Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được	-Áp dụng khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu -Nội dung khoản 10

	HĐQT	<p>(07) ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p>	<p>triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>Khoản 10 Không quy định nội dung này trong Điều lệ công ty</p>	Điều 31 sẽ được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty
61	Khoản 15 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	<p>Thư ký Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các thành viên Ban kiểm soát, những cán bộ quản lý khác (nếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị) và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền được biểu quyết khi được thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền.</p>	<p>Nội dung này được tách thành hai điểm riêng biệt sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết; - Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. 	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
62	Khoản 16 Điều 31 Các cuộc họp HĐQT	<p>Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:</p>	Bỏ nội dung này	Nội dung này sẽ được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị của công ty

		<p>a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua quyết định, nghị quyết cho các thành viên Hội đồng quản trị; và</p> <p>b. Các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị ghi trong Thông báo lấy ý kiến;</p> <p>c. Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu;</p> <p>d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề đã được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua.</p>		
63	Khoản 1 Điều 32 Biên bản họp HĐQT	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt	Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.	Áp dụng theo khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014
64	Hiệu lực của Biên bản	Chưa quy định	Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Áp dụng khoản 3 Điều 154 Luật Doanh nghiệp 2014
65	Bổ sung quy định về tiểu ban	Chưa quy định	Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các tiểu ban này và cơ chế làm việc của các tiểu ban do Hội	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty

			đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.	
66	Thư ký Công ty và Người phụ trách quản trị Công ty	Chỉ quy định về Thư ký Công ty	Bổ quy định về Thư ký Công ty, bổ sung quy định về Người phụ trách quản trị công ty	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
67	Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp	Chưa quy định	Bổ sung nội dung này: Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Công ty.	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
68	Chương III	Tiêu đề: Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty	Tiêu đề: Tổng giám đốc và người điều hành khác	Điều chỉnh theo nhu cầu quản trị của công ty
69	Điều 33 Tổ chức bộ máy quản lý	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, một (01) Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám	Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.	Áp dụng Điều 33 Điều lệ mẫu

		đốc, Kế toán trưởng có thể đồng thời cùng là thành viên Hội đồng quản trị.		
70	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; - Vào ngày 30 tháng 11 hằng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua; - Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất; - Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm; 	Áp dụng khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu
71	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung: Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hàng năm;	Theo nhu cầu quản trị của công ty
72	Khoản 4 Điều 35 Quyền hạn và nghĩa vụ của TGD	Các nội dung còn lại	Ghi nhận các nội dung còn lại theo nguyên tắc: Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.	Áp dụng theo Điều 35 Điều lệ mẫu

73	Điều 36 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Bộ máy giúp việc		Bỏ nội dung này	Nội dung này được quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị của công ty
74	Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc	Chưa quy định	Bổ sung các tiêu chuẩn cơ bản	Theo nhu cầu quản trị của công ty
75	Khoản 4 Điều 38 Thành viên BKS	Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.	Bỏ nội dung này	Nội dung được quy định tại khoản 3 Điều 136 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ không có giải thích thêm.
76	Khoản 5 Điều 38 Thành viên BKS	Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
77	CBTT ứng viên BKS	Chưa quy định	Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng	Bổ sung theo nhu cầu quản trị của công ty

			<p>viên Kiểm soát viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). 	
78	Khoản 7 Điều 38	Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm	1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm	Áp dụng theo khoản 4,5

	Thành viên BKS	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Ban kiểm soát;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>e. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>f. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>g. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p>	<p>trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p> <p>2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</p> <p>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</p>	Điều 37 Điều lệ mẫu
79	Khoản 1 Điều 39 Ban kiểm soát	<p>a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty;</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;</p>	<p>a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.</p> <p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p>	Áp dụng khoản 1 Điều 38 Điều lệ mẫu

		<p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty;</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này;</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 15 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không</p>	<p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.</p> <p>f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở</p>	
--	--	--	--	--

		<p>gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty;</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;</p> <p>h. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>i. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty;</p> <p>j. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;</p> <p>k. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>l. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm</p>	<p>hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>h. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</p> <p>i. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</p> <p>m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</p>	
--	--	--	---	--

		<p>toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p> <p>n. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>o. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban quản lý Công ty;</p> <p>p. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p> <p>q. Thực hiện các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>n. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p> <p>o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
80	Điều 40 Trách nhiệm cẩn trọng	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.	Áp dụng Điều 39 Điều lệ mẫu
81	Điều 41 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung	Chưa có điều khoản về công khai lợi ích liên quan	Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật	Áp dụng khoản 1 Điều 40 Điều lệ mẫu

	đột về quyền lợi		Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.	
82	Điều 44 Quan hệ với tổ chức công đoàn	Chưa có quy định về việc lập kế hoạch các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn	Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Áp dụng khoản 2 Điều 43 Điều lệ mẫu
83	Khoản 2 Điều 45 Phân phối lợi nhuận	Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.	Bỏ nội dung này	Tại nội dung về quyền hạn của Hội đồng quản trị đã có quy định: HĐQT quyết định thủ tục trả cổ tức
84	Điều 47 Năm tài chính	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 của năm đó.	Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.	Không còn thời điểm năm tài chính đầu tiên nữa
85	Chương XV	Tiêu đề: Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng	Tiêu đề: Báo cáo thường niên, Báo cáo tài chính và trách nhiệm công bố thông tin	Điều chỉnh lại nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
86	Điều 52 Đơn vị trực thuộc, công ty con và công ty liên kết của Công ty	1. Công ty có thể có các đơn vị trực thuộc, các công ty con và công ty liên kết; 2. Công ty có thể thành lập các công ty con, đơn vị trực thuộc, văn phòng đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và	1. Công ty được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm: a. Cơ quan Văn phòng Công ty; b. Các Đơn vị trực thuộc; c. Các công ty có vốn đầu tư của Công ty. Danh sách các Đơn vị trực thuộc, các công ty có vốn đầu tư của Công ty	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

		phù hợp với quy định của pháp luật.	<p>được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới, thoái vốn theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Công ty có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào doanh nghiệp ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.</p>	
87	Điều 53. Quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị trực thuộc	<p>1. Công ty có các đơn vị trực thuộc do Hội đồng quản trị Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, hoặc chấm dứt hoạt động, bao gồm: văn phòng đại diện, chi nhánh, địa điểm kinh doanh và các đơn vị trực thuộc khác; được tổ chức, quản lý theo quy định của Công ty và quy định của pháp luật; hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị phê duyệt.</p> <p>2. Các đơn vị trực thuộc không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn và tài sản của các đơn vị trực thuộc thuộc sở hữu của Công ty. Các đơn vị trực thuộc được ký kết các hợp đồng thương mại, thực hiện các hoạt động kinh doanh, tài chính, tổ chức quản lý nhân sự và tiến hành các hoạt động khác theo phân cấp của Công ty quy định trong Điều lệ, quy chế của Công ty hoặc quy chế hoạt động riêng của đơn</p>	<p>Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Công ty, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.</p>	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

	<p>vị trực thuộc do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của đơn vị trực thuộc.</p> <p>3. Văn phòng đại diện của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại trong phạm vi quy định của pháp luật; có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của Công ty; có trụ sở, được mở tài khoản, có con dấu mang tên văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>4. Chi nhánh của Công ty được thành lập ở trong nước hoặc ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động thương mại, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty, kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền; có ngành, nghề kinh doanh phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty; tổ chức hạch toán kinh doanh theo phân cấp của Công ty và theo quy định của pháp luật; có Quy chế tổ chức và hoạt động theo quy định của Công ty.</p> <p>5. Địa điểm kinh doanh của Công ty là nơi tổ chức thực hiện hoạt động kinh doanh cụ thể theo phân cấp của Công ty. Địa điểm kinh doanh của Công ty có thể ở ngoài địa chỉ đăng ký trụ sở chính nhưng</p>		
--	---	--	--

		phải nằm trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi Công ty đặt trụ sở chính. Cơ cấu tổ chức, tên gọi, chức năng, nhiệm vụ của địa điểm kinh doanh do Hội đồng quản trị Công ty quyết định căn cứ theo quy định của pháp luật.		
88	Điều 54 Quan hệ giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết	<p>Gồm 5 khoản sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Quan hệ với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ (gọi tắt là công ty con) 2. Quan hệ với công ty con do Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành của công ty đó 3. Quan hệ với công ty liên kết và doanh nghiệp có vốn góp khác 4. Mọi quan hệ giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa Công ty với công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. 5. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện của Công ty để thực hiện các quyền của Công ty với tư cách là chủ sở hữu đối với công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do Công ty đầu tư tại các doanh nghiệp có vốn góp khác phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty 	<p>Tách thành một mục riêng với 5 Điều khoản như sau:</p> <p>Điều 62. Quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác</p> <p>Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ</p> <p>Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</p> <p>Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống</p> <p>Điều 66. Nguyên tắc quan hệ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty</p>	Điều chỉnh lại nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

		con và các doanh nghiệp có vốn góp, Luật Doanh nghiệp và pháp luật liên quan.		
89	Khoản 2 Điều 55 Con dấu	2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Tách thành 2 khoản có nội dung như sau: 2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật. 3. Công ty có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về sử dụng con dấu của Công ty, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của Công ty.	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
90	Khoản 1 Điều 56 Chấm dứt hoạt động	a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành; b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Áp dụng theo khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu
91	Điều 60 Ngày hiệu lực	1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương 60 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng biểu quyết thông qua ngày 14 tháng 04 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành 10 (mười) bản, có giá trị như nhau, được sử dụng để đăng ký tại các cơ quan có thẩm quyền và lưu giữ tại Trụ sở của Công ty. 3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông	1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 88 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014, Điều lệ được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông Công ty	Áp dụng Điều 57 Điều lệ mẫu và điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty.

		<p>thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p>	<p>cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2017.</p> <p>3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau như nhau, trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương; b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định; c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. <p>4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.</p> <p>5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	
--	--	--	---	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

(Sửa đổi lần thứ 2 và được ban hành lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng năm 2018)



Hải Phòng, tháng 6 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
MỤC 2: MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty	5
Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty	6
Điều 4. Con dấu.....	7
Điều 7. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	7
Điều 8. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty.....	7
Điều 9. Quản lý nhà nước	8
Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	9
CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU	9
Điều 11. Vốn điều lệ	9
Điều 12. Tăng, giảm vốn điều lệ.....	9
Điều 13. Cổ phần.....	10
Điều 14. Chào bán cổ phần	10
Điều 15. Mua lại cổ phần	11
Điều 16. Thu hồi cổ phần	13
Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 18. Thừa kế cổ phần	14
Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông.....	14
Điều 20. Chứng nhận cổ phiếu	15
CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	16
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC	16
Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	16
MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	16
Điều 22. Quyền của cổ đông.....	16
Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông.....	18
Điều 24. Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 26. Đại diện theo ủy quyền	21
Điều 27. Thay đổi các quyền.....	22
Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	30
MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	31
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	31
Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	32
Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	32
Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	35
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị	36
Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị	37
Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	38
Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	41
Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	42
Điều 45. Người phụ trách quản trị công ty	42
Điều 46. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	43
MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	43
Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý	43
Điều 48. Người điều hành doanh nghiệp.....	43
Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	44
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc.....	45
MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT.....	46
Điều 51. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	46
Điều 52. Kiểm soát viên.....	47
Điều 53. Ban kiểm soát.....	48
Điều 54. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp.....	50
MỤC 6: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	50
Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng.....	50
Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	50
Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	51
MỤC 7: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	52
Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	52
MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	53
Điều 59. Công nhân viên	53
CHƯƠNG IV: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY.....	53
MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY	53
Điều 60. Cơ cấu tổ chức của Công ty	53
MỤC 2: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	53

Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị trực thuộc	53
MỤC 3: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC	54
DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY	54
Điều 62. Quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác	54
Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ	54
Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	55
Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống	57
Điều 66. Nguyên tắc quan hệ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty	58
CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH	59
MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	59
Điều 67. Phân phối lợi nhuận	59
MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH	59
VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	59
Điều 68. Tài khoản ngân hàng	59
Điều 69. Năm tài chính	60
Điều 70. Chế độ kế toán	60
MỤC 3: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	60
Điều 71. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý	60
Điều 72. Báo cáo thường niên	61
MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY	61
Điều 73. Kiểm toán	61
MỤC 5: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	61
Điều 74. Chấm dứt hoạt động	61
Điều 75. Thanh lý	62
MỤC 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	62
Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ	62
MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	63
Điều 77. Điều lệ Công ty	63
MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC	63
Điều 88. Ngày hiệu lực	63

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho việc tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng. Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng ngày 29 tháng 6 năm 2018.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "**Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng**" sau đây được gọi tắt là "Công ty";
- b. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được ghi vào Điều lệ này và được xác nhận tại Giấy chứng nhận doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Vốn điều lệ có thể thay đổi trong từng thời kỳ, phù hợp với yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật;
- c. "**Luật Doanh nghiệp**" là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- d. "**Luật Chứng khoán**" là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010.
- e. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- f. "**Người quản lý**" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- g. "**Người điều hành doanh nghiệp**" là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- h. "**Người có liên quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;
- i. "**Người đại diện theo ủy quyền tại Công ty**" là cá nhân được cổ đông tổ chức ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;

j. **“Người đại diện theo ủy quyền phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác”** là cá nhân được Công ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty tại doanh nghiệp có vốn góp, cổ phần của Công ty.

k. **“Cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty”** tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

l. **“Cổ phần, vốn góp không chi phối của Công ty”** tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó trở xuống.

m. **“Pháp luật”** là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các văn bản pháp luật này.

n. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (5%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

o. **“Thời hạn hoạt động”** là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

p. **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

2. Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên gọi:

- Tên tiếng Việt : **Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng**
- Tên giao dịch quốc tế : **Port of Hai Phong Joint Stock Company**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **Cảng Hải Phòng**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **Port of Hai Phong**

- Loại hình công ty: Công ty cổ phần

2. Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 8A Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

- Điện thoại : (84-225)3859.945
- Fax : (84-225)3859.973
- E-mail : haiphongport@haiphongport.com.vn
- Website : www.haiphongport.com.vn
- Logo:



PORT OF HAI PHONG

3. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

4. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Hình thức pháp lý, chức năng và tư cách pháp nhân của Công ty

1. Công ty được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam. Mỗi cổ đông chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi số vốn mà cổ đông đó đã góp vào Công ty.

3. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp khác; quản lý, chỉ đạo, chi phối các doanh nghiệp khác theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các công ty đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Công ty có:

a. Con dấu riêng; được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước, các ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

b. Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp khác trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.

c. Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có trách nhiệm ban hành quy chế nội bộ về sử dụng con dấu của Công ty, trong đó xác định các chức danh quản lý, chức danh điều hành và các trường hợp được sử dụng con dấu của Công ty.

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc Công ty.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Mục tiêu của Công ty

1. Phát triển Công ty thành nhà khai thác cảng chuyên nghiệp hàng đầu trong cả nước;

2. Kinh doanh có lãi, bảo toàn, sử dụng có hiệu quả và phát triển vốn của các cổ đông đã đầu tư tại Công ty.

3. Không ngừng cải thiện đời sống, điều kiện làm việc, thu nhập cho người lao động; đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

4. Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.

Điều 7. Lĩnh vực, phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các hoạt động kinh doanh quy định tại Điều lệ này và các hoạt động khác phù hợp quy định của pháp luật.

2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty là ở cả trong và ngoài nước.

Điều 8. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa	5224
2	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

TT	Tên ngành	Mã ngành
4	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho bãi, văn phòng	6810
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Môi giới tàu biển; dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ hàng hóa; dịch vụ khai thuê hải quan	5229
7	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa	8299
8	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
9	Sửa chữa thiết bị khác Chi tiết: Sửa chữa container	3319
10	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh container	8129
11	Giáo dục nghề nghiệp	8532
12	Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá	8610
13	Lai dắt và hỗ trợ tàu biển	5222
14	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
15	Xây dựng công trình kỹ thuật, dân dụng khác, cầu tàu, bến bãi	4290
16	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ	5610
17	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên (phục vụ tiệc, hội họp...)	5621
18	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
19	Cho thuê xe có động cơ	7710
20	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa, cho thuê thiết bị nâng hạ	7730

Điều 9. Quản lý nhà nước

1. Công ty chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước các cấp theo quy định của pháp luật.

2. Công ty thực hiện nghĩa vụ với địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian và điều kiện cần thiết khác để các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 11. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 3.269.600.000.000 đồng (*Ba nghìn hai trăm sáu chín tỷ sáu trăm triệu đồng*).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật.

Công ty phải bảo đảm rằng Điều lệ này và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi một cách hợp pháp để phản ánh việc tăng, giảm vốn điều lệ.

2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của Công ty:
 - a. Phát hành cổ phần ra công chúng, phát hành cổ phần riêng lẻ để huy động thêm vốn, kể cả trường hợp phát hành cổ phần để trả cổ tức;
 - b. Chuyển đổi trái phiếu đã phát hành thành cổ phần (nếu có);
 - c. Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật; các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Công ty:
 - a. Công ty mua lại và hủy bỏ một số lượng cổ phần đã phát hành có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến điều chỉnh giảm; và
 - b. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
4. Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 13. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*). Số lượng cổ phần của Công ty bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 326.960.000 cổ phần (*Bằng chữ: Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn cổ phần*).
3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi theo các điều kiện do Đại hội đồng cổ đông quyết định khi được cơ quan nhà nước chấp thuận và phù hợp với quy định có liên quan của pháp luật. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi.
5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 14. Chào bán cổ phần

1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán theo phương án tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách kế toán tại thời điểm gần nhất (bao gồm giá trị vốn điều lệ, các quỹ không chia), trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty;
 - b. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
 - c. Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó nếu được chấp thuận bởi số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp giá bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần, phần chênh lệch sau khi trừ chi phí được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của cổ đông tại Công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây (trừ khi các văn bản pháp luật có liên quan quy định khác):

 - a. Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ đã đăng ký. Đồng thời Công ty sẽ đăng báo việc tăng vốn trên 03 (ba) số báo liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày

thông báo.

b. Thông báo gửi cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu, hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Công ty phát hành.

c. Cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d. Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về Công ty đúng hạn như đã thông báo (được xác định theo dấu bưu điện hoặc ngày trực tiếp gửi đến đúng địa chỉ theo yêu cầu của Công ty) thì cổ đông có liên quan coi như từ bỏ quyền ưu tiên mua cổ phần. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông đăng ký mua hết thì số cổ phần đó sẽ do Hội đồng quản trị quyết định xử lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông khác của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được bán và người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty, Công ty phải phát hành và trao chứng nhận cổ phiếu cho người mua. Tuy nhiên, Công ty có thể bán cổ phần mà không trao chứng nhận cổ phiếu (trường hợp Công ty không phát hành chứng nhận cổ phiếu hoặc cổ đông đề nghị Công ty lưu giữ). Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

5. Các quy định khác về điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán có liên quan.

6. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Công ty:

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán ra, một

phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

a. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận nào khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

c. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

d. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán, chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải lập thành văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

b. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 này với giá thị trường hoặc giá thỏa thuận trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại:

a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này mà vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định (nếu có); trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Công ty thì phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được coi là cổ phần thu về (cổ phiếu quỹ) và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

c) Chứng nhận cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng được thanh toán đầy đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng nhận cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn mười phần trăm (10%) thì Công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 16. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty. Việc xác định lãi suất chậm thanh toán tiền mua cổ phần theo thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Thông báo thanh toán tiền mua cổ phần nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới nhưng không ít hơn bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các khoản 4, khoản 5 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

3. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty và được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

4. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Công ty quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng

quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán thực tế. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phần vào thời điểm thu hồi.

5. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

4. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan đến khi tên của bên nhận chuyển nhượng được đăng ký vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 18. Thừa kế cổ phần

1. Việc thừa kế cổ phần thực hiện theo quy định của Điều lệ này, pháp luật về thừa kế và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sau khi xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh quyền thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế tại Sổ đăng ký cổ đông và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và pháp luật.

3. Người thừa kế cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và người quản lý khác được sở hữu cổ phần nhưng không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và các chức danh quản lý tương ứng.

Điều 19. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này từ khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;

c. Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước hoặc số giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.

e. Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD). Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc theo quy định của VSD (khi Công ty lưu ký cổ phần tại VSD). Trường hợp cổ đông có các thay đổi thông tin tại điểm d khoản 1 Điều này thì phải thông báo cho Công ty để điều chỉnh trong Sổ đăng ký cổ đông. Nếu Công ty không nhận được thông báo thay đổi, tất cả thông báo, tuyên bố hoặc thông tin khác sẽ được Công ty gửi cho cổ đông theo địa chỉ mới nhất ghi trong Sổ đăng ký cổ đông hoặc theo thông báo của VSD.

4. Cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần trở lên của Công ty phải được đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó.

Điều 20. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp Chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu do Công ty phát hành bao gồm các thông tin chủ yếu sau:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b. Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên Chứng nhận cổ phiếu;

e. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;

f. Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu;

g. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty;

h. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành Chứng nhận cổ phiếu tương ứng; Đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi biểu quyết, ngoài những thông tin trên còn phải ghi rõ mức được biểu quyết và thời hạn hiệu lực ưu đãi biểu quyết theo quy

định tại Điều lệ này; và các nội dung khác theo quy định của pháp luật. Theo các quy định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty liên quan đến bất kỳ loại cổ phần nào, sẽ được cấp miễn phí Chứng nhận cổ phiếu sau khi mua hoặc nhận cổ phần chuyển nhượng trong vòng ba mươi (30) ngày (hoặc thời hạn khác theo quy định của điều khoản phát hành hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị Công ty ban hành);

3. Công ty có thể trực tiếp hoặc gián tiếp, quản lý Chứng nhận cổ phiếu cho cổ đông hoặc cấp Chứng nhận cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp Chứng nhận cổ phiếu bị hỏng, mất, bị cháy hoặc bị tẩy xóa, tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Công ty cấp lại Chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

4. Cổ phần do các cổ đông sở hữu sẽ được ghi nhận dưới hình thức bút toán ghi sổ. Việc phát hành, chuyển nhượng và các vấn đề liên quan đến các loại cổ phần khi đó sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 21. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang bằng nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

f. Được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty; Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

g. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

h. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ của Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

i. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

j. Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

k. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;

l. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp;

m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ có các quyền theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có thêm các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại khoản 2 Điều 36 và khoản 2 Điều 51 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ tiền mua số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Công ty quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

4. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

5. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp;

6. Không được rút vốn cổ phần dưới bất cứ hình thức nào trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật;

7. Không được sử dụng cổ phần, chứng nhận cổ phiếu làm tài sản thế chấp, cầm cố tại Công ty;

8. Bảo vệ uy tín, tài sản và giữ bí mật về các hoạt động của Công ty;

9. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

10. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

11. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

12. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, hoặc không quá sáu (06) tháng nếu được sự gia hạn của cơ quan đăng ký kinh doanh theo đề nghị của Hội đồng quản trị, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định các vấn đề sau:

a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- h. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
- i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
 - 1. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại hơn 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Đại diện theo ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có ủy quyền theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 27. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 29 và Điều 32 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 28. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai

mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 29. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 30. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông có quyền trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được ủy

quyền tiếp cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông và không được tham gia với tư cách cá nhân mình.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân mới sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ cổ đông thì cổ đông này gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế để Hội đồng quản trị quyết định về cổ đông, cổ phiếu, cổ phần và người dự họp theo quy định của pháp luật.

3. Việc ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền này trước khi vào phòng họp.

4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

Điều 31. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên cổ đông, họ và tên người đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu tối thiểu 03 thành viên, do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường

Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 32. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại đại hội sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 33. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 34. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 35. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể

xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử

viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 37. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là chín (09) người, bao gồm thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;

e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 38. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực

hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng quý/sáu (06) tháng/năm, kế hoạch sử dụng lao động hằng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc; Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và quyền lợi khác đối với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các chức danh quản lý tương đương khác của Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc.

d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

e. Chấp thuận để Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; chấp thuận để Tổng giám đốc quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty; Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành Công ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

i. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;

k. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

m. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

n. Xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

p. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

q. Quyết định giá chào bán cổ phiếu và trái phiếu của Công ty;

r. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;

s. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

t. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

u. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

v. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

w. Chấp thuận việc Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

x. Quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

y. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá ba tỷ (03) đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh, quản trị hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 39. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty có vốn đầu tư của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền

công tron gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị .

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bãi miễn.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Thay mặt Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chuẩn bị hoặc tổ chức chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình phục vụ cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện và giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các quyết định, nghị quyết đó; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị;

f. Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h. Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn của họ;

i. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các tiểu ban của Hội đồng quản trị tối thiểu mỗi năm 01 (một) lần; Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và

báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

j. Đảm bảo rằng người lao động có thể được báo cáo về những bất bình thường liên quan đến tình hình tài chính, hoạt động và các vấn đề chung, kể cả các vi phạm về quy tắc đạo đức của Công ty với Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k. Ủy quyền, phân công cho một trong số thành viên Hội đồng quản trị đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt;

l. Trình Hội đồng quản trị quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

m. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý.

2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm một trong các lĩnh vực: tài chính, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh;

b. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của

Công ty hoặc công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;

e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.

Điều 42. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao thì các thành viên này bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây có đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Các trường hợp theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị họp nêu tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm

cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 56 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải

công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc họp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 43. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Các vấn đề đã được thông qua;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và quyền lợi của các thành viên của các tiểu ban này và cơ chế làm việc của các tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 45. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Hội đồng quản trị và các tiểu ban của Hội đồng quản trị có quyền thuê nhân viên và tư vấn độc lập, các kế toán độc lập và các tư vấn bên ngoài để thực hiện các công việc liên quan phù hợp với Điều lệ và quy định của pháp luật, nếu cần thiết để thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ của họ bằng chi phí của Công ty mà không cần phải tham khảo trước bất kỳ một người quản lý nào của Công ty.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 47. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 48. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 49. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Tổng giám đốc chỉ được ký kết các hợp đồng nhân danh Công ty sau khi có Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh trực thuộc, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương; quyết định khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, quyền lợi khác của họ sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận;

g. Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác;

h. Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;

i. Quyết định việc mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của người lao động, trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định/chấp thuận của Hội đồng quản trị;

j. Vào ngày 01 tháng 12 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

k. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc Công ty phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;

b. Có đủ năng lực hành vi dân sự;

c. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;

d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

e. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;

f. Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị khác ngoài Công ty;

g. Đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm khác theo quy định pháp luật và quy định Công ty.

2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b. Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;
 - d. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;
 - d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty;
 - f. Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;
 - g. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ này;
 - h. Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 51. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Kiểm soát viên được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Kiểm soát viên phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Kiểm soát viên được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;

- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 52. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 53. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
 - b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
 - c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 - e. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này.
 - f. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

g. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

h. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

i. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

j. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

k. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

l. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

m. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

n. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

o. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

p. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 54. Sử dụng dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp

Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Ban kiểm soát có quyền thuê các nhân viên và tư vấn bên ngoài, kế toán viên độc lập hoặc các nhà tư vấn khác khi cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình bằng chính chi phí của Công ty phù hợp với quy định của Điều lệ này và pháp luật mà không phải xin ý kiến trước của bất kỳ người quản lý nào của Công ty.

MỤC 6: NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 57. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo

yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 58. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm

soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 59. Công nhân viên

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC, CÔNG TY CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Điều 60. Cơ cấu tổ chức của Công ty

1. Công ty được tổ chức theo hệ thống thống nhất, bao gồm:

- a. Cơ quan Văn phòng Công ty;
- b. Các Đơn vị trực thuộc;
- c. Các công ty có vốn đầu tư của Công ty.

Danh sách các Đơn vị trực thuộc, các công ty có vốn đầu tư của Công ty được thay đổi, bổ sung khi có sự tách, nhập, giải thể, thành lập mới, thoái vốn theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có thể thành lập các Đơn vị trực thuộc, đầu tư vào doanh nghiệp ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của Công ty theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và trong phạm vi pháp luật cho phép.

MỤC 2: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Điều 61. Quan hệ giữa Công ty với các Đơn vị trực thuộc

Các Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Công ty, thực hiện hoạt động kinh

doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty và được cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị này. Quy chế tổ chức và hoạt động của các Đơn vị trực thuộc do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các hợp đồng cam kết hợp pháp của các Đơn vị trực thuộc.

MỤC 3: QUAN HỆ GIỮA CÔNG TY VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY

Điều 62. Quản lý phần vốn của Công ty đầu tư tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản các công ty do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ và tham gia đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại các công ty khác; điều chỉnh mức đầu tư của Công ty vào các công ty có vốn đầu tư của Công ty đang hoạt động phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với các công ty có vốn đầu tư của Công ty thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Công ty giao quyền cho người đại diện phần vốn góp của Công ty trực tiếp thay mặt Công ty quản lý các khoản đầu tư của Công ty tại các công ty có vốn đầu tư của Công ty. Quyền và nghĩa vụ đại diện phần vốn góp của Công ty tại các công ty có vốn đầu tư của Công ty được quy định tại quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ

1. Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm đối với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

a. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Phê duyệt Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

c. Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động.

d. Quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên hay Chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên.

e. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, chấp thuận từ chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc thù lao của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; Chấp thuận để Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ

tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương hoặc thù lao của Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty;

f. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm.

g. Phê duyệt chủ trương vay, cho vay, mua, bán, thuê, cho thuê tài sản, dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp.

h. Phê duyệt báo cáo tài chính hằng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

i. Các quyền, trách nhiệm khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, bao gồm:

a. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp.

b. Tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp.

c. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn điều lệ của doanh nghiệp; xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu và tài sản của doanh nghiệp.

d. Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán, thuê, cho thuê tài sản và hợp đồng vay, cho vay của doanh nghiệp.

e. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của doanh nghiệp.

f. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Điều lệ doanh nghiệp.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

1. Doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, pháp luật ở nước ngoài, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối ở doanh nghiệp đó thông qua người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn

góp ở doanh nghiệp như sau:

a. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại doanh nghiệp; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp.

b. Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với Người đại diện.

c. Yêu cầu Người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại điểm d khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp đó có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d. Giao nhiệm vụ cho Người đại diện thực hiện các nội dung sau của doanh nghiệp trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên. Đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) doanh nghiệp;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp; danh mục các dự án đầu tư nhóm A, B hàng năm;

- Chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác; thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc;

- Chủ trương mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% vốn điều lệ của doanh nghiệp hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp; chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hàng năm;

- Chế độ tuyển dụng; chế độ thù lao, tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

e. Yêu cầu người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên và thanh tra theo quy định việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty tại doanh nghiệp; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao, kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

5. Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty có quyền và nghĩa vụ đối với Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 65. Quan hệ giữa Công ty với doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài mà Công ty nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở xuống

1. Doanh nghiệp là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty ở nước ngoài có cổ phần, vốn góp không chi phối của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Các doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty khi sử dụng thương hiệu, biểu tượng của Công ty phải có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty về nội dung, mục đích, phạm vi, thời hạn sử dụng, giá trị của thương hiệu, biểu tượng.

4. Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn theo điều lệ của doanh nghiệp đó.

5. Hội đồng quản trị Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp như sau:

a. Quyết định việc góp vốn, chuyển nhượng vốn Công ty đầu tư tại công ty; thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn mà Công ty đã góp vào doanh nghiệp.

b. Chỉ định người đại diện để thực hiện các quyền của cổ đông, thành viên góp vốn; miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật người đại diện tại doanh nghiệp; quyết định lương, thưởng, phụ cấp và các lợi ích khác của người đại diện; đánh giá đối với người đại diện.

c. Yêu cầu người đại diện thực hiện các nội dung đã được giao quy định tại điểm d khoản này, trừ trường hợp Điều lệ của doanh nghiệp có quy định khác; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình đầu tư, tài chính, hiệu quả sử dụng vốn của Công ty, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

d. Giao nhiệm vụ cho người đại diện thực hiện các nội dung sau của doanh nghiệp trên cơ sở nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty:

- Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản doanh nghiệp;

- Điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của doanh nghiệp;

- Việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; thời điểm và phương thức huy động vốn; loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- Việc đề cử đề bầu, kiến nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên; đề cử đề bổ nhiệm, kiến nghị miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty; số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp;

- Chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm của doanh nghiệp;

- Chủ trương thành lập doanh nghiệp; thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị trực thuộc;

- Chủ trương đầu tư, mua, bán, thuê, cho thuê tài sản và hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ của doanh nghiệp;

- Báo cáo tài chính hằng năm, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, mức cổ tức hằng năm của doanh nghiệp.

- Yêu cầu Người đại diện báo cáo để thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của Công ty tại doanh nghiệp.

e. Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp không chi phối của Công ty có quyền và nghĩa vụ đối với Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp đó.

Điều 66. Nguyên tắc quan hệ với các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty

Công ty sẽ không trực tiếp quyết định hoặc trực tiếp tham gia quản lý đối với các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty. Quy định này không loại trừ quyền của người đại diện phần vốn góp của Công ty thực hiện các vai trò quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp này. Công ty sẽ hỗ trợ cho các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty bằng cách xác định và đưa ra định hướng phát triển chung trên cơ sở phát huy được thế mạnh của từng doanh nghiệp và tránh sự cạnh tranh nội bộ không lành mạnh và phân tán nguồn lực

giữa các doanh nghiệp. Hoạt động hợp tác, hỗ trợ, thương mại, đầu tư giữa Công ty và các doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được xác định trên cơ sở điều kiện thương mại vì lợi ích tốt nhất của toàn bộ các doanh nghiệp và phù hợp với quy định pháp luật.

CHƯƠNG V: CƠ CHẾ TÀI CHÍNH

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 67. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 68. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 69. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 70. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 71. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 73 Điều lệ này. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch

chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 72. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 73. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 74. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 75. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 7: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 8: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 88. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 88 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Hải Phòng và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 27/6/2014, Điều lệ được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2016 và Phụ lục điều chỉnh, bổ sung Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua ngày 24/4/2017.

3. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 06.2018/TTr-CHP

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

TỜ TRÌNH

***(Điều chỉnh, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của
Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng)***

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ thực tiễn quản lý tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty),

Hội đồng quản trị Công ty trên cơ sở Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, đã xây dựng Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng với các nội dung điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và mục tiêu quản trị của Công ty (*Dự thảo Quy chế và Phụ lục các nội dung điều chỉnh, bổ sung đính kèm Tờ trình*).

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc sửa đổi, ban hành lại Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS
- Lưu: Tky Công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà**



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 29 tháng 6 năm 2018

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG

STT	Điều khoản	Nội dung đã ban hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do
1	Tên Quy chế	Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng	Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP
2	Điểm b khoản 1 Điều 1	“Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua;	“Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận ban hành ;	Bổ sung nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
3	Điểm f khoản 1 Điều 1	“Ban kiểm soát” hoặc “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;	“Ban điều hành” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;	Bổ sung nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty
4	Điểm g khoản 1 Điều 1	“Cán bộ quản lý” có nghĩa là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;	Bỏ nội dung này	Thuật ngữ này được thay thế bằng Người điều hành đã được định nghĩa tại Điểm g khoản 1 Điều 1 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
5	Điều 4	Tiêu đề: Đại hội đồng cổ đông thường niên	Tiêu đề: Triệu tập cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông	Áp dụng theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 Thông tư 95/2017/TT-BTC
6	Điều 4	1. Xây dựng nội dung, chương trình Đại hội	1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại	Áp dụng theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02

		<p>2. Xác định thời gian và địa điểm họp.</p> <p>3. Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội</p> <p>4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>5. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty)</p>	<p>hội đồng cổ đông</p> <p>2.Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội</p> <p>3.Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội</p> <p>4.Xác định thời gian và địa điểm họp.</p> <p>5.Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp</p> <p>6.Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty)</p>	<p>Thông tư 95/2017/TT-BTC</p>
7	Khoản 1 Điều 4	<p>Xây dựng nội dung, chương trình ĐH</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp và nội dung cuộc họp; - Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử); <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có đề xuất bổ sung nội dung chương trình làm việc tại Đại hội, đề xuất này phải gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp và phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 17 Điều lệ Công ty. Sau khi xem xét các kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định:</p>	<p>Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội</p> <p>Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành Đại hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp và nội dung cuộc họp; - Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban kiểm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử); <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm (05)% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có đề xuất bổ sung nội dung chương trình làm việc tại Đại hội, đề xuất này phải gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp và phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công ty. Sau khi xem xét các kiến nghị,</p>	<p>Điều chỉnh theo nội dung Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. Việc Hội đồng quản trị từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị. - Đưa các kiến nghị hợp lệ vào các nội dung riêng biệt trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Hội đồng quản trị sẽ quyết định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. Việc Hội đồng quản trị từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị. - Đưa các kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. 	
8	Khoản 3 Điều 4	<p>Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội</p> <p>a. Danh sách này phải được lập trong vòng ba mươi (30) ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông. Các thông tin cơ bản về cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên; - Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; - Số lượng cổ phần từng loại; - Số và ngày đăng ký cổ đông; - Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có. <p>b. Công ty phải công bố thông tin về việc</p>	<p>Chuẩn bị Danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội</p> <p>a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông ược lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông. Các thông tin cơ bản về cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Họ và tên; - Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; - Số lượng cổ phần từng loại; - Số và ngày đăng ký cổ đông; 	Điều chỉnh theo nội dung Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

		<p>chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu năm (05) ngày trước ngày chốt danh sách.</p> <p>Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội phải được gửi tới UBCKNN, TTLKCK, SGDCK chậm nhất mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách.</p>	<p>- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.</p> <p>b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội phải được gửi tới UBCKNN, TTLKCK, SGDCK chậm nhất mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách.</p>	
9	Khoản 4 Điều 4	<p>Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Sau khi chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể như sau:</p> <p>a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu liên quan (như Giấy xác nhận tham dự Đại hội, mẫu Giấy ủy quyền tham dự Đại hội...) phải được gửi bằng phương thức bảo đảm cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tại Danh sách cổ đông đã chốt khi triệu tập.</p> <p>b. Thông tin họp và toàn bộ tài liệu liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin hợp pháp của UBCKNN, SGDCK và trang thông tin điện tử (website) của Công ty chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc</p>	<p>Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp</p> <p>Sau khi chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp Đại hội cổ đông thường niên, cụ thể như sau:</p> <p>a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>Thông báo họp Đại hội cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGDCK;</p> <p>b. Các tài liệu liên quan đến Đại hội được</p>	Điều chỉnh theo nội dung Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

		<p>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo họp và tài liệu kèm theo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư);</p> <p>c. Thông tin cơ bản trong thông báo mời họp: Tên và địa chỉ Công ty; thời gian và địa điểm họp; tên và địa chỉ thường trú của cổ đông; nội dung chương trình nghị sự; thông tin về thời gian và địa điểm mà cổ đông có thể nhận được tài liệu họp; bộ phận tiếp nhận thông báo của cổ đông về việc đăng ký dự họp.</p> <p>d. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>đính kèm Thư mời họp để gửi tới các cổ đông và đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong Đại hội; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; - Phiếu biểu quyết; - Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <p>Tài liệu họp phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội.</p>	
10	Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội	Chưa quy định	Bổ sung thêm nội dung này	Theo nhu cầu quản trị của công ty
11	Điều 6	Tiêu đề: Tổ chức họp Đại hội cổ đông thường niên	Tiêu đề: Tổ chức họp Đại hội cổ đông	Điều chỉnh lại nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
12	Khoản 1 Điều 6	Đại diện lãnh đạo Công ty điều khiển việc chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Nội quy Đại hội.	Đại hội tiến hành chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Nội quy Đại hội.	Một số trường ĐHCĐ được triệu tập bởi cổ đông của công ty
13	Khoản 2 Điều 6	Sử dụng thuật ngữ Ban kiểm tra tư cách cổ đông	Sử dụng thuật ngữ Ban thẩm tra tư cách cổ đông	Thay đổi thuật ngữ do nhu cầu quản trị của công ty

14	Khoản 3 Điều 6	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người được chọn là người có phiếu bầu cao nhất.</p>	<p>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>Điều chỉnh theo khoản 4 Điều 31 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung</p>
15	Điểm b khoản 6 Điều 6	<p>Một số nội dung cơ bản trong chương trình nghị sự: Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và phương hướng kinh doanh năm kế tiếp, Báo cáo tài chính trong năm đã được kiểm toán, Tờ trình phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức trong năm tài chính, Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Danh sách công ty kiểm toán dự định lựa chọn cho năm kế tiếp;</p>	<p>Các nội dung cơ bản phải được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và phương hướng kinh doanh năm kế tiếp; - Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị; - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát; - Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán; - Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đề xuất thù lao cho năm tài chính mới. - Đề xuất phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức; - Danh sách công ty kiểm toán dự định lựa chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm tài chính mới 	<p>Bổ sung nội dung do nhu cầu quản trị của công ty</p>

			Ngoài các nội dung cơ bản nêu trên, Đại hội sẽ thảo luận các nội dung khác trong danh sách chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.	
16	Điểm b khoản 7 Điều 6	Các cán bộ quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa;	Người điều hành, người quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa;	Không sử dụng thuật ngữ cán bộ quản lý
17	Khoản 8 Điều 6	Biểu quyết a. Mỗi cổ đông được cấp một thẻ biểu quyết, trong đó ghi mã số tham dự, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền) của cổ đông và có đóng dấu treo của Công ty; b. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết công khai, hình thức biểu quyết dưới dạng giơ thẻ biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa; c. Tỷ lệ biểu quyết đạt được quy định tại Điều lệ Công ty.	Cách thức bỏ phiếu a.Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Đại hội để biểu quyết, bỏ phiếu đối với từng nội dung được thảo luận tại Đại hội; Trên thẻ biểu quyết, phiếu bầu phải có các thông tin cơ bản sau: mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền), danh sách ứng viên cần bầu (đối với phiếu bầu) và được đóng dấu treo của Công ty. b.Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai theo sự điều khiển của Chủ tọa; Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua tại ngày họp; c.Tỷ lệ phiếu tán thành cần thiết để thông qua mỗi nội dung được thảo luận tại Đại hội tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty.	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị của công ty

18	Cách thức kiểm phiếu	Chưa quy định	<p>a. Ban kiểm phiếu xác định số lượng thẻ biểu quyết tán thành, thẻ biểu quyết phản đối, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định;</p> <p>b. Căn cứ số lượng cổ đông tham gia, thời gian thực hiện, Ban kiểm phiếu thực xác định số lượng thẻ biểu quyết bằng hình thức linh hoạt, phù hợp;</p> <p>c. Đối với kỳ Đại hội có hoạt động bầu cử, nội dung bầu cử phải được tiến hành trước thời điểm biểu quyết thông qua từng nội dung thảo luận tại Đại hội để trong thời gian Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội tiếp tục thảo luận các nội dung khác.</p>	Bổ sung do nhu cầu quản trị của công ty
19	Thông báo kết quả kiểm phiếu	Chưa quy định	<p>Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Quy định này không áp dụng cho việc thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	Bổ sung do nhu cầu quản trị của công ty
20	Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Chưa quy định	<p>a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình;</p> <p>b. Yêu cầu của cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu</p>	Bổ sung do nhu cầu quản trị của công ty

			<p>Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định trên;</p> <p>c. Công ty có trách nhiệm phải mua lại số cổ phần nêu trên. Thẩm quyền quyết định việc mua lại cổ phần của cổ đông trong trường hợp này tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về mua cổ phiếu quỹ;</p> <p>d. Giá trị cổ phần được mua lại được xác định theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;</p> <p>e. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.</p>	
21	Điều c khoản 9 Điều 6	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty, gửi đến UBCKNN và SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm	Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (và Biên bản kiểm phiếu nếu có thủ tục bầu cử) phải được công bố trên website của Công ty, gửi đến UBCKNN và SGDCK trong thời hạn hai	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty

		(15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc;	mười bốn (24) giờ.	
22	Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	Chưa quy định	a.Đại diện Ban Thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội; b.Chủ tọa điều hành Đại hội xem xét, bổ sung nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận; c.Chủ tọa điều hành Đại hội thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội.	Bổ sung nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
23	Điều 7	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 1. Báo cáo của Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: a. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính; b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị; c. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác; d. Các kế hoạch trong tương lai. 2. Báo cáo của Ban kiểm soát Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải tối thiểu có các nội dung sau:	Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát 1.Báo cáo của Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau: a.Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; b.Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng; c.Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;	Áp dụng Điều 9 và 10 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

		<p>a. Kết quả hoạt động giám sát trong phạm vi chức năng, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;</p> <p>c. Các kế hoạch trong tương lai.</p>	<p>d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>g. Các kế hoạch trong tương lai.</p> <p>Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.</p> <p>2. Báo cáo của Ban kiểm soát</p> <p>Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:</p> <p>a. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;</p> <p>b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</p> <p>c. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác;</p> <p>f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động</p>	
--	--	--	--	--

			<p>giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.</p> <p>Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.</p>	
24	Điều 8	<p>Đại hội cổ đông bất thường</p> <p>1. Các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường được quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Chuẩn bị họp Đại hội cổ đông bất thường</p> <p>a. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Trường Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; - Chủ thể yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không có quyền 	<p>Đại hội cổ đông bất thường</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trách nhiệm triệu tập Đại hội cổ đông bất thường của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty</p> <p>a. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty;</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;</p> <p>c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này; - Chủ thể yêu cầu triệu tập họp Đại hội 	<p>Điều chỉnh lại nội dung do nhu cầu quản trị của công ty</p>

	<p>này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý về đầu tư giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty; - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông; - Lý do triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thời gian và địa điểm họp; - Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp; <p>* Kèm theo văn bản đề nghị trên là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; - Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình họp và các tài liệu phục vụ 	<p>đồng cổ đông bất thường không có quyền này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;</p> <p>3. Quyền triệu tập Đại hội cổ đông bất thường của cổ đông Công ty</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; - Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty có trách nhiệm triệu tập Đại hội cổ đông bất thường nhưng đã không thực hiện. <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do</p>	
--	---	---	--

		<p>họp</p> <p>e. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;</p> <p>Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty; - Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; - Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông; - Lý do triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thời gian và địa điểm họp; - Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp; <p>* Kèm theo văn bản đề nghị trên là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông; - Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; - Chương trình họp và các tài liệu phục vụ họp <p>c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>4. Người triệu tập Đại hội cổ đông bất thường phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp; b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông; c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp; d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp; e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; f. Xác định thời gian và địa điểm họp; g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này; h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp. <p>5. Trình tự, thủ tục tổ chức và thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông bất thường thực hiện như Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.</p>	
25	Điều 10	Tiêu đề: Thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Tiêu đề: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung thêm nội dung thẩm quyền
26	Khoản 2 Điều 10	Trong trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản, Hội đồng quản trị sẽ công bố văn bản hướng dẫn biểu quyết	Thông báo về lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị	Việc CBTT nội dung này không chỉ dừng ở website công ty nên

		bằng văn bản. Công ty sẽ công bố văn bản này trên website của Công ty và cung cấp miễn phí cho cổ đông khi có yêu cầu	công ty niêm yết.	điều chỉnh lại nội dung để có tính bao quát hơn.
27	Khoản 4 và 5 Điều 10	<p>4.Hội đồng quản trị sẽ chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>5. Nội dung, hình thức phiếu lấy kiến cũng như công tác kiểm phiếu do Hội đồng quản trị chuẩn bị theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>a.Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b.Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty;</p> <p>c.Nội dung phiếu lấy ý kiến được quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty;</p> <p>d.Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e.Phương thức gửi lại Phiếu lấy kiến,</p>	Điều chỉnh theo nội dung Điều lệ sửa đổi, bổ sung

			cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 33 Điều lệ Công ty.	
28	Khoản 2 Điều 11	<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị</p> <p>a. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban phụ trách các lĩnh vực cụ thể theo nghị quyết của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm.</p> <p>b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập</p>	<p>Cơ cấu Hội đồng quản trị</p> <p>a.Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên;</p> <p>b.Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.</p>	Điều chỉnh nội dung theo Điều 37 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
29	Khoản 5 Điều 12	Tiêu chuẩn ứng cử viên Hội đồng quản trị được đánh giá dựa trên các tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.	<p>Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được tách thành một Điều khoản riêng có nội dung như sau:</p> <p>1.Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a.Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b.Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.</p> <p>c.Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</p>	Điều chỉnh nội dung theo Điều 41 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý.

2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

a. Là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm một trong các lĩnh vực: tài chính, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh;

b. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty do Công ty

			<p>nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;</p> <p>e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;</p> <p>g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành</p>	
--	--	--	--	--

			viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.	
30	Khoản 1 Điều 13	Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên phải được công bố công khai, rõ ràng tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên phải được công bố công khai, rõ ràng tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	Điều chỉnh theo khoản 1 Điều 36 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
31	Khoản 3 Điều 13	Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị a.Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. b.Cá nhân có quyền ứng cử thành viên Hội đồng quản trị khi đáp ứng tiêu chuẩn	Nêu rõ tiêu chuẩn đề cử, ứng cử

			của Công ty.	
32	Khoản 4 Điều 12	Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên theo quy định tại Điều lệ và các quy chế khác của Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo cơ chế được công bố tại Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi tiến hành đề cử. Cơ chế đề cử phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau: a. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội cổ đông; b. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này; c. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội; d. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b, c cho mỗi cá nhân tối đa là 10 phút.	Nêu rõ cơ chế đề cử ứng viên tại Đại hội
33	Khoản 2,3 và 5 Điều 13	2. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau: a. Năng lực hành vi dân sự hạn chế; b. Sức khỏe không đảm bảo; c. Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền; d. Lý do khác được cấp có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm chấp thuận.	Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;	Điều chỉnh lại nội dung theo khoản 3 Điều 37 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

	<p>e. Thành viên đó bị miễn nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Vi phạm một trong những tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định theo pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và Quy chế này;</p> <p>b. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>c. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết, phù hợp với pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Cá nhân đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị được xác định trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Cá nhân được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là đã chết.</p> <p>b. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tư cách pháp nhân của tổ chức đó chấm dứt;</p> <p>c. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tư cách làm người đại diện chấm dứt;</p>	<p>b. Có đơn từ chức;</p> <p>c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;</p> <p>e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;</p> <p>h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.</p>	
--	---	--	--

		d. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.		
34	Khoản 7 Điều 13	<p>Việc thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên mới để thay thế chỗ trống phát sinh và phải được chấp thuận tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>Việc thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>a. Việc bầu bổ sung/thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thực hiện tại Đại hội cổ đông gần nhất;</p> <p>b. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.</p>	Điều chỉnh theo Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
35	Khoản 3 Điều 15	<p>Cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	Điều chỉnh theo khoản 8 Điều 42 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

36	Khoản 7 Điều 15	Chưa quy định về hiệu lực của các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại	Bổ sung nội dung này như sau: Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.	Điều chỉnh nội dung theo điểm b khoản 9 Điều 42 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
37	Khoản 8 Điều 15	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp có thể gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác nhưng phải đảm bảo đến đúng địa chỉ đã đăng ký với công ty của từng thành viên Hội đồng quản trị.	Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.	Điều chỉnh nội dung theo khoản 7 Điều 42 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
38	Khoản 1,2 và 3 Điều 16	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua nội dung tài liệu cuộc họp do Bộ máy giúp	1.Điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị a.Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa	Điều chỉnh nội dung theo nhu cầu quản trị

		<p>việc chuẩn bị để gửi đến các thành viên dự họp.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm điều hành cuộc họp theo nguyên tắc dân chủ, khách quan và tuân thủ các quy định nêu tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.</p> <p>3. Chủ tọa phiên họp là Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền trình bày Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các công việc khác; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề đang được xem xét tại phiên họp. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay.</p>	<p>điều hành các cuộc họp của Hội đồng quản trị.</p> <p>b. Trong trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị điều hành cuộc họp.</p> <p>c. Trong trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ và cũng không có văn bản ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị bầu một thành viên thực hiện vai trò điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tọa thông qua nội dung tài liệu cuộc họp đã gửi đến các thành viên dự họp và yêu cầu các cá nhân đã được phân công nhiệm vụ thực hiện báo cáo các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp.</p> <p>3. Cách thức biểu quyết</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không</p>	<p>của công ty</p>
--	--	---	---	--------------------

			<p>được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c.Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d.Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 56 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>e.Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	
39	Khoản 5 Điều 16	Biên bản cuộc họp phải gửi bản sao cho các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ sau khi kết thúc cuộc họp.	Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chuyển cho các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.	Điều chỉnh nội dung theo khoản 15 Điều 42 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
40	Khoản 6 Điều 16	Tất cả biên bản phải được lưu vào Sổ	Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài	Điều chỉnh nội dung

		biên bản của Công ty theo quy định tại khoản 2 Điều 113 Luật Doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chịu trách nhiệm lưu Sổ biên bản hoặc ủy quyền cho Bộ phận giúp việc thực hiện.	liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty. Hội đồng quản trị phân công bộ phận chịu trách nhiệm lưu giữ Biên bản.	theo khoản 2 Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
41	Ngôn ngữ trong Biên bản	Chưa quy định	Trong trường hợp cần phải lập biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nếu có sự khác nhau về nội dung biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.	Điều chỉnh nội dung theo khoản 3 Điều 43 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung
42	Điều 17	<p>Thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>Việc biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được quy định tại các Khoản 9, 11 và 12 Điều 27 Điều lệ Công ty theo nguyên tắc đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%) biểu quyết thông qua, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p>Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị:</p> <p>1.Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành Nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2.Thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoàn thiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên khác trong Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền) ký duyệt.</p> <p>3.Hội đồng quản trị phân công bộ phận chịu trách nhiệm lưu giữ bản gốc và bản sao các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.</p> <p>4.Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi tới các thành viên và cá nhân có liên quan.</p>	Điều chỉnh do nhu cầu quản trị của công ty

			5. Việc công bố toàn phần hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.	
43	Khoản 2 Điều 18	Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (E-mail). Thư ký công ty cần lưu giữ bằng chứng xác nhận đã gửi hồ sơ lấy ý kiến đến từng thành viên Hội đồng quản trị.	Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (E-mail).	Bỏ chức danh Thư ký Công ty, HĐQT sẽ phân công lại nhiệm vụ này
44	Khoản 3 Điều 18	Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty; mục đích lấy ý kiến; họ tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến.	Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên Công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến; các tài liệu giải trình có liên quan.	Họ tên và địa chỉ liên lạc của thành viên sẽ không ghi trong phiếu lấy ý kiến. Thay vào đó, phiếu lấy ý kiến cần có các tài liệu giải trình để thành viên HĐQT nắm được đầy đủ nội dung xin ý kiến
45	Điều 19 và Điều 20	Điều 19. Các tiểu ban của HĐQT Hội đồng quản trị có thể thành lập các Tiểu ban trực thuộc để giúp việc hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.	Đưa vào chung một điều khoản có nội dung như sau: 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. 2. Cơ cấu của tiểu ban	Điều 17 Nghị định 71/2017/NĐ-CP Điều 44 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

		<p>Điều 20. Trình tự thành lập và hoạt động của các tiểu ban</p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định phương thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban, quy chế hoạt động của Tiểu ban tùy vào thời điểm do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>2. Thành phần, nhiệm vụ cụ thể của từng Tiểu ban được quy định chi tiết trong các quyết định thành lập.</p>	<p>a. Tối thiểu 03 thành viên;</p> <p>b. Gồm các thành viên ngoài Hội đồng quản trị và thành viên ngoài Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban;</p> <p>3. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban</p> <p>a. Cá nhân không phải là thành viên Hội đồng quản trị được giới thiệu làm thành viên tiểu ban phải được đào tạo chuyên môn và đang thực hiện công tác liên quan đến công việc tiểu ban phải thực hiện;</p> <p>b. Trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</p> <p>c. Trưởng ban các tiểu ban khác có thể là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;</p> <p>d. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Hoạt động của tiểu ban</p> <p>a. Nhiệm vụ, nội dung, giới hạn thẩm quyền hoạt động của tiểu ban được ghi trong Quyết định thành lập;</p> <p>b. Tiểu ban hoạt động dưới sự chỉ đạo của trưởng tiểu ban;</p> <p>c. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và</p>	
--	--	--	---	--

			<p>biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d.Định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, trưởng ban có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc đang thực hiện;</p> <p>e.Chi phí hoạt động của tiểu ban được xác định là chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
46	Ban kiểm soát	Chưa quy định	<p>Xây dựng Chương IV-Ban kiểm soát gồm các nội dung sau:</p> <p>Điều 21. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</p> <p>Điều 22. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên</p> <p>Điều 23. Cách thức bầu Kiểm soát viên</p> <p>Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Điều 25. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát</p>	Bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 95/2017/TT-BTC
47	Khoản 1 Điều 21	Ban điều hành Công ty bao gồm: một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc. Các chức danh này do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	Ban điều hành Công ty bao gồm: một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng . Các chức danh này do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	Bổ sung như phần giải thích từ ngữ tại Điều 1
48	Khoản 1 Điều 22	<p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông hoặc cá nhân khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc ngành nghề kinh doanh của Công ty;</p> <p>c. Không là thành viên Ban kiểm soát Công ty; nhưng có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>d. Không có quan hệ vợ hoặc chồng, cha,</p>	<p>a.Là cư dân thường trú tại Việt Nam;</p> <p>b.Có đủ năng lực hành vi dân sự;</p> <p>c.Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;</p> <p>d.Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt,</p>	Điều chỉnh nội dung theo Điều 50 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

	<p>cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, bố mẹ vợ/chồng đối với người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này;</p> <p>e. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; - Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác; - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo 	<p>trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;</p> <p>e. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;</p> <p>f. Không là thành viên Ban kiểm soát Công ty, nhưng có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;</p> <p>g. Không có quan hệ vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, bố mẹ vợ/chồng đối với người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này;</p> <p>h. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp; - Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của 	
--	--	--	--

	<p>quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.</p> <p>f. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật phá sản hiện hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước; - Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà có ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật phá sản hiện hành thì không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản; - Không xem xét các tiêu chuẩn trên trong trường hợp doanh nghiệp mà cá nhân đó quản lý bị phá sản vì lý do bất khả kháng. <p>g. Không đồng thời làm Tổng Giám đốc/Giám đốc của doanh nghiệp khác;</p> <p>h. Có trình độ chuyên môn bậc đại học trở lên và các kỹ năng tổ chức quản lý;</p> <p>i. Có kinh nghiệm trong công tác quản lý phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của Công ty; khuyến khích các cá nhân có kiến thức chính trị, pháp lý, xã hội, xu hướng thị trường;</p>	<p>Nhà nước tại doanh nghiệp khác;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. <p>i. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật phá sản hiện hành, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước; - Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà có ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật phá sản hiện hành thì không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản; - Không xem xét các tiêu chuẩn trên trong trường hợp doanh nghiệp mà cá nhân đó quản lý bị phá sản vì lý do bất khả kháng. 	
--	--	---	--

		<p>k. Ưu tiên các cá nhân đã có thành tích tốt trong công tác quản lý, điều hành;</p> <p>l. Có khả năng giao tiếp, đối nội – đối ngoại tốt; đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác trong nhiệm kỳ;</p> <p>m. Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị.</p>	<p>j. Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị khác ngoài Công ty;</p> <p>k. Ưu tiên các cá nhân đã có thành tích tốt trong công tác quản lý, điều hành;</p> <p>l. Trường hợp Công ty là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Tổng giám đốc không được là vợ/chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý doanh nghiệp đó và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty;</p> <p>p. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</p>	
49	Khoản 2 Điều 22	<p>Các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Phó Tổng Giám đốc do Tổng Giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định. Nhưng phải đảm bảo làm rõ một số nội dung cơ bản sau:</p> <p>a. Tuổi và học vấn của ứng viên;</p> <p>b. Các vị trí mà ứng viên đã từng đảm nhận trong năm (05) năm gần đây;</p> <p>c. Các vị trí mà ứng viên đang đảm nhiệm tại thời điểm giới thiệu;</p> <p>d. Mọi quan hệ giữa ứng viên với Công ty và các thành viên trong cấp có thẩm quyền bổ nhiệm;</p> <p>e. Mọi quan hệ của ứng viên đối với các đối tác lớn, cổ đông lớn của Công ty;</p> <p>f. Việc từ chối không cung cấp thông tin</p>	<p>Các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.</p>	<p>Điều chỉnh do nhu cầu quản trị của công ty</p>

		<p>của ứng viên (nếu có); Việc lựa chọn ứng viên phải đảm bảo sự phù hợp về mặt chuyên môn, đề cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo sức khỏe để thực hiện công tác trong nhiệm kỳ.</p>		
50	Khoản 3 Điều 22	<p>a. Kế toán trưởng là cán bộ nhân viên Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; - Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ nguyên tắc, chính sách, chế độ kinh tế, tài chính và pháp luật của Nhà nước; - Phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ đại học trở lên; - Tuổi bổ nhiệm lần đầu dưới 55 đối với nam, dưới 50 đối với nữ. Trường hợp đặc biệt có thể xem xét về tuổi và phải được sự nhất trí thông qua của Hội đồng quản trị; - Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm kinh nghiệm thực tế; - Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành; - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán; <p>b. Kế toán trưởng được thuê ngoài Công ty.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là người đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; 	<p>a.Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; b.Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ nguyên tắc, chính sách, chế độ kinh tế, tài chính và pháp luật của Nhà nước; c.Phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ đại học trở lên; d.Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là năm (05) năm kinh nghiệm thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; e.Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành; f.Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán; g.Làm việc tại doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc có đăng ký hành nghề kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật (áp dụng với trường hợp thuê kế toán trưởng); h.Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.</p>	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty

		<ul style="list-style-type: none"> - Có Chứng chỉ hành nghề kế toán theo quy định của Luật Kế toán hoặc Chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Chính phủ về Kiểm toán độc lập; - Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của Bộ Tài chính; - Có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc có đăng ký hành nghề kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; - Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán theo quy định của Luật Kế toán. 		
51	Khoản 2 Điều 23	<p>Miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức</p> <p>a. Hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực hành vi dân sự hạn chế; - Sức khỏe không đảm bảo; - Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền; - Các lý do khác được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chấp thuận. <p>b. Hội đồng quản trị quyết định bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao; không đủ năng lực, uy tín mà theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế; - Có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ và 	<p>Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a.Mất năng lực hành vi dân sự, chết; b.Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; c.Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; d.Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; <p>Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a.Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b.Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy chế này; c.Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý 	Điều chỉnh nội dung theo Điều 50 Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

		<p>các quy định khác của Công ty; - Các lý do khác gắn với yếu tố chủ quan, là lỗi do cá nhân đó gây nên.</p>	<p>do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày; d.Theo quyết định của Hội đồng quản trị; e.Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty; f.Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản; g.Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ Công ty; h.Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.</p>	
52	Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.	Được quy định tại Điều 23	<p>Được tách thành 3 Điều riêng biệt. Điều 28.Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc Điều 29.Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Điều 30.Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng</p>	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
53	Điểm c khoản 1	Điểm c khoản 1 Điều 23	Điều 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm,	Điều chỉnh nội dung do

	Điều 23 và khoản 5 Điều 23	<p>Trình tự, thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty được quy định tại Mục A Phụ lục của Quy chế quản trị Công ty.</p> <p>Khoản 5 Điều 23 Trình tự, thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấp thuận từ chức đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được quy định tại mục B Phụ lục Quy chế quản trị Công ty.</p>	<p>miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng</p> <p>Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với thành viên Ban điều hành trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và ban hành.</p>	nhu cầu quản trị của công ty
54	Khoản 2 Điều 23	<p>a. Hội đồng quản trị quyết định miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực hành vi dân sự hạn chế; - Sức khỏe không đảm bảo; - Do nhu cầu công việc theo quyết định của cấp có thẩm quyền; - Các lý do khác được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chấp thuận. <p>b. Hội đồng quản trị quyết định bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không hoàn thành nhiệm vụ được giao; không đủ năng lực, uy tín mà theo yêu cầu nhiệm vụ công tác cần phải thay thế; - Có hành vi vi phạm pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Công ty; - Các lý do khác gắn với yếu tố chủ quan, là lỗi do cá nhân đó gây nên. 	<p>Khoản 3 Điều 28.Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a.Mất năng lực hành vi dân sự, chết; b.Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ; c.Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam; d.Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động; <p>Khoản 4 Điều 28.Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a.Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; b.Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy chế này; c.Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng 	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty và theo Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung

thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;

d.Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e.Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty;

f.Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

g.Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ Công ty;

h.Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Khoản 4 Điều 29. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a.Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b.Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

Khoản 5 Điều 29. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a.Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b.Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27

			<p>Quy chế này;</p> <p>c.Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;</p> <p>d.Theo quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>e.Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ được giao hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;</p> <p>f.Sai phạm trong điều hành mà lý do không được Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>g.Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các lý do khác theo quy định của Công ty;</p> <p>h.Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	
55	Khoản 1 Điều 25	Quy định chi tiết 16 nội dung về nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc	<p>Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 49 Điều lệ Công ty.</p> <p><i>(Không quy định chi tiết các nội dung về nhiệm vụ quyền hạn của Tổng giám đốc)</i></p>	Nội dung đã được quy định chi tiết tại Điều lệ, Quy chế quản trị không mở rộng hay bổ sung thêm.
56	Khoản 3 Điều 29	Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị khi có yêu cầu.	<p>Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:</p> <p>a.Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản</p>	Bổ sung nội dung do nhu cầu quản trị của công ty

			<p>tri;</p> <p>b.Tiền độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;</p> <p>c.Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;</p> <p>d.Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).</p>	
57	Khoản 6 Điều 29	Báo cáo Hội đồng quản trị về nội dung Bản dự toán hàng năm (gồm bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến).	Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
58	Nội dung xin ý kiến HĐQT của TGD	Chưa quy định	<p>Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải có Tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:</p> <p>a.Nội dung cần xin ý kiến;</p> <p>b.Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;</p> <p>c.Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.</p>	Bổ sung nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
59	Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch đặc biệt	Chưa quy định	<p>1.Các giao dịch, hợp đồng có giá trị nhỏ hơn nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương và phê duyệt nội dung hợp đồng:</p> <p>a.Giao dịch giữa Công ty với thành viên</p>	Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014

		<p>Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;</p> <p>b. Giao dịch giữa Công ty và công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng có cổ phần, vốn góp;</p> <p>c. Giao dịch giữa Công ty và người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;</p> <p>d. Giao dịch giữa Công ty và công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty giữ vai trò quản lý;</p> <p>e. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải báo cáo Hội đồng quản trị về đề xuất thực hiện hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này và kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.</p> <p>3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan với các hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều này được</p>	
--	--	---	--

			phép tham gia thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết. 4. Việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch này phải được công bố thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo UBCKNN, SGDCK.	
60	Khoản 3 Điều 32	Phòng Tổ chức nhân sự kết hợp với Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.	Phòng Tổ chức Tiền lương, Người phụ trách quản trị Công ty, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.	1.Do Cảng Hải Phòng sắp xếp lại khối phòng nghiệp vụ nên cần điều chỉnh tên phòng cho phù hợp. 2.Chức danh Thư ký Công ty không còn, nhiệm vụ này được chuyển cho Người phụ trách quản trị công ty và tiểu ban giúp việc.
61	Điểm c khoản 4 Điều 33	Bãi nhiệm là việc cá nhân không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ khi có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty;	Việc áp dụng hình thức bãi nhiệm đối với người quản lý, người điều hành doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty
62	Điểm d khoản 4 Điều 33 và khoản 5 Điều 33	Điểm d khoản 4. Cách chức là việc cá nhân không được tiếp giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm khi có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quy định của Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty. Khoản 5. Miễn nhiệm Miễn nhiệm là việc cá nhân được	Bỏ nội dung này	Điều chỉnh nội dung do nhu cầu quản trị của công ty

		thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm vì những lý do khách quan, không do lỗi của cá nhân. Miễn nhiệm không bị coi là hình thức xử lý kỷ luật.		
63	Người phụ trách quản trị công ty	Chưa quy định	Bổ sung nội dung này	Bổ sung theo quy định tại Điều lệ công ty
64	Áp dụng CNTT trong việc bảo đảm thực hiện quyền của cổ đông	Chưa quy định	Áp dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông 1. Công ty có thể áp dụng chương trình bỏ phiếu điện tử do các đơn vị tư vấn có uy tín cung cấp để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông. 2. Cách thức bỏ phiếu điện tử phải được xây dựng thành Quy chế riêng và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi thực hiện.	Bổ sung theo hướng dẫn tại Thông tư 95/2017/TT-BTC
65	Khoản 1 Điều 38	Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty.	Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.	Áp dụng quy định tại Điều 7 Nghị định 71/2017/NĐ-CP

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG HẢI PHÒNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHP của Hội đồng quản trị Công ty cổ
phần Cảng Hải Phòng ngày tháng 6 năm 2018)*

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	4
NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh	4
CHƯƠNG II	4
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	4
Điều 3. Cổ đông	4
Điều 4. Triệu tập cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 6. Tổ chức họp Đại hội cổ đông	7
Điều 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	11
Điều 8. Đại hội cổ đông bất thường	12
Điều 9. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	14
CHƯƠNG III	15
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	15
Điều 11. Thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	15
Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	16
Điều 14. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	17
Điều 15. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị	18
Điều 16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị	19
Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị	20
Điều 18. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	22
Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	22
Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	23
CHƯƠNG IV	23
BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY	23
Điều 21. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	23
Điều 22. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên	24
Điều 23. Cách thức bầu Kiểm soát viên	24
Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	24
Điều 25. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát	25
CHƯƠNG V	25
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY	25
Điều 26. Ban điều hành Công ty	25

Điều 27. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	25
Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc	27
Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng	28
Điều 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng	30
Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	30
Điều 32. Công bố thông tin về người điều hành của Công ty	31
CHƯƠNG VI	31
QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	31
Điều 33. Nguyên tắc phối hợp công tác	31
Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, tiến hành cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	31
Điều 35. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc	32
Điều 36. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc	32
Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	33
Điều 38. Phối hợp khác	34
Điều 39. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch đặc biệt	34
CHƯƠNG VII	35
QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY	35
Điều 40. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty	35
Điều 41. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật	35
Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị	36
Điều 43. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát	36
Điều 44. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng	37
Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại	37
CHƯƠNG VIII	37
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY	37
Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty	38

Điều 47. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty	38
Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty	38
CHƯƠNG IX	38
ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN	
QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG	38
Điều 49. Áp dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông	38
CHƯƠNG X	39
THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ	39
Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	39
Điều 51. Hiệu lực	39

CHƯƠNG I NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:
 - a. “Công ty” có nghĩa là Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - b. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua và chấp thuận ban hành;
 - c. “Đại hội đồng cổ đông” hoặc “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - d. “Hội đồng quản trị” hoặc “HĐQT” có nghĩa là Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - e. “Ban kiểm soát” hoặc “BKS” có nghĩa là Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - f. “Ban điều hành” bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;
 - g. UBCKNN có nghĩa là Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
 - h. SGDCK có nghĩa là Sở Giao dịch chứng khoán;
 - i. TTLTK có nghĩa là Trung tâm lưu ký chứng khoán;
2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị nội bộ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng để bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực đạo đức về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty.

CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 4. Triệu tập cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông

1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

a. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông ược lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội cổ đông. Các thông tin cơ bản về cổ đông:

- Họ và tên;
- Địa chỉ liên hệ, quốc tịch, số và ngày cấp giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức;

- Số lượng cổ phần từng loại;
- Số và ngày đăng ký cổ đông;
- Địa chỉ thư điện tử, số điện thoại nếu có.

b. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Thông báo về ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội phải được gửi tới UBCKNN, TTLKCK, SGDCK chậm nhất mười (10) ngày trước ngày chốt danh sách.

2. Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội

a. Hội đồng quản trị Công ty cần thống nhất một số nội dung sau trước khi tiến hành Đại hội:

- Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- Thành lập Tổ giúp việc, Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban thẩm tra tư cách cổ đông, Ban kiểm phiếu (nếu có nội dung bầu cử);

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười (10)% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có đề xuất bổ sung nội dung chương trình làm việc tại Đại hội, đề xuất này phải gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp và phải tuân thủ các điều kiện quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công ty. Sau khi xem xét các kiến nghị, Hội đồng quản trị sẽ quyết định:

- Từ chối kiến nghị của cổ đông nếu nội dung và thủ tục kiến nghị vi phạm pháp luật hiện hành và quy định của Công ty. Việc Hội đồng quản trị từ chối kiến nghị và lý do từ chối phải được thông báo hoặc gửi văn bản trả lời đến cổ đông đã đưa ra kiến nghị.

- Đưa các kiến nghị hợp lệ vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Chuẩn bị tài liệu cho Đại hội

a. Hội đồng quản trị thành lập Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông để tham mưu, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong công tác tổ chức Đại hội;

b. Tài liệu phục vụ Đại hội được tổng hợp trên cơ sở tài liệu do các phòng chuyên môn cung cấp dưới sự giám sát trực tiếp của Người phụ trách quản trị Công ty và Tổ trưởng Ban tổ chức giúp việc Đại hội đồng cổ đông;

c. Tài liệu phục vụ Đại hội phải là tài liệu đã được Hội đồng quản trị thông qua nội dung và chấp thuận phát hành, công bố;

d. Trong các trường hợp Đại hội không do Hội đồng quản trị triệu tập, Người triệu tập Đại hội có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cần thiết phục vụ cuộc họp. Công ty có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, hỗ trợ Người triệu tập Đại hội hoàn thiện tài liệu cuộc họp.

4. Xác định thời gian và địa điểm họp.

a. Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra một năm một lần. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Thời điểm tổ chức Đại hội cổ đông thường niên là trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính, có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu Cơ quan đăng ký kinh doanh chấp thuận đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty.

b. Hội đồng quản trị sẽ quyết định địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông căn cứ vào số lượng cổ đông, khách mời tham dự và điều kiện tài chính của Công ty.

5. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp

Sau khi chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự, Công ty gửi thông báo mời họp Đại hội cổ đông thường niên, cụ thể như sau:

a. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

Thông báo họp Đại hội cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, SGDCK;

b. Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đính kèm Thư mời họp để gửi tới các cổ đông và đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty, bao gồm các tài liệu cơ bản sau:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong Đại hội;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

- Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp phải được cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội.

c. Thông tin cơ bản trong thông báo mời họp: địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

d. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo mời tham dự Đại hội, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận tài liệu.

6. Khách mời tham dự cuộc họp (không phải là cổ đông của Công ty)

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Ngoài ra, Hội đồng quản trị có thể mời một số chủ thể khác không sở hữu cổ phần của Công ty tới tham dự cuộc họp nếu xét thấy cần thiết.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Thủ tục đăng ký cổ đông được thực hiện trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định, và phải thực hiện cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Vào ngày tổ chức Đại hội cổ đông, các đại biểu phải tiến hành đăng ký việc dự họp tại bàn đăng ký và người phụ trách việc Đăng ký phải có một bản danh sách Cổ đông có quyền dự họp để đối chiếu, theo dõi và điều chỉnh trong trường hợp có chuyển nhượng cổ phần, thừa kế;

2. Người đăng ký dự họp phải xuất trình Thông báo mời họp, Chứng minh thư/Thẻ căn cước/Hộ chiếu, giấy tờ chứng minh việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty, nhận thừa kế và giấy uỷ quyền (đối với người là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông);

3. Trường hợp, cổ đông có nhiều hơn một người là đại diện theo uỷ quyền tham dự cuộc họp thì trong Giấy uỷ quyền phải ghi rõ số cổ phần được quyền biểu quyết của từng người đại diện theo uỷ quyền;

4. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

5. Sau khi đăng ký dự họp, cổ đông/người được uỷ quyền được phát tài liệu họp và các tài liệu liên quan khác.

Điều 6. Tổ chức họp Đại hội cổ đông

1. Đại hội tiến hành chào cờ, khai mạc, giới thiệu đại biểu và thông qua Nội quy Đại hội.

2. Đại diện Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo trước Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông đủ điều kiện tham dự cuộc họp.

3. Đại hội thông qua Danh sách Đoàn chủ tịch.

Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

4. Đại hội thông qua Danh sách Ban Thư ký do Đoàn chủ tịch giới thiệu. Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và ủy viên. Thư ký đại hội phải thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực diễn biến nội dung buổi làm việc của Đại hội, những vấn đề đã được cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội;
- Dự thảo Biên bản, Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua;
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Đoàn chủ tịch.

5. Đại hội thông qua Danh sách Ban kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch giới thiệu. Số lượng thành viên Ban kiểm phiếu tối thiểu là ba (03) thành viên. Thành viên Ban kiểm phiếu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau đây:

a. Thành viên Ban kiểm phiếu không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty trong kỳ Đại hội;

b. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên;

c. Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử.

d. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm:

- Trình bày Quy chế bầu cử để Đại hội thông qua, danh sách đề cử và ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Hướng dẫn sử dụng phiếu bầu cử;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu và báo cáo về kết quả kiểm phiếu trước Đại hội một cách trung thực, chính xác. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này được đưa vào phụ lục của báo cáo;

6. Đại hội thông qua nội dung chương trình nghị sự

a. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trình bày nội dung chương trình họp tới các đại biểu. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc;

b. Các nội dung cơ bản phải được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty:

- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh trong năm tài chính và phương hướng kinh doanh năm kế tiếp;

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị;

- Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;

- Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán;

- Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và đề xuất thù lao cho năm tài chính mới.

- Đề xuất phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức;

- Danh sách công ty kiểm toán dự định lựa chọn để kiểm toán Báo cáo tài chính trong năm tài chính mới

Ngoài các nội dung cơ bản nêu trên, Đại hội sẽ thảo luận các nội dung khác trong danh sách chương trình làm việc đã được Đại hội thông qua.

c. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được kèm theo Thông báo mời họp;

d. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

7. Thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự

a. Các câu hỏi do cổ đông đặt ra cần được trả lời trực tiếp tại hội nghị. Trường hợp không thể trả lời trực tiếp tại hội nghị, Công ty cần có văn bản trả lời cổ đông sau cuộc họp;

b. Người điều hành, người quản lý của Công ty có trách nhiệm trả lời câu hỏi theo yêu cầu của cổ đông hoặc phân công nhiệm vụ của Chủ tọa;

c. Chủ tọa được phép ngắt lời người trình bày để đảm bảo trình tự hoặc tuân thủ đúng với các yêu cầu về thủ tục của cuộc họp.

8. Cách thức bỏ phiếu

a. Cổ đông sử dụng thẻ biểu quyết, phiếu bầu được phát khi thực hiện thủ tục đăng ký tham dự Đại hội để biểu quyết, bỏ phiếu đối với từng nội dung được thảo luận tại Đại hội;

Trên thẻ biểu quyết, phiếu bầu phải có các thông tin cơ bản sau: mã số cổ đông, số cổ phần được quyền biểu quyết (sở hữu và ủy quyền), danh sách ứng viên cần bầu (đối với phiếu bầu) và được đóng dấu treo của Công ty.

b. Đại hội sẽ tiến hành biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết công khai theo sự điều khiển của Chủ tọa;

Đối với việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bầu cử đã được Đại hội thông qua tại ngày họp;

c. Tỷ lệ phiếu tán thành cần thiết để thông qua mỗi nội dung được thảo luận tại Đại hội tuân thủ quy định tại Điều lệ Công ty.

9. Cách thức kiểm phiếu

a. Ban kiểm phiếu xác định số lượng thẻ biểu quyết tán thành, thẻ biểu quyết phản đối, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định;

b. Căn cứ số lượng cổ đông tham gia, thời gian thực hiện, Ban kiểm phiếu thực xác định số lượng thẻ biểu quyết bằng hình thức linh hoạt, phù hợp;

c. Đối với kỳ Đại hội có hoạt động bầu cử, nội dung bầu cử phải được tiến hành trước thời điểm biểu quyết thông qua từng nội dung thảo luận tại Đại hội để trong thời gian Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội tiếp tục thảo luận các nội dung khác.

10. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Quy định này không áp dụng cho việc thông báo kết quả kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

a. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình;

b. Yêu cầu của cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định trên;

c. Công ty có trách nhiệm phải mua lại số cổ phần nêu trên. Thẩm quyền quyết định việc mua lại cổ phần của cổ đông trong trường hợp này tuân thủ quy định pháp luật hiện hành về mua cổ phiếu quỹ;

d. Giá trị cổ phần được mua lại được xác định theo giá thị trường hoặc giá thỏa thuận giữa Công ty và cổ đông. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng;

e. Việc chuyển nhượng cổ phần ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

a. Trách nhiệm lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thuộc về Thư ký cuộc họp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác và hợp pháp của nội dung biên bản;

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải có chữ ký của Chủ tọa và Thư ký cuộc họp;

c. Biên bản và Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (và Biên bản kiểm phiếu nếu có thủ tục bầu cử) phải được công bố trên website của Công ty, gửi đến UBCKNN và SGDCK trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.

13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

a. Đại diện Ban Thư ký trình bày Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội;

b. Chủ tọa điều hành Đại hội xem xét, bổ sung nội dung Dự thảo Biên bản và Nghị quyết cuộc họp nhưng không trái với kết quả biểu quyết đối với từng nội dung đã được thảo luận;

c. Chủ tọa điều hành Đại hội thông qua nội dung Biên bản và Nghị quyết cuộc họp tại Đại hội.

14. Bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Chủ tọa Đại hội tuyên bố bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi Đại hội đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Tất cả các vấn đề trong chương trình họp đã được thảo luận và biểu quyết;

b. Kết quả biểu quyết đã được công bố;

c. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

Điều 7. Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

a. Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty; Thu nhập của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị;

e. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;

f. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

g. Các kế hoạch trong tương lai.

Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Báo cáo của Ban kiểm soát

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải có các nội dung sau:

- a. Báo cáo về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- c. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- d. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- e. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác;
- f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Ngoài các nội dung trên, Hội đồng quản trị Công ty có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết hoặc pháp luật có quy định khác.

Điều 8. Đại hội cổ đông bất thường

1. Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm triệu tập Đại hội cổ đông bất thường của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty

a. Trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường bao gồm thẩm quyền, thời gian triệu tập được quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty;

c. Hội đồng quản trị có quyền từ chối đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Yêu cầu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Chủ thể yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường không có quyền này theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

3. Quyền triệu tập Đại hội cổ đông bất thường của cổ đông Công ty

a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần mười (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền triệu tập Đại hội cổ đông bất thường khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác mà Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty có trách nhiệm triệu tập Đại hội cổ đông bất thường nhưng đã không thực hiện.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả các chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại;

Đề nghị phải lập bằng văn bản và gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên và địa chỉ trụ sở chính công ty;

- Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Danh sách cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, gồm họ và tên (đối với cá nhân), tên và địa chỉ trụ sở chính (đối với pháp nhân), số cổ phần phổ thông và tỷ lệ sở hữu, ngày và số đăng ký cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông;

- Lý do triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, thời gian và địa điểm họp;

- Chữ ký của tất cả cổ đông, nhóm cổ đông triệu tập họp;

* Kèm theo văn bản đề nghị trên là:

- Giấy yêu cầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;

- Giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chương trình họp và các tài liệu phục vụ họp

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

4. Người triệu tập Đại hội cổ đông bất thường phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

f. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

5. Trình tự, thủ tục tổ chức và thông qua các nội dung tại Đại hội cổ đông bất thường thực hiện như Đại hội cổ đông thường niên của Công ty.

Điều 9. Thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Công ty.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể được yêu cầu hủy bỏ theo quy định tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

3. Trong trường hợp việc yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông xảy ra tranh chấp, việc lựa chọn cơ quan giải quyết tranh chấp sẽ tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 10. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty được quy định tại Điều 33 Điều lệ Công ty.

2. Thông báo về lấy kiến cổ đông bằng văn bản và quy chế thực hiện phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết.

3. Việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể quyết định tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ngoại trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. Lập danh sách cổ đông cần lấy ý kiến bằng văn bản. Quy trình lập danh sách thực hiện như đối với công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công ty;

c. Nội dung phiếu lấy ý kiến được quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ Công ty;

d. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e. Phương thức gửi lại Phiếu lấy kiến, cách thức kiểm phiếu và công bố kết quả tuân thủ quy định tại khoản 5, 6, 7 và 8 Điều 33 Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa 9 người, do Đại hội cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định trong Điều lệ Công ty.
 - b. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị
 - a. Hội đồng quản trị bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên;
 - b. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị cần đảm bảo tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý.
2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị:
 - a. Là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm một trong các lĩnh vực: tài chính, đầu tư, phát triển nguồn nhân lực, phát triển kinh doanh;
 - b. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty;

e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó;

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác, trừ trường hợp là thành viên Hội đồng quản trị của các công ty có vốn góp của Công ty.

Điều 13. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên Hội đồng quản trị, thông tin liên quan đến các ứng viên phải được công bố công khai, rõ ràng tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc hình thức hợp pháp khác để các cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các thông tin cần phải công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ học vấn;

c. Trình độ chuyên môn;

d. Quá trình công tác;

e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);

- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3. Cách thức đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

a. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

b. Cá nhân có quyền ứng cử thành viên Hội đồng quản trị khi đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo cơ chế được công bố tại Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi tiến hành đề cử. Cơ chế đề cử phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

a. Ứng viên được Hội đồng quản trị đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội cổ đông;

b. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 13 Quy chế này;

c. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội;

d. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b, c cho mỗi cá nhân tối đa là 10 phút.

Điều 14. Bầu và bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nguyên tắc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Theo đó, việc bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử được xác định theo số phiếu từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số thành viên.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

- b. Có đơn từ chức;
- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được chấp thuận của Hội đồng quản trị;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- h. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty nữa.

3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty xin từ chức phải có văn bản trình bày.

4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được báo cáo và được chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông theo tỷ lệ quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Việc thay thế, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

a. Việc bầu bổ sung/thay thế thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được thực hiện tại Đại hội cổ đông gần nhất;

b. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty.

c. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày bãi nhiệm/miễn nhiệm.

6. Thành viên Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận miễn nhiệm/bãi nhiệm sẽ bị xem xét quy kết trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

7. Việc thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị của Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDC.

Điều 15. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị được xây dựng theo quý, theo các kỳ họp và hàng năm theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu công tác của Công ty.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của Hội đồng quản trị và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên Hội đồng quản trị phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau, các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ tối thiểu mỗi quý một lần. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp bất thường khi cần thiết như quy định tại các khoản 3, 4, và 5 Điều 42 Điều lệ Công ty.

3. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một phần hai (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại Trụ sở chính của Công ty. Hội đồng quản trị có thể họp tại những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định các nội dung cụ thể cần thông qua tại từng phiên họp Hội đồng quản trị, đối với các cuộc họp thường kỳ phải bao gồm các vấn đề cơ bản sau:

- a. Báo cáo công việc đã thực hiện giữa hai kỳ họp, kế hoạch công tác của Hội đồng quản trị trong kỳ tới;
- b. Báo cáo của Tổng giám đốc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của kỳ vừa qua, kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ tới;
- c. Trường ban kiểm soát báo cáo về việc kiểm tra, giám sát và cảnh báo với hoạt động của Công ty;
- d. Báo cáo của các Tiểu ban chuyên môn (nếu có).

6. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết. Thành viên dự họp không là thành viên Hội đồng quản trị có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên được mời dự họp đều được nhận thông báo mời họp và tài liệu kèm theo.

7. Hình thức cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

8. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 17. Trình tự tổ chức và tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa điều hành các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

b. Trong trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ điều hành cuộc họp, Chủ tịch ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác trong Hội đồng quản trị điều hành cuộc họp.

c. Trong trường hợp Chủ tịch không thể thực hiện nhiệm vụ và cũng không có văn bản ủy quyền, các thành viên Hội đồng quản trị bầu một thành viên thực hiện vai trò điều hành cuộc họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tọa thông qua nội dung tài liệu cuộc họp đã gửi đến các thành viên dự họp và yêu cầu các cá nhân đã được phân công nhiệm vụ thực hiện báo cáo các nội dung cần thảo luận tại cuộc họp.

3. Cách thức biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 56 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

4. Cách thức ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

a. Thư ký phiên họp phải lập biên bản cuộc họp phản ánh khách quan, trung thực diễn biến cuộc họp và kết luận của cuộc họp;

b. Các điều kiện về nội dung, hình thức của Biên bản họp tuân thủ quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty;

5. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được chuyển cho các thành viên và là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

6. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty. Hội đồng quản trị phân công bộ phận chịu trách nhiệm lưu giữ Biên bản.

7. Trong trường hợp cần phải lập biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài, nếu có sự khác nhau về nội dung biên bản thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Điều 18. Thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành Nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp (trên 50%). Trường hợp số phiếu ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thư ký cuộc họp Hội đồng quản trị có trách nhiệm hoàn thiện nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị trình Chủ tịch Hội đồng quản trị (hoặc thành viên khác trong Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền) ký duyệt.

3. Hội đồng quản trị phân công bộ phận chịu trách nhiệm lưu giữ bản gốc và bản sao các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Nghị quyết của Hội đồng quản trị phải được gửi tới các thành viên và cá nhân có liên quan.

5. Việc công bố toàn phần hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Hội đồng quản trị tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và gửi các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu gửi kèm phải được gửi tận tay hoặc bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc đã được đăng ký của từng thành viên Hội đồng quản trị. Hồ sơ lấy ý kiến có thể gửi đến thành viên Hội đồng quản trị bằng thư điện tử (E-mail).

3. Phiếu lấy ý kiến phải có nội dung chủ yếu sau đây: tên Công ty; mục đích lấy ý kiến; vấn đề cần lấy ý kiến; phương thức biểu quyết; thời hạn lấy ý kiến; các tài liệu giải trình có liên quan.

4. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản trị, bộ phận giúp việc Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm tập hợp kết quả phiếu xin ý kiến, tổng hợp nội dung và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Quyết định được thông qua bằng cách lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. Quyết định có hiệu lực nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên được

lấy ý kiến biểu quyết về vấn đề đó. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau, quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

6. Phiếu ý kiến đã được thành viên Hội đồng quản trị trả lời và ký xác nhận, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết/Quyết định được thông qua và tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc lấy ý kiến phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 20. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc.

2. Cơ cấu của tiểu ban

a. Tối thiểu 03 thành viên;

b. Gồm các thành viên ngoài Hội đồng quản trị và thành viên ngoài Hội đồng quản trị;

c. Số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa (1/2) tổng số thành viên của tiểu ban;

3. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban

a. Cá nhân không phải là thành viên Hội đồng quản trị được giới thiệu làm thành viên tiểu ban phải được đào tạo chuyên môn và đang thực hiện công tác liên quan đến công việc tiểu ban phải thực hiện;

b. Trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập;

c. Trưởng ban các tiểu ban khác có thể là thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;

d. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Hoạt động của tiểu ban

a. Nhiệm vụ, nội dung, giới hạn thẩm quyền hoạt động của tiểu ban được ghi trong Quyết định thành lập;

b. Tiểu ban hoạt động dưới sự chỉ đạo của trưởng tiểu ban;

c. Nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị;

d. Định kỳ hoặc theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, trưởng ban có trách nhiệm báo cáo kết quả công việc đang thực hiện;

e. Chi phí hoạt động của tiểu ban được xác định là chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Điều 21. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác.

3. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty

4. Không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

5. Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

6. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và làm việc chuyên trách tại Công ty.

Điều 22. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 70% đến dưới 90% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

2. Cá nhân không phải là cổ đông của Công ty có quyền ứng cử chức danh Kiểm soát viên khi đáp ứng đủ tiêu chuẩn và Công ty có nhu cầu.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên theo cơ chế được công bố tại Đại hội và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi tiến hành đề cử. Cơ chế đề cử phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

a. Ứng viên được Ban kiểm soát đề cử thêm phải có mặt tại Đại hội cổ đông;

b. Ứng viên phải báo cáo trước Đại hội thông tin cá nhân.

c. Cổ đông hoặc bất kỳ thành viên nào của Đoàn Chủ tịch, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đều có quyền đặt câu hỏi về lý lịch và chuyên môn của ứng viên. Ứng viên có trách nhiệm trả lời trực tiếp tại Đại hội;

d. Thời gian để thực hiện các nội dung quy định tại điểm b, c cho mỗi cá nhân tối đa là 10 phút.

Điều 23. Cách thức bầu Kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và được hướng dẫn cụ thể Quy chế bầu cử tại mỗi kỳ Đại hội cổ đông.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Miễn nhiệm Kiểm soát viên
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Bãi nhiệm Kiểm soát viên
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 25. Công bố thông tin về việc thay đổi thành viên Ban kiểm soát

Kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY

Điều 26. Ban điều hành Công ty

1. Ban điều hành Công ty bao gồm: một (01) Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng. Các chức danh này do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng người điều hành phù hợp với điều kiện nhu cầu thực tế của Công ty tại từng thời điểm.
3. Tổng giám đốc là người có quyền quyết định cao nhất trong Ban điều hành của Công ty.

Điều 27. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

1. Tiêu chuẩn cơ bản của Tổng giám đốc
 - a. Là cư dân thường trú tại Việt Nam;
 - b. Có đủ năng lực hành vi dân sự;
 - c. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh doanh; phải có kinh nghiệm ít nhất 03 năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành, nghề có liên quan đến ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;
 - d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

- e. Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty;
- f. Không là thành viên Ban kiểm soát Công ty, nhưng có thể là thành viên Hội đồng quản trị Công ty;
- g. Không có quan hệ vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột, bố mẹ vợ/chồng đối với người có thẩm quyền bổ nhiệm chức danh này;
- h. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, cụ thể:
- Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;
 - Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;
 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;
 - Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- i. Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp quy định tại Luật phá sản hiện hành, cụ thể:
- Người đại diện phần vốn góp của Nhà nước ở doanh nghiệp có vốn nhà nước mà doanh nghiệp đó bị tuyên bố phá sản không được đảm đương các chức vụ quản lý ở bất kỳ doanh nghiệp nào có vốn của Nhà nước;
 - Người giữ chức vụ quản lý của doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản mà cố ý vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 18, khoản 5 Điều 28, khoản 1 Điều 48 của Luật phá sản hiện hành thì không được làm người quản lý doanh nghiệp trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày Tòa án nhân dân có quyết định tuyên bố phá sản;
 - Không xem xét các tiêu chuẩn trên trong trường hợp doanh nghiệp mà cá nhân đó quản lý bị phá sản vì lý do bất khả kháng.
- j. Không kiêm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành tại các cơ quan, đơn vị khác ngoài Công ty;
- k. Ưu tiên các cá nhân đã có thành tích tốt trong công tác quản lý, điều hành;
- l. Trường hợp Công ty là công ty con của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, Tổng giám đốc không được là vợ/chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ

nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý doanh nghiệp đó và người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty;

p. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

2. Các tiêu chuẩn cụ thể về chức danh Phó Tổng giám đốc do Tổng giám đốc đề xuất và Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

3. Tiêu chuẩn cơ bản của Kế toán trưởng

a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ nguyên tắc, chính sách, chế độ kinh tế, tài chính và pháp luật của Nhà nước;

c. Phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ đại học trở lên;

d. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là năm (05) năm kinh nghiệm thực tế, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

e. Có Chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng theo quy định của pháp luật hiện hành;

f. Không thuộc đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Luật Kế toán;

g. Làm việc tại doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc có đăng ký hành nghề kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp dịch vụ kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật (áp dụng với trường hợp thuê kế toán trưởng);

h. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 28. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm Tổng giám đốc từ nguồn nhân sự tại Công ty

a. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc Công ty;

b. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.

2. Thuê Tổng giám đốc

a. Việc thuê Tổng giám đốc phải do Hội đồng quản trị quyết định;

b. Ứng viên được thuê làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy chế này;

c. Chi phí thuê người làm Tổng giám đốc theo thoả thuận trong hợp đồng ký trực tiếp với cá nhân đó;

3. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b. Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

c. Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam;

d. Công ty bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

4. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Quy chế này;
- c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;
- d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
- e. Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính, tình hình kinh doanh của Công ty;
- f. Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;
- g. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế được quy định tại Điều lệ Công ty;
- h. Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Kéo dài thời hạn giữ chức danh Tổng giám đốc hoặc tái bổ nhiệm

a. Trường hợp cá nhân không còn đủ năm (05) năm công tác là đến thời điểm nghỉ hưu thì:

- Cá nhân sẽ được Công ty xem xét tái bổ nhiệm nếu còn từ đủ ít nhất ba (03) năm công tác cho đến thời điểm nghỉ hưu;

- Các trường hợp còn lại, cá nhân sẽ được Công ty xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ.

b. Việc kéo dài thời hạn giữ chức danh Tổng giám đốc hoặc tái bổ nhiệm phải dựa trên các điều kiện cơ bản sau đây:

- Nhu cầu của Công ty trong các điều hành, quản lý;
- Năng lực và thành tích của cá nhân trong nhiệm kỳ;
- Được sự đồng ý chấp thuận của Hội đồng quản trị.

7. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế đối với Tổng giám đốc Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

Điều 29. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

1. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc; Nhiệm kỳ của Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng là năm (05) năm.

2. Tiêu chuẩn cơ bản đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng tuân thủ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Quy chế này.

3. Thuê Kế toán trưởng

a. Việc thuê Kế toán trưởng phải do Hội đồng quản trị quyết định;

b. Tiêu chuẩn ứng viên được thuê làm Kế toán trưởng được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 27 Quy chế này;

c. Chi phí thuê người làm Kế toán trưởng theo thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ với người được thuê có đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a. Mất năng lực hành vi dân sự, chết;

b. Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;

5. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong các trường hợp sau:

a. Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b. Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 27 Quy chế này;

c. Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 (bốn mươi lăm) ngày;

d. Theo quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ được giao hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

f. Sai phạm trong điều hành mà lý do không được Hội đồng quản trị chấp thuận;

g. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các lý do khác theo quy định của Công ty;

h. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

Căn cứ nhu cầu của Công ty và năng lực của người điều hành, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị xem xét việc tái bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

7. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty phải được công bố thông tin trên website của Công ty, phương tiện công bố thông tin của UBCKNN, SGDCK.

Điều 30. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng

Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm xây dựng quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với thành viên Ban điều hành trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt và ban hành.

Điều 31. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 4 Điều 49 Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Tổng giám đốc

a. Giúp việc cho Tổng giám đốc trong quản lý điều hành các hoạt động của công ty theo sự phân công của Tổng giám đốc;

b. Chủ động và tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc về hiệu quả các hoạt động;

c. Theo ủy quyền bằng văn bản của Tổng giám đốc phù hợp với từng giai đoạn và phân cấp công việc;

d. Các Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Tổng giám đốc về tình hình thực hiện các nhiệm vụ được giao;

e. Các Phó Tổng giám đốc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có quyền kiến nghị với Tổng giám đốc những điểm chưa phù hợp. Trường hợp Tổng giám đốc không điều chỉnh, vẫn phải thực hiện theo ý kiến của Tổng giám đốc nhưng có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm giải trình với Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kế toán trưởng

a. Tổ chức công tác kế toán và bộ máy kế toán phù hợp với tổ chức kinh doanh của Công ty;

b. Tham mưu công tác tài chính cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

c. Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính trong Công ty;

d. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán và phù hợp với quy định của công ty;

e. Lập Báo cáo tài chính, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt định kỳ theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định của Công ty;

f. Báo cáo bằng văn bản cho Tổng giám đốc khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty;

g. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng giám đốc về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng;

h. Tham mưu cho Tổng giám đốc xây dựng Quy chế quản lý tài chính của Công ty theo trình Hội đồng quản trị phê duyệt, xây dựng các quy định nội bộ về tài chính trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

i. Kế toán trưởng có quyền độc lập về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;

j. Có ý kiến bằng văn bản với Tổng giám đốc Công ty về việc tuyển dụng, thuyên chuyển, tăng lương, khen thưởng, kỷ luật người làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ;

k. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong Công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công việc kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng;

l. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật về kế toán.

Điều 32. Công bố thông tin về người điều hành của Công ty

Khi có sự thay đổi về thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng, Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định về quản trị công ty niêm yết

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 33. Nguyên tắc phối hợp công tác

1. Việc phối hợp công tác của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

a. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của Công ty;

b. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;

c. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;

d. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

Điều 34. Thủ tục, trình tự triệu tập, tiến hành cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng giám đốc, Trưởng các phòng/ban/trung tâm chuyên môn, lãnh đạo

các chi nhánh có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của Công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp này thực hiện theo các quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty.

3. Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp, và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

Điều 35. Thông báo chủ trương, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc Công ty (không là thành viên HĐQT) đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 36. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cần thiết để Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản

trị không điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

3. Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b. Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c. Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d. Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

4. Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

5. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hàng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (*có kèm theo bản dự toán*), cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

6. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

7. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ Công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị biết. Thời hạn báo cáo không chậm hơn hai tư (24) giờ kể từ thời điểm phát sinh trường hợp khẩn cấp.

8. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải có Tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung cần xin ý kiến;
- b. Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- c. Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

Điều 37. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị đảm bảo các thành viên ban kiểm soát được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành của Công ty, ngoài những thông tin báo cáo định kỳ phải cung cấp theo quy định.

5. Hội đồng quản trị đảm bảo thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị, các thông tin khác được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị, Nghị quyết, Quyết định và biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 38. Phối hợp khác

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của Công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi công tác nước ngoài phải có chương trình cụ thể, báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Công ty có liên quan cùng tham gia.

Điều 39. Thẩm quyền quyết định các hợp đồng, giao dịch đặc biệt

1. Các giao dịch, hợp đồng có giá trị nhỏ hơn nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận chủ trương và phê duyệt nội dung hợp đồng:

a. Giao dịch giữa Công ty với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;

b. Giao dịch giữa Công ty và công ty mà thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng có cổ phần, vốn góp;

c. Giao dịch giữa Công ty và người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty;

d. Giao dịch giữa Công ty và công ty mà người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Kế toán trưởng của Công ty giữ vai trò quản lý;

e. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

f. Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng phải báo cáo Hội đồng quản trị về đề xuất thực hiện hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này và kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền lợi liên quan với các hợp đồng, giao dịch tại khoản 1 Điều này được phép tham gia thảo luận nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Việc thực hiện các hợp đồng, giao dịch này phải được công bố thông tin công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo UBCKNN, SGDCK.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 40. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của Công ty

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành Công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Phòng Tổ chức Tiền lương, Người phụ trách quản trị Công ty, tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 41. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật

a. Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Công ty.

b. Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật

a. Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép.

b. Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền.

c. Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật

a. Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm.

b. Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

4. Các hình thức kỷ luật áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người điều hành của Công ty

a. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Có thái độ làm việc thiếu hợp tác trong công việc;

- Không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng;

- Gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị;

- Sử dụng tài sản Công ty không đúng với chức năng, quyền hạn được phân công

b. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với cá nhân có một trong các hành vi vi phạm sau đây:

- Sử dụng thông tin, tài liệu của Công ty để vụ lợi nhưng chưa gây ra thiệt hại nghiêm trọng;

- Vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí các quy định khác của pháp luật liên quan nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Cá nhân đã bị áp dụng hình thức kỷ luật đến lần thứ hai mà vẫn còn tái phạm thì sẽ bị xem xét chuyển sang hình thức kỷ luật cao hơn.

c. Việc áp dụng hình thức bãi nhiệm đối với người quản lý, người điều hành doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 42. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 43. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát Công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 44. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo chính sách đã thiết lập và thỏa thuận trước, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật nhà nước về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác

a. Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của Công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

b. Kỷ luật: Những người điều hành của Công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ Công ty và các quy định khác của Công ty.

Điều 45. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và Công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

CHƯƠNG VIII NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 47. Tiêu chuẩn người phụ trách quản trị công ty

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
4. Tham dự các cuộc họp.
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên.
7. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX

ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG VIỆC BẢO ĐẢM THỰC HIỆN QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 49. Áp dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông

1. Công ty có thể áp dụng chương trình bỏ phiếu điện tử do các đơn vị tư vấn có uy tín cung cấp để thực hiện việc lấy ý kiến cổ đông.

2. Cách thức bỏ phiếu điện tử phải được xây dựng thành Quy chế riêng và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X

THỰC HIỆN, SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG QUY CHẾ

Điều 50. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện, khi có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và hoạt động quản trị của Công ty, Quy chế sẽ được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có nội dung khác với nội dung trong Quy chế này thì sẽ áp dụng của quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 51. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương và 51 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng nhất trí thông qua, chấp thuận hiệu lực toàn văn và giao cho Hội đồng quản trị Công ty ban hành, triển khai thực hiện kể từ ngày .../6/2018.

2. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng được ban hành kèm theo Quyết định số 1207/QĐ-CHP ngày 06/4/2015 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phùng Xuân Hà



TỜ TRÌNH

(Về việc phân phối lợi nhuận năm 2017)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty),

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận và kế hoạch chi trả cổ tức năm 2017 của Công ty như sau:

1/ Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

STT	Nội dung	Dự kiến PPLN năm 2017 (cổ tức 6%)	Tỷ lệ % Các quỹ được chia/LNST được phân phối
A	Phân phối lợi nhuận		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2017	330.680.356.524	
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2017	282.779.861.294	
3	Lãi CLTG chưa thực hiện		
4	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	8.969.891.992	
5	Lợi nhuận còn lại được phân phối năm 2017 (5 = 2 - 3 - 4)	273.809.969.302	
6	Lợi nhuận của năm trước chưa phân phối	23.603.689.071	
7	Lợi nhuận để lại chưa phân phối	10.000.000.000	
8	Tổng lợi nhuận được phân phối (8 = 5 + 6 - 7)	287.413.658.373	
9	Vốn điều lệ	3.269.600.000.000	
10	Chia cổ tức	196.176.000.000	
11	Trích quỹ đầu tư phát triển (11 = 8 - 12 - 13)	55.583.536.373	19,33%
12	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	35.000.000.000	12,18%
13	Trích quỹ thưởng người quản lý	654.122.000	0,23%

B	Dự kiến chi Quỹ khen thưởng	30.000.000.000	
	- Thưởng người lao động	20.000.000.000	
	- Thưởng khách hàng, giao ước thi đua, đối ngoại	10.000.000.000	
C	Dự kiến chi Quỹ phúc lợi	5.000.000.000	

2/ Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2017:

- Hình thức chi trả: **Bằng tiền**
- Tỷ lệ chi trả cổ tức là **6%** vốn điều lệ, bằng 75% so với kế hoạch chi trả cổ tức mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 24/4/2017.
- Giao cho Hội đồng quản trị căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty chỉ đạo hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông trong Quý III/2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Tký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



TỜ TRÌNH

(Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán của CTCP Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng sở hữu 100% vốn điều lệ;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (*Báo cáo tài chính đã đăng tải công khai trên trang Website của Công ty*)

Do Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động của 03 chi nhánh thành 03 công ty TNHH một thành viên vào tháng 01/2016, nên để nội dung báo cáo phù hợp với các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội thường niên năm 2017 đã thông qua, sau đây tôi xin được trình bày:

- Mục A: Báo cáo tóm tắt Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng
- Mục B: Báo cáo tóm tắt số liệu tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và 03 công ty con do Cảng Hải Phòng nắm giữ 100% vốn điều lệ.
- Mục C: Báo cáo tóm tắt số liệu tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng

MỤC A
BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2017
I	Tài sản ngắn hạn	1.137.440.078.971
II	Tài sản dài hạn	3.734.776.417.523
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.872.216.496.494
IV	Nợ phải trả	1.072.655.217.693
V	Vốn chủ sở hữu	3.799.561.278.801
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.872.216.496.494

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	1.233.406.024.448
2	Tổng chi phí	904.663.932.108
3	Lãi/Lỗ từ công ty liên doanh liên kết	
3	Lợi nhuận trước thuế	328.742.092.340
4	Lợi nhuận sau thuế	282.362.595.776

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	23,35%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	76,65%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	

	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	22,02%
3	Khả năng thanh toán	77,98%
	- Khả năng thanh toán nhanh	3,20
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,27
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,80%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	25,73%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	7,43%

MỤC B
BÁO CÁO TÓM TẮT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG VÀ 03 CÔNG TY CON

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2017
I	Tài sản ngắn hạn	1.373.777.165.254
II	Tài sản dài hạn	3.535.256.951.786
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	4.909.034.117.040
IV	Nợ phải trả	1.108.034.816.151
V	Vốn chủ sở hữu	3.800.999.300.889
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	4.909.034.117.040

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	1.595.395.671.878
2	Tổng chi phí	1.264.715.315.354
3	Lợi nhuận trước thuế	330.680.356.524
4	Lợi nhuận sau thuế	282.779.861.294

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	27,98%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	72,02%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	22,57%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	77,43%
3	Khả năng thanh toán	

	- Khả năng thanh toán nhanh	3,50
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,59
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,76%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	19,58%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	7,44%

MỤC C
BÁO CÁO TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT CỦA CTCP CẢNG HẢI PHÒNG

I. Bảng cân đối kế toán

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	31/12/2017
I	Tài sản ngắn hạn	2.085.080.943.795
II	Tài sản dài hạn	3.151.201.629.672
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.236.282.573.467
IV	Nợ phải trả	1.228.734.872.093
V	Vốn chủ sở hữu	4.007.547.701.374
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.236.282.573.467

II. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	2.174.314.754.887
2	Tổng chi phí	1.628.195.588.527
3	Lãi/Lỗ từ công ty liên doanh liên kết	14.697.872.969
4	Lợi nhuận trước thuế	560.817.039.329
5	Lợi nhuận sau thuế	482.285.045.235

III. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	39,82%
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	60,18%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	23,47%

	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	76,53%
3	Khả năng thanh toán	
	- Khả năng thanh toán nhanh	4,10
	- Khả năng thanh toán ngắn hạn	4,18
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,21%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,31%
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	12,03%

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu: TKý Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



TỜ TRÌNH

(Về việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng tại kỳ họp ngày 24/4/2017;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017 và kế hoạch năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) như sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2017:

Nội dung	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017	Thực hiện	Tỷ lệ
Thù lao HĐQT, BKS	- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	- Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đ/người/tháng - Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.500.000 đ/người/tháng	100%

2. Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát năm 2018

- Hình thức chi trả: Bằng tiền
- Tổng mức thù lao kế hoạch
 - + Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách : Mức 5.000.000 đ/người/tháng
 - + Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: Mức 3.500.000 đ/người/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Tký Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



TỜ TRÌNH

*(Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018
của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng)*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 2361/QĐ-BTC ngày 14/11/2017 của Bộ Tài chính về việc chấp thuận cho doanh nghiệp kiểm toán và kiểm toán viên hành nghề được kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018;

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng và các quy định của pháp luật, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách các công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Công ty) như sau:

1. Các tiêu thức lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng;
- Có kinh nghiệm kiểm toán cho các công ty tại Việt Nam;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Cảng Hải Phòng về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

2. Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên, Ban kiểm soát Công ty đề xuất danh sách đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
- Công ty TNHH Pricewaterhouse Coopers;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn, danh sách các công ty kiểm toán nêu trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các công ty đề xuất nêu trên để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội !

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: TKý Công ty.

TM. BẢN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Đã ký)
Lê Duy Dương



BÁO CÁO

Báo cáo hoạt động của tiểu ban Nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Thực hiện Quyết định số 5654/QĐ-CHP ngày 01/9/2016, Quyết định số 584/QĐ-CHP ngày 17/03/2017 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng về việc thành lập, bổ sung thành viên tham gia Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng. Trong năm 2017, Tiểu ban nghiên cứu phát triển Cảng Hải Phòng đã giúp việc cho Hội đồng quản trị trong việc tiến hành các công việc liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng 02 bến container số 3, 4 tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng, việc đền bù khi thu hồi đất tại Cảng Hoàng Diệu để xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ và việc xây dựng đề án di dời Cảng Hoàng Diệu. Tiến độ các công việc cụ thể như sau:

1. Dự án đầu tư xây dựng 02 bến container số 3, 4 tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng:

Dự án đầu tư xây dựng 02 bến container số 3, 4 tại Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng của Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận tại thông báo kết luận cuộc họp số 449/TB-VPCP ngày 30/12/2016 về kết quả tái cơ cấu và phương án cổ phần hóa Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Quyết định số 276/QĐ-TTg ngày 27/2/2017 phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2016 – 2020 của Tổng Công ty hàng hải Việt Nam, thông báo kết luận cuộc họp số 332/TB-VPCP ngày 02/8/2017 thông báo kết luận của Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo Thành phố Hải Phòng.

Cảng Hải Phòng đã cùng đơn vị tư vấn hoàn thành hồ sơ đề xuất đầu tư 02 bến container số 3, 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện theo đúng trình tự quy định của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014 trình Trung tâm xúc tiến đầu tư thương mại và du lịch Hải Phòng, UBND Thành phố Hải Phòng. UBND Thành phố Hải Phòng có báo cáo số 96/BC-UBND báo cáo tổng hợp ý kiến về chủ trương đầu tư 02 bến container số 3, 4 Cảng Lạch Huyện gửi Bộ Kế hoạch và đầu tư thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định từ ngày 27/4/2017 .

Các Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và môi trường , Bộ Giao thông vận tải có tham vấn ý kiến về quyết định chủ trương đầu tư xây dựng 02 bến container số 3, 4 thuộc cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng.

Ngày 09/5/2018, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 3002/BC-BKHĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư 02 bến container số

3, 4 thuộc Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng đề nghị Thủ tướng Chính phủ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án.

2. Về việc đền bù khi thu hồi đất tại Cảng Hoàng Diệu để xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ:

Dự án đầu tư xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ vượt sông Cấm kết nối khu trung tâm thành phố với trung tâm hành chính mới Bắc Sông Cấm cắt ngang vị trí cầu tàu số 10 Cảng Hoàng Diệu với đường dẫn nằm toàn bộ trong phạm vi Cảng Hoàng Diệu từ cuối cầu tàu số 9 đến hết cầu tàu số 11, với diện tích đất phải thu hồi tại Cảng Hoàng Diệu để xây dựng cầu là 22.336m².

Từ tháng 4/2017 đến tháng 4/2018, UBND Quận Ngô Quyền có 08 Quyết định trong đó Quyết định gần nhất là Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 07/3/2018 phê duyệt phương án đền bù khi thu hồi đất tại Cảng Hoàng Diệu để thực hiện xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ với giá trị đền bù sau khi điều chỉnh là 118.830.036.263 đồng. Hiện nay Cảng Hải Phòng đang tiếp tục rà soát chi tiết phương án đền bù hỗ trợ theo Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động cũng như doanh nghiệp.

3. Về đề án di dời Cảng Hoàng Diệu:

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng đã cùng với đơn vị tư vấn hoàn thành đề án, tiếp thu toàn bộ các ý kiến góp ý của các Bộ ban ngành, UBND Thành phố Hải Phòng và tổng hợp giải trình, làm rõ một số nội dung góp ý gửi Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng hải Việt Nam. Hiện nay, Bộ GTVT, Cục Hàng hải Việt Nam đang xem xét, thống nhất với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng chính phủ xem xét, quyết định phê duyệt đề án.

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu: Tky Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



BÁO CÁO
Về việc giải quyết chế độ hưu trước tuổi cho người lao động

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng thông qua về việc sử dụng Quỹ hỗ trợ người lao động về hưu là **24.581.000.000 đ.**

Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) đã xây dựng và ban hành Quy chế số 2197/QC-CHP ngày 31/07/2017 và Quy chế 3997/QC-CHP ngày 25/12/2017 về việc hỗ trợ đối với người lao động của Công ty nghỉ hưu trước và chấm dứt hợp đồng lao động tại Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (sau đây gọi tắt là Quy chế);

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội cổ đông Công ty quá trình thực hiện tính đến ngày **29/06/2018** như sau:

A. ĐỢT 1

I. Số lượng CBCNV đã giải quyết xong nghỉ hưu đợt I:

S T T	Chức danh	Cảng Hoàng Diệu	Cảng Chùa Vẽ	Cảng Tân Vũ	Khối Văn phòng	Tổng Cộng
1	Giao nhận, văn phòng bãi, kết toán tàu.	24	3			27
2	Nhân viên bảo vệ	13	5		2	20
3	Lao động phổ thông	1	4	2		7
4	CBNV Khối văn phòng	8	2			10
5	Cấp phát công cụ		1			1
6	Đội phó Đội vệ sinh công nghiệp		1			1
Tổng cộng		46	16	2	2	66

II. Số tiền đã chi trả đợt 1:

- Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu: 4.882.582.500 đ
- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ: 1.818.847.500 đ
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ: 238.887.500 đ
- Khối văn phòng 8A: 224.885.000 đ
- Tổng Số tiền chi trả đợt 1: **7.165.202.500 đ**

B. ĐỢT 2

I. Số lượng CBCNV hiện đang giải quyết nghỉ hưu và chấm dứt đợt 2:

S T T	Chức danh	Cảng Hoàng Diệu	Cảng Chùa Vẽ	Cảng Tân Vũ	Khối Văn phòng	Tổng Cộng
1	Giao nhận, văn phòng bãi, kết toán tàu	6	1			7
2	Nhân viên bảo vệ	7	1		7	15
3	Lao động phổ thông	2	2			4
4	Thợ đầu cấp	1				1
5	Công nhân bốc xếp thủ công	1	3	2		6
6	Vận hành cần trục đế , giàn		2			2
7	Lái xe vận tải trong dây chuyền xếp dỡ	1				1
Tổng cộng		18	9	2	7	36

II. Số tiền đã chi trả đợt 2:

- Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu: 1.986.055.000 đ
- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ: 1.017.652.500 đ
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ: 229.750.000 đ
- Khối văn phòng 8A: 819.337.500 đ
- Tổng Số tiền đã chi trả đợt 2: 4.052.795.000 đ**

ĐỢT 3

I. Số lượng CBCNV hiện đang giải quyết nghỉ hưu và chấm dứt HDLD đợt 3:

S T T	Chức danh	Cảng Hoàng Diệu	Cảng Chùa Vẽ	Cảng Tân Vũ	Khối Văn phòng	Tổng Cộng
1	Giao nhận, văn phòng bãi, kết toán tàu	2	2			4
2	Nhân viên chỉ đạo, điều độ viên	1		4		5
3	Thợ sửa chữa máy, thợ Mooc lốp	1	1			2
4	Công nhân bốc xếp thủ công	1	1			2
5	Vận hành xe nâng hàng xếp dỡ Container			1		1
6	Lái xe vận tải trong dây chuyền xếp dỡ	1				1
Tổng cộng		6	4	5		15

II. Số tiền dự tính chi trả đợt 3:

- Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu: 693.080.000 đ
- Chi nhánh Cảng Chùa Vẽ: 559.380.000 đ
- Chi nhánh Cảng Tân Vũ: 624.865.000 đ

Tổng Số tiền dự kiến chi trả đợt 3: 1.877.325.000 đ

D. SỐ TIỀN CÒN LẠI (DỰ TÍNH)

- **Tổng lao động nghỉ 3 đợt:** $66 + 36 + 15$ (dự tính) = **117 người**
- **Tổng chi trả 03 Đợt:** $7.165.202.500 \text{ đ} + 4.052.795.000 \text{ đ} + 1.877.325.000 \text{ đ}$
= 13.095.322.500 đ
- **Số tiền nguồn còn lại:** $24.581.000.000 - 13.095.322.500 = 11.485.677.500 \text{ đ}$

Trong thời gian này Cảng Hải Phòng đang tiếp tục thực hiện Quy chế cho người lao động đã ban hành.

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: Tky Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



BÁO CÁO

Tiến độ thực hiện Phương án vay trả khoản vay Cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ và Phân chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

1. Về phương án vay, trả đối với Cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ:

Căn cứ công văn số 1769/TTg-KTN ngày 20/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ công văn số 2313/TTg-KTN ngày 25/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Cảng Hải Phòng tiếp tục quản lý, khai thác các cầu cảng số 4 và số 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ; Công văn số 1966/VPCP ngày 25/3/2014 của Văn phòng Chính phủ về hạch toán tăng tài sản đối với giá trị các cầu cảng số 4, 5 thuộc bến cảng Chùa Vẽ và trả nợ vốn vay, lãi vay theo Hiệp định ký kết với nhà tài trợ nước ngoài; Công văn số 12250/BTC-QLN ngày 03/9/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định giá trị của khoản cho vay lại và phương án trả nợ.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam về việc xây dựng phương án trả nợ vay cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ thuộc Dự án cải tạo nâng cấp Cảng Hải Phòng Giai đoạn II, Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng (Cảng Hải Phòng) đã lập và trình phương án vay, trả nợ cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ với thời hạn 5 năm từ 2016 -2020 và đã được Bộ GTVT, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đồng ý chấp thuận chuyên Bộ Tài chính xem xét phê duyệt.

Ngày 23/3/2017, Bộ Tài chính đã có công văn số 3791/BTC-QLN đề nghị Bộ Giao thông vận tải, Cảng Hải Phòng và Ngân hàng phát triển Việt Nam cho ý kiến để thống nhất phương án trả nợ. Cảng Hải Phòng đã có văn bản trả lời số 682/CHP-HĐQT ngày 29/3/2017. Ngân hàng phát triển Việt Nam đã có văn bản trả lời số 670/NHPT-VNN ngày 30/3/2017. Bộ GTVT đã có văn bản trả lời số 3651/BGTVT-TC ngày 07/4/2017 đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận phương án trả nợ để sớm có cơ sở triển khai thực hiện.

Tháng 11/2017, Bộ Giao thông Vận tải đã tổ chức cuộc họp với sự tham dự đại diện của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam và Cảng Hải Phòng nhằm làm rõ thêm các hồ sơ liên quan đến phương án trả nợ cầu cảng số 4, số 5 bến Cảng Chùa Vẽ - Cảng Hải Phòng. Tại cuộc họp đại diện Bộ Tài chính đề nghị các bên xem xét sự phù hợp của phương án trả nợ theo quy định tại Nghị định số 21/2012/NĐ-CP ngày 21/3/2012 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1769/TTg-KTN ngày 20/10/2008.

Ngày 07/11/2017, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 3395/CHP-NĐDPV báo cáo các căn cứ pháp lý, thực trạng tình hình SXKD hiện nay tại khu vực Chùa Vẽ và Cảng Hải Phòng tiếp tục kiến nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đề xuất với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải cho phép Cảng Hải Phòng được thực hiện vay, trả cầu 4,5 - Bến Cảng Chùa Vẽ như phương án vay, trả nhanh trong vòng 5 năm mà Cảng Hải Phòng đã đề xuất.

2. Về phương án vay, trả đối với Phân chi phí khác phân bổ cho gói thiết bị:

Căn cứ Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT ngày 25/11/2015 về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành đối với Dự án cải tạo, nâng cấp Cảng Hải Phòng - Giai đoạn II. Theo điều 3 khoản 5, Bộ Giao thông vận tải yêu cầu Cảng Hải Phòng có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài chính vay lại giá trị phân chi phí khác phân bổ cho thiết bị với tổng giá trị là

55.339.292.485 đồng. Cảng Hải Phòng đã có văn bản báo cáo Bộ tài chính về giá trị phân bổ cho gói thiết bị nêu trên bao gồm chi phí cả lãi vốn vay gói thiết bị là 14.119.307.626 đồng. Đây là khoản chi phí lãi vay đối với gói thầu thiết bị phát sinh từ thời điểm bắt đầu rút vốn 31/03/2006 đến thời điểm 21/10/2009 và Cảng Hải Phòng đã thực hiện chi trả cả lãi và phí là 169.035.649,84 JPY tương ứng 38.317.001.105 đồng (trong đó bao gồm khoản chi phí lãi vay **14.119.307.626** nêu trên) theo Công văn xác nhận số 425/TB-NHPT.HPH.TD3 ngày 16/11/2010 của Ngân hàng Phát triển - chi nhánh NHPT Hải Phòng. Do đó Cảng Hải Phòng đã có đề xuất vay, trả phần chi phí khác bổ sung cho gói thiết bị là **41.219.984.859** đồng.

Cảng Hải Phòng đã kiến nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đề nghị Bộ Tài chính có văn bản ủy quyền cho Ngân hàng Phát triển - chi nhánh NHPT Hải Phòng ký phụ lục bổ sung Hợp đồng tín dụng vay lại vốn ODA số 02/2004/TDNN đối với phần chi phí khác phân bổ cho Gói thầu thiết bị số tiền là **41.219.984.859** đồng (theo văn bản số 3395/CHP-NĐDPV ngày 07/11/2017).

Ngày 11/6/2018, Cảng Hải Phòng đã có văn bản số 1410/CHP-NĐDPV tiếp tục kiến nghị Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đề xuất với Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải cho phép Cảng Hải Phòng được thực hiện vay, trả cả 02 khoản vay nói trên như Cảng Hải Phòng đã báo cáo trước đây, đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp cơ cấu nợ vay ODA khi thực hiện phương án di dời Cảng Hoàng Diệu trong trường hợp được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đến thời điểm hiện tại, phương án trả 02 khoản vay nói trên chưa được Bộ Tài chính phê duyệt tuy nhiên Cảng Hải Phòng vẫn ghi nhận các khoản vay này và thực hiện trích trước chi phí lãi vay phải trả từ ngày 01/7/2014, chi tiết như sau:

DVT: đồng

STT	Nội dung	Gói vay cầu số 4, số 5 bến cảng Chùa vẽ	Gói vay phần chi phí khác bổ sung gói thiết bị	Tổng
Thông tin cơ bản				
1	Gốc vay	342.110.245.728	41.219.984.859	383.330.230.587
2	Lãi suất 1 năm	9,7%	9,7%	
Chi phí lãi vay cho giai đoạn				
1	6T cuối năm 2014	16.592.346.918	1.999.169.267	18.591.516.184
2	Năm 2015	33.184.693.836	3.998.338.532	37.183.032.368
3	Năm 2016	33.184.693.836	3.998.338.532	37.183.032.368
4	Năm 2017	33.184.693.836	3.998.338.532	37.183.032.368
5	Lũy kế đến 31/12/2017	116.146.428.425	13.994.184.864	130.140.613.289

Xin trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HDQT, BKS;
- Lưu: Tky Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Phùng Xuân Hà



Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo tài chính riêng cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 118/QĐ-HHVN Ngày 8 tháng 4 năm 2014

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh Nghiệp số** 0200236845 Ngày 18 tháng 7 năm 2014

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0200236845 ngày 18 tháng 7 năm 2014.

Hội đồng Quản trị	Ông Phùng Xuân Hà	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hùng Việt	Thành viên
	Ông Cao Trung Ngoan	Thành viên
	Ông Trương Văn Thái	Thành viên
	Ông Vũ Tuấn Dương	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Dũng	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Hải	Thành viên

Ban Kiểm soát	Ông Lê Duy Dương	Trưởng ban
	Bà Đào Thị Thu Hà	Thành viên
	Bà Phạm Thị Thu Hương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Hùng Việt	Tổng Giám đốc
	Ông Cao Trung Ngoan	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Tuấn Linh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phạm Hồng Minh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Số 8A Đường Trần Phú, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền
Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tài sản cố định của Công ty là cầu số 4, số 5, bãi container và một số thiết bị khác được hình thành từ trước thời điểm cổ phần hóa Công ty. Tại ngày 1 tháng 7 năm 2014 là thời điểm Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp sang công ty cổ phần, Công ty đã ghi nhận các tài sản nói trên theo giá trị định giá lại khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần. Vào ngày 25 tháng 11 năm 2015, Bộ Giao thông Vận tải có Quyết định số 4196/QĐ-BGTVT phê duyệt giá trị quyết toán của các tài sản này và yêu cầu Công ty nhận nợ khoản vay vốn ODA liên quan đến các tài sản này do nguồn vốn đầu tư dự án hình thành các tài sản nói trên trước đây bao gồm vốn vay ODA và vốn Nhà nước. Giá trị phần vốn Nhà nước ở Công ty tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần đã được quyết toán theo Biên bản "Về việc kiểm tra, xác định giá trị phần vốn nhà nước, quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí hỗ trợ lao động dôi dư, quyết toán số tiền thu từ cổ phần hóa của Công ty TNHH MTV Cảng Hải Phòng tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (Thời điểm 24h ngày 30/6/2014)" được phê duyệt ngày 10 tháng 10 năm 2016 bởi Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Theo đó, trong năm 2016, Công ty đã tạm thời ghi nhận khoản vay bằng VND và điều chỉnh hồi tố giá trị tài sản cố định hữu hình. Tuy nhiên, do khoản vay ODA gốc là bằng Yên Nhật và tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, phương án trả nợ và đồng tiền vay của Công ty chưa được Bộ Tài chính phê duyệt nên số liệu quyết toán vốn Nhà nước theo biên bản trên có thể bị ảnh hưởng bởi chênh lệch tỷ giá tại thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần và tỷ giá giải ngân đầu tư xây dựng. Chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng của vấn đề này đối với các số liệu trên báo cáo tài chính riêng liên quan đến tài sản cố định hữu hình – nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế, phải thu/phải trả về cổ phần hóa, vay ngắn hạn, vay dài hạn, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, giá vốn hàng bán, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại phần Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-180-KT-R



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.137.440.078.971	1.090.749.684.287
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	192.656.351.634	348.069.094.448
Tiền	111		137.656.351.634	263.069.094.448
Các khoản tương đương tiền	112		55.000.000.000	85.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		632.500.000.000	482.981.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	632.500.000.000	482.981.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.516.129.117	228.480.221.699
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	140.030.416.419	156.401.809.632
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	102.515.506.718	23.717.884.101
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	27.697.568.543	68.296.580.230
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(20.727.362.563)	(19.936.052.264)
Hàng tồn kho	140	10	23.564.417.993	17.781.773.697
Hàng tồn kho	141		23.564.417.993	17.781.773.697
Tài sản ngắn hạn khác	150		39.203.180.227	13.437.594.443
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14(a)	11.462.625.263	11.612.433.325
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17(a)	24.806.385.385	1.825.161.118
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17(b)	2.934.169.579	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.734.776.417.523	3.684.475.507.451
Tài sản cố định	220		2.295.537.110.043	2.270.415.738.595
Tài sản cố định hữu hình	221	11	2.293.328.652.043	2.269.714.077.595
Nguyên giá	222		4.360.384.732.454	4.092.649.939.539
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.067.056.080.411)	(1.822.935.861.944)
Tài sản cố định vô hình	227	12	2.208.458.000	701.661.000
Nguyên giá	228		31.428.695.138	29.721.021.138
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.220.237.138)	(29.019.360.138)
Tài sản dở dang dài hạn	240		33.480.659.498	18.974.068.269
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	33.480.659.498	18.974.068.269
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.353.866.941.472	1.361.367.711.333
Đầu tư vào công ty con	251		1.279.501.691.109	1.279.501.691.109
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		83.143.237.464	83.143.237.464
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.755.136.000	17.755.136.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.533.123.101)	(19.032.353.240)
Tài sản dài hạn khác	260		51.891.706.510	33.717.989.254
Chi phí trả trước dài hạn	261	14(b)	25.863.583.852	16.038.341.756
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	26.028.122.658	17.679.647.498
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.872.216.496.494	4.775.225.191.738

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.072.655.217.693	1.062.146.607.753
Nợ ngắn hạn	310		347.639.331.797	314.664.502.651
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	37.264.293.910	36.032.047.859
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		291.947.960	883.792.089
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17(c)	22.473.274.842	38.122.274.029
Phải trả người lao động	314		69.465.561.186	88.817.767.287
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	132.371.289.553	95.398.120.573
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	9.725.519.792	10.169.580.963
Vay ngắn hạn	320	20(a)	31.062.332.302	29.534.548.044
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	7.562.500.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	37.422.612.252	15.706.371.807
Nợ dài hạn	330		725.015.885.896	747.482.105.102
Vay dài hạn	338	20(b)	725.015.885.896	737.744.807.102
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	-	9.737.298.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.799.561.278.801	3.713.078.583.985
Vốn chủ sở hữu	410	23	3.799.561.278.801	3.713.078.583.985
Vốn cổ phần	411	24	3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.269.600.000.000	3.269.600.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	161.622.388.578	60.917.847.513
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		368.338.890.223	382.560.736.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		85.976.294.447	63.941.454.834
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		282.362.595.776	318.619.281.638
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.872.216.496.494	4.775.225.191.738

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng



Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	28	1.097.329.225.283	1.225.436.722.813
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		721.102.679.695	768.492.056.345
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		376.226.545.588	456.944.666.468
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	134.753.310.119	243.757.138.161
Chi phí tài chính	22	30	71.837.739.009	82.739.733.713
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		43.169.876.387	49.704.227.441
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	111.201.150.154	121.359.689.198
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		327.940.966.544	496.602.381.718
Thu nhập khác	31	32	1.323.489.046	3.114.370.946
Chi phí khác	32		522.363.250	1.881.809.172
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		801.125.796	1.232.561.774
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		328.742.092.340	497.834.943.492
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	54.727.971.724	66.111.309.352
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(8.348.475.160)	(17.679.647.498)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		282.362.595.776	449.403.281.638

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Đào Ngọc Thành
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Trần Thị Thanh Hải
Kế toán trưởng

Nguyễn Hùng Việt
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này